



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - SỐ 646 / Kỳ II - 5/2023



**QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN
2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN
VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI**



**THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ
PHÁT TRIỂN GIỮA CÁC VÙNG**



**CUỘC CHIẾN
CHỐNG LẠM PHÁT TOÀN CẦU**



**LÀO CAI
HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 5/2022 (646) Ra hàng tháng. Năm thứ 62

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Đoàn công tác của Tổng cục Thống kê thăm cán bộ, chiến sĩ, nhân dân huyện đảo Trường Sa, nhà giàn DK1

3. Tổng cục Thống kê phối hợp với chuyên gia ILO xây dựng báo cáo đánh giá dữ liệu về đo lường năng suất lao động

KINH TẾ - XÃ HỘI

4. Còn nhiều dư địa hợp tác sau 10 năm đối tác toàn diện Việt - Mỹ

ThS. Nguyễn Hữu Bình - ThS. Lưu Thị Duyên

7. Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Một số định hướng cơ bản và giải pháp triển khai

TS. Phạm Thị Tuyết Nhung - TS. Nguyễn Thị Sơn

10. Những bước tiến của Việt Nam trong đổi mới sáng tạo

ThS. Triệu Văn Lương

14. Bảo hộ và quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong thời đại CMCN 4.0

ThS. Vũ Thúy Hằng

17. Những xu hướng chính trong chuyển đổi số ngành bán lẻ Việt Nam

ThS. Nhữ Thị Hồng

20. Thị trường hàng tiêu dùng hướng tới phát triển theo chiều sâu

ThS. Vũ Huyền Trang

23. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam thời kỳ hậu Covid-19

Nhóm tác giả Trường Đại học Ngoại thương

25. Năm 2023 - Du lịch Việt kỳ vọng khởi sắc

ThS. Nguyễn Bình Minh

29. Phát triển nhân lực ngành giáo dục - đào tạo: Đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập

ThS. Phạm Tuấn Anh - ThS. Nguyễn Thị Hòa

32. Thách thức Giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam

ThS. Phùng Khắc Sáng - ThS. Nguyễn Thùy Hương

34. Phát triển kinh tế tư nhân ở thành phố Hà Nội: Thực trạng và giải pháp

Nguyễn Thị Mai

38. Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Đà Bắc

**ThS. Nguyễn Thị Thùy - TS. Nguyễn Thị Hải Ninh
Bùi Thị Hồng Anh**

41. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

42. Thực trạng trình độ phát triển giữa các vùng

TS. Nguyễn Huy Lương

45. Phát triển mô hình hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp tại Việt Nam

ThS. Nguyễn Vũ Nhật Anh

QUỐC TẾ

48. Cuộc chiến chống lạm phát toàn cầu

ThS. Kiều Thị Tuấn

51. Năm 2023 - nhiều quốc gia lao đao với cơn khát nhân lực

ThS. Đặng Thị Loan

LÀO CAI - HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

53. Lào Cai: Tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Đình Long

54. Lào Cai: Chủ động "tấn công" chống đói nghèo

Trịnh Long

56. Huyện Bắc Hà: Tranh thủ các nguồn lực đầu tư, khai thác tiềm năng lợi thế vào Phát triển kinh tế - xã hội

Minh Hùng

57. Lào Cai: Đẩy mạnh hợp tác, tận dụng mọi nguồn lực phát triển y tế địa phương

Thành Nam

59. Bệnh viện Đa khoa Bát Xát: Tích cực đổi mới vì mục tiêu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Hùng Minh

Giá: 27.000 đ

ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ THĂM CÁN BỘ, CHIẾN SĨ, NHÂN DÂN HUYỆN ĐẢO TRƯỜNG SA, NHÀ GIÀN DK1

Từ ngày 3-9/5/2023, Đoàn công tác của TCTK gồm đồng chí Nguyễn Thị Hương - Tổng cục trưởng; đồng chí Phí Thị Hương Nga, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng; đồng chí Lê Thị Trúc Phương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa đã tham gia Đoàn công tác số 8 (gồm đoàn công tác của các tỉnh: Khánh Hòa, Đắk Nông, Sơn La, Ninh Thuận, Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh...) tới thăm, làm việc và động viên quân và dân trên các đảo thuộc Huyện đảo Trường Sa, nhà giàn DK1.

Trong chuyến công tác, Đoàn đã tổ chức dâng hương, tưởng niệm các chiến sĩ Gạc Ma hy sinh tại vùng biển Trường Sa tại Khu tưởng niệm chiến sĩ Gạc Ma (xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, Khánh Hòa); và tại tàu HQ-571, cách đảo Gạc Ma vài hải lý, trong tiếng nhạc Chiêu hồn tử sĩ, đoàn công tác dành một phút tưởng niệm những liệt sĩ đã hy sinh anh dũng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Sau lễ tưởng niệm, các đại biểu đã thực hiện nghi lễ thả vòng hoa và hạc giấy xuống biển, nơi có 64 cán bộ, chiến sĩ hy sinh trong trận chiến Gạc Ma. Tại Lễ tưởng niệm, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã đặc biệt thăm hỏi, động viên đồng chí Trần Thị Thủy (Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải Quân), là con gái liệt sĩ Trần Văn Phương, người đã hy sinh trong trận chiến này.

Đoàn công tác đã đến thăm, tặng quà cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các đảo Song Tử Tây, đảo Sinh Tồn, đảo Đá Tây A, đảo Cô Lin. Tại đảo Song Tử Tây, Đoàn đã dâng hương tưởng nhớ tại Tượng đài Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, chùa Song Tử Tây,



thăm, tặng quà cán bộ, chiến sĩ và nhân dân xã đảo Song Tử Tây và tham gia giao lưu văn nghệ với cán bộ, chiến sĩ đang thực hiện nhiệm vụ trên đảo.

Tiếp đó, Đoàn công tác đã tới thăm quân, dân thị trấn Trường Sa (huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa). Tại thị trấn Trường Sa, Đoàn công tác đã thành kính dâng hương tại Đài Liệt sĩ, Nhà tưởng niệm Bác Hồ... Đây là những địa điểm giáo dục lý tưởng cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ và là không gian sinh hoạt văn hóa tâm linh cho người dân và các ngư dân đánh bắt thủy hải sản trong khu vực.

Theo chương trình, tàu HQ-571 chở gần 300 đại biểu của Đoàn công tác số 8, Quân chủng Hải quân tiếp cận Nhà giàn DK1/7 Huyện Trần trên Thềm lục địa phía Nam. Thời tiết diễn biến bất thường, đoàn công tác không thể trực tiếp lên thăm hỏi, động viên tặng quà cán bộ, nhân viên nhà giàn.

Đúng 7h sáng ngày 8/5, trong không khí trang nghiêm, Đoàn công tác số 8 đã tổ chức Lễ tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ hy sinh trong quá trình làm nhiệm vụ trên Thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc. Sau phần thả hoa đăng, Đoàn công tác đã có mặt tại vị trí khoang lái để trò chuyện

cùng cán bộ, chiến sĩ đang thực hiện nhiệm vụ trên Nhà giàn DK1/7 thông qua hệ thống VHF (sóng ngắn).

Trong không khí trang nghiêm và xúc động, thay mặt Đoàn công tác số 8, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã phát biểu động viên các chiến sĩ đang thực hiện nhiệm vụ trên nhà giàn DK1: *"Lần đầu tiên được đến Trường Sa, chúng tôi đã thấy được sự hy sinh thầm lặng và vất vả của các chiến sĩ trong công cuộc giữ vững độc lập chủ quyền biển, đảo của đất nước. Qua đó, chúng tôi nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm của mình đối với đất nước. Rất mong các đồng chí giữ vững tay súng, giữ vững niềm tin ở hậu phương để chúng ta cùng nhau truyền thống quật cường của dân tộc giữ yên biển đảo, lãnh hải của quốc gia"*.

Kết thúc chuyến công tác, thay mặt Đoàn công tác số 8, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã ghi Sổ truyền thống Tàu chở quân HQ-571 động viên và cảm ơn các cán bộ, chiến sĩ của Hải quân nhân dân Việt Nam đã tổ chức chuyến hải trình thành công tốt đẹp./.

Phí Thị Hương Nga
Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK

HỘI THẢO XÂY DỰNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ THU THẬP THÔNG TIN THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Chiều ngày 19/5/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo xây dựng biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập thông tin thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo trực tiếp tại TCTK có các Phó Tổng cục trưởng TCTK: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK. Hội thảo được kết nối trực tuyến với Cục Thống kê các tỉnh trong cả nước với sự tham dự của đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị.

Phát biểu tại Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, thực hiện Điều 2 Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, TCTK đã xây dựng hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và gửi Dự thảo xin ý kiến tới Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị thuộc TCTK.

Theo Tổng cục trưởng, hệ thống các biểu mẫu báo cáo thống kê này có ý nghĩa quan trọng bởi sẽ giúp ngành Thống kê tại địa phương có cơ sở để tổng hợp số liệu nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội phục vụ công tác quản lý, điều hành của UBND các cấp tại địa phương và một số nhiệm vụ của TCTK.

Hệ thống biểu mẫu báo cáo được xây dựng cần đảm bảo nguyên tắc tính thống nhất



xuyên suốt giữa trung ương và địa phương; đồng bộ giữa các chỉ tiêu; đảm bảo tính khả thi, tính minh bạch, liên thông, bám sát thực tế, đặc thù của địa phương. Do vậy, tại Hội thảo này, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương yêu cầu các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trong cả nước, các đơn vị thuộc TCTK cần rà soát kỹ, góp ý nhằm hoàn thiện Dự thảo biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Báo cáo tại Hội thảo, đại diện lãnh đạo Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT thống kê, TCTK (Cục TTDL) cho biết đã nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của 11/11 đơn vị thuộc Tổng cục và 63/63 địa phương (UBND; Cục Thống kê).

Các ý kiến góp ý đã được tổng hợp, tiếp thu giải trình, làm căn cứ hoàn thiện Dự thảo biểu mẫu báo cáo thống kê. Theo đó, trong 154 chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh thì các Sở, ngành thực hiện báo cáo 81 chỉ tiêu thể hiện trong 79 biểu; trong 51 chỉ tiêu cấp huyện thì 14 phòng/ban thực hiện báo cáo 36 chỉ tiêu trong 37 biểu; và trong 26 chỉ tiêu cấp xã, UBND xã thực hiện báo cáo 24 chỉ tiêu trong 17 biểu.

Hội thảo dành nhiều thời gian để các đại biểu thảo luận các nội dung liên quan, cụ thể như: Phạm vi, nguyên tắc xây dựng hệ thống chỉ tiêu; trong biểu mẫu báo cáo thống kê, các biểu mẫu đã bảo đảm

thu thập thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chưa? Nội dung thông tin thu thập trong các biểu mẫu? Thời điểm gửi báo cáo tại các biểu mẫu đã bảo đảm biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo?...

Phát biểu kết luận tại Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao sự chuẩn bị và những kết quả Cục TTDL đã hoàn thiện và báo cáo tại Hội thảo. Tổng cục trưởng khẳng định đây là một nhiệm vụ quan trọng, do đó hệ thống các chỉ tiêu cần bám sát với các nội dung tại Quyết định 05. Nguyên tắc rà soát hệ thống chỉ tiêu cần tiếp tục triển khai, khảo sát cụ thể hơn giữa các đơn vị thuộc TCTK đối với các Cục Thống kê địa phương; sở ngành tại địa phương. Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trong cả nước cần có sự phối hợp với các đơn vị thuộc TCTK để đảm bảo tính thống nhất, khả thi của các chỉ tiêu, hệ thống chỉ tiêu.

Đối với Cục TTDL cần tiếp tục rà soát, tổng hợp các ý kiến đóng góp của các đơn vị, cũng như có sự nghiên cứu cụ thể hơn từ các văn bản pháp lý hiện hành để hoàn thiện Dự thảo đảm bảo tính thống nhất; tính đúng, mở của cả Hệ thống biểu mẫu chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã./.

Thu Hòa

TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHỐI HỢP VỚI CHUYÊN GIA ILO

XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ DỮ LIỆU VỀ ĐO LƯỜNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Sáng ngày 12/5/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi họp với Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về kết quả làm việc trong xây dựng báo cáo đánh giá dữ liệu về đo lường năng suất lao động (NSLĐ). Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thanh Dương chủ trì buổi họp.

Tham dự buổi họp, về phía TCTK có đại diện lãnh đạo, chuyên viên các Vụ liên quan thuộc Cơ quan TCTK. Về phía ILO có bà Gulmira Asanbaeva - Cán bộ quản lý chương trình của ILO tại Việt Nam; Ông Luca Fedi - Chuyên gia ILO tại Thụy Sĩ; Ông Ezzahid Elhadj - Chuyên gia ILO tại Morocco; Ông Đỗ Quang Huy, cán bộ Tổng cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ, Đại sứ quán Thụy Sĩ tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi họp, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thanh Dương cho biết, năm 2023, TCTK được ILO lựa chọn hỗ trợ để tiến hành xây dựng Báo cáo đánh giá dữ liệu về việc đo lường NSLĐ. Đây là một báo cáo có ý nghĩa đối với việc đánh giá chất lượng dữ liệu để tính toán và đo lường NSLĐ tại Việt Nam, bởi đây là một chỉ tiêu quan trọng trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia cũng như trong Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững. Sự hỗ trợ này sẽ giúp TCTK có thể áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp tiên tiến quốc tế để tăng cường đo lường NSLĐ đa yếu tố. Việc đo lường sẽ được cải thiện để cung cấp thông tin cho các chính sách ngành/công nghiệp và thị trường lao động.

Sau gần một tuần làm việc khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao của các chuyên gia và nhóm làm việc của TCTK đã giúp cho TCTK hiểu rõ hơn, phát hiện nhiều vấn đề mới, các thách thức cần phải tập trung nghiên cứu giải quyết; đồng thời



cũng vạch ra được kế hoạch để thực hiện xây dựng báo cáo đánh giá dữ liệu về đo lường NSLĐ.

Tại buổi họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương cảm ơn sự hợp tác và hỗ trợ kịp thời, thiết thực và hiệu quả của ILO cũng như các chuyên gia cho TCTK trong thời gian vừa qua; đồng thời, tin tưởng TCTK và ILO sẽ xây dựng thành công báo cáo đánh giá dữ liệu về đo lường NSLĐ và là tiền đề để triển khai các hoạt động tiếp theo trong thời gian tới.

Bà Gulmira Asanbaeva - Cán bộ quản lý chương trình của ILO tại Việt Nam cho biết, mục đích của Chương trình hệ sinh thái NSLĐ vì việc làm bền vững tại Việt Nam là hỗ trợ cơ quan thống kê Việt Nam nghiên cứu khung khái niệm và phương pháp đo lường NSLĐ phù hợp với Việt Nam, cũng như xây dựng báo cáo nghiên cứu về chỉ tiêu NSLĐ ở Việt Nam. Thông qua chương trình sẽ giúp Việt Nam tăng năng suất và xây dựng năng lực tiếp cận năng suất đo lường của thế giới.

Theo ông Đỗ Quang Huy, cán bộ Tổng cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ, Đại sứ quán Thụy Sĩ tại Việt Nam. Dự án này góp phần tham gia xây dựng phương pháp luận hệ thống khung khái niệm hay phương pháp đo lường để tính toán các chỉ số về năng suất

đạt hiệu quả và chính xác nhất; Đồng thời, nâng cao năng lực xây dựng chuyên môn cho đội ngũ của TCTK Việt Nam. Ông Đỗ Quang Huy cho biết, Tổng cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ cam kết hỗ trợ Việt Nam giai đoạn 2021 - 2024 và sắp tới sẽ xây dựng chiến lược hợp tác 2025 - 2028 và dự án về năng suất là một trong những dự án trọng điểm, ưu tiên.

Tại buổi họp, các đại biểu đã được nghe và dành thời gian trao đổi, thảo luận về các nội dung trong Báo cáo sơ bộ nội dung đã làm việc với chuyên gia; Báo cáo kết quả chuyển công tác và kế hoạch triển khai các công việc tiếp theo do đại diện lãnh đạo Vụ Thống kê Dân số và Lao động và chuyên gia ILO trình bày. Một số nội dung và kết quả làm việc chủ yếu như: Giới thiệu về NSLĐ và sự cần thiết ước tính NSLĐ đa nhân tố; tìm hiểu về các nguồn dữ liệu TCTK đang có; Thống nhất việc xây dựng báo cáo NSLĐ Việt Nam. Đồng thời thống nhất các vấn đề như: Các chuyên gia ILO sẽ hướng dẫn TCTK tính NSLĐ đa nhân tố trong 1 hoặc 2 năm. Sau đó các chuyên gia TCTK tiếp tục tính toán cho các năm khác; ILO Việt Nam cũng xem xét hỗ trợ TCTK tập huấn ước tính các dữ liệu chưa sẵn có để phục vụ tính NSLĐ.../.

M.T

**ĐOÀN THANH NIÊN CƠ QUAN TCTK TỔ CHỨC
CHƯƠNG TRÌNH CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 77 NĂM
NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ 06/5, HƯỚNG TỚI
KỶ NIỆM 133 NĂM NGÀY SINH NHẬT BÁC 19/5**

Được sự đồng ý của Lãnh đạo Tổng cục, Đảng ủy cơ quan, sáng ngày 12/5/2023, tại cơ quan Tổng cục Thống kê (TCTK), Đoàn thanh niên TCTK đã tổ chức chương trình chào mừng kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập ngành Thống kê 06/5, hướng tới kỷ niệm 133 năm ngày sinh nhật Bác 19/5.

Tham dự chương trình có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương; đại diện Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đoàn viên thanh niên cơ quan TCTK.



Chương trình chào mừng gồm các hoạt động chính: Thắp hương tại phòng thờ Bác Hồ tại TCTK; chụp ảnh lưu niệm với lãnh đạo TCTK; trồng cây xanh; thăm quan và sửa sang Phòng Truyền thống; giao lưu với Lãnh đạo Tổng cục.

Đây là những hoạt động rất thiết thực và hữu ích nhằm giúp các Đoàn viên thanh niên TCTK tăng cường sự giao lưu và trao đổi kinh nghiệm; gợi nhớ cội nguồn cũng như tìm hiểu về truyền thống lịch sử của Ngành Thống kê thông qua các hiện vật trưng bày tại Phòng Truyền thống.

Đặc biệt, việc trồng cây xanh của Đoàn thanh niên TCTK không chỉ là hoạt động hưởng ứng chào mừng các ngày lễ lớn mà còn góp phần xây dựng không gian làm việc xanh, môi trường thân thiện, cải thiện sức khỏe, tăng năng suất hiệu quả công việc nhằm làm xanh, sạch, đẹp cơ quan.

Cũng nhân dịp này, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã chia sẻ với Đoàn Thanh niên TCTK về chuyến đi công tác của mình tại Trường Sa với mong muốn “truyền lửa” cho lớp trẻ thanh niên TCTK về ý chí, sự dũng cảm và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân trên đảo. Qua đó, các Đoàn viên thanh niên TCTK cũng thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.../.

Thu Hường

Nhiều dấu ấn trong quan hệ hợp tác

Trong công tác đối ngoại, hai nước duy trì các hoạt động tiếp xúc, đối thoại, trao đổi đoàn ở các ngành, các cấp, nhất là các chuyến thăm cấp cao. Trong các tuyên bố chung và các buổi tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, Việt Nam và Mỹ luôn nhất quán khẳng định việc tôn trọng Hiến chương Liên Hợp Quốc; luật pháp quốc tế; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thể chế chính trị của nhau.

Cùng với sự phát triển quan hệ chính trị, an ninh - quốc phòng, hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư được coi là một trong những lĩnh vực thành công nhất, đang trở thành điểm sáng nổi bật, động lực phát triển cho quan hệ hợp tác Việt Nam - Mỹ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kim ngạch thương mại hai chiều năm 2022 giữa hai quốc gia đạt 123,9 tỉ USD, tăng gấp hơn 4 lần so với năm 2013 (29,1 tỉ USD). Với con số 123,9 tỉ USD, Mỹ là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam. Ở chiều ngược lại, Việt Nam là đối tác thương mại thứ 8 của Mỹ. Trong hoạt động xuất khẩu, Mỹ là một thị trường khó tính khi có nhiều quy định và thủ tục phức tạp và ngặt nghèo, nhưng trong thập kỷ qua, quốc gia này luôn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Đặc biệt năm 2022, Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu đầu tiên của Việt Nam vượt mốc 100 tỉ USD với kim ngạch đạt 109,1 tỉ USD. Trong nhóm hàng Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ, có 13 nhóm hàng đạt trên 1 tỉ USD, trong đó có 4 nhóm trên 10 tỉ USD; 2 nhóm hàng xuất khẩu tiến tới mốc 20 tỉ USD gồm dệt may và máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng khác. Quý I/2023, mặc dù kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ giảm tới 5 tỉ USD so cùng kỳ năm ngoái, nhưng vẫn đạt 20,6 tỉ USD, chiếm tới 26% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Trong năm 2023, Thương vụ Việt Nam tại Mỹ dự báo sẽ là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với hàng hóa

CÒN NHIỀU DƯ ĐỊA HỢP TÁC SAU 10 NĂM ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VIỆT - MỸ

ThS. Nguyễn Hữu Bình - ThS. Lưu Thị Duyên
Trường Đại học Lao động Xã hội

Việt Nam và Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1995 và xác lập quan hệ "Đối tác toàn diện" vào ngày 25/7/2013. Đến nay, sau một thập kỷ, kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện và gần 30 năm kể từ khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao, quan hệ Việt - Mỹ đang có bước phát triển tích cực, thực chất, hiệu quả, đi vào chiều sâu, vững chắc trên nhiều lĩnh vực.

nước ta xuất khẩu sang Mỹ, song kỳ vọng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước tiếp tục vượt mốc 100 tỉ USD.

Hưởng lợi từ mối quan hệ hợp tác toàn diện hai quốc gia, quan hệ giữa doanh nghiệp Việt Nam và Hòa Kỳ cũng ghi nhiều dấu đậm nét. Tiêu biểu là hợp tác giữa Tập đoàn chế tạo máy bay hàng đầu thế giới Boeing và hãng hàng không Vietjet trong giao dịch phát triển đội tàu, đào tạo nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng hàng không, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu đầu tư... nhằm hướng tới phát triển lâu dài, bền vững của hai tập đoàn.

Nhờ vào vị trí địa kinh tế, với nền tảng chính trị ổn định, kinh tế vĩ mô tăng trưởng cao, có nhiều chính sách đầu tư cởi mở, năng lực của các địa phương, doanh nghiệp trong nước ngày một tăng cường, Việt Nam đã và đang là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư

nước ngoài nói chung và các nhà đầu tư Mỹ nói riêng. Số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy, tính lũy kể đến tháng 12/2022, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ tại Việt Nam đạt 11,4 tỉ USD với tổng số 1.216 dự án.

Mỹ hiện đứng thứ 11/141 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam. Nhiều tập đoàn lớn của Mỹ đều đã có mặt tại nước ta như ExxonMobil, Murphy Oil, Chevron, Boeing, Ford, Intel, Nike, Amazon và P&G... Dòng vốn đầu tư của Mỹ đã có hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, góp phần đáng kể thúc đẩy đa dạng hóa sản xuất trong nước, tăng cường chuyển giao công nghệ, tri thức và kỹ năng quản lý, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Trong khi đó, Mỹ nằm trong top 10 quốc gia mà Việt Nam có dự án đầu tư với 48,2 triệu USD



Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken thăm Việt Nam (Chuyến thăm kéo dài từ ngày 14-16/4). Ảnh: Hải Nguyễn

trong năm 2022, chiếm 9% tổng 534 triệu USD vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (bao gồm vốn cấp mới và điều chỉnh). Các nhà đầu tư tập trung chủ yếu vào lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống; công nghiệp chế biến, chế tạo; cấp nước và xử lý chất thải; vận tải kho bãi...

Bên cạnh đó trong những năm qua, Việt Nam - Mỹ cũng tích cực thúc đẩy hợp tác giáo dục, thể hiện qua sự hợp tác mạnh mẽ giữa các trường đại học của hai nước trong đào tạo và nghiên cứu. Đến nay, tại Việt Nam có khoảng 50 chương trình liên kết đào tạo; 6 cơ sở giáo dục phổ thông và 1 trường đại học có vốn đầu tư của Mỹ. Các trường đại học của Mỹ luôn đi tiên phong về công nghệ và kỹ thuật giáo dục, do đó Mỹ cũng là quốc gia nhiều du học sinh Việt Nam lựa chọn học tập. Hiện, tại Mỹ có gần 30.000 bạn trẻ Việt Nam đang theo học ở tất cả các cấp. Xếp thứ 5 trong các nước có số sinh viên Việt Nam du học nhiều nhất.

Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng nổ trên toàn cầu, Mỹ đã sát cánh, viện trợ hàng chục triệu liều vắc xin, giúp Việt Nam từng bước kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo cho sự phục hồi an toàn và mạnh mẽ sau đại dịch. Mỹ cũng hỗ trợ Việt Nam xây dựng năng lực y tế công cộng, trong đó có việc thành lập Văn phòng khu vực Đông Nam Á của Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát bệnh tật Mỹ tại Hà Nội. Ở chiều ngược lại, Việt Nam kịp thời hỗ trợ Mỹ trang thiết bị, vật tư y tế trong ứng phó với đại dịch Covid-19.

Ngoài ra, Mỹ - Việt Nam cũng tăng cường hợp tác trong việc giải quyết hậu quả chiến tranh, ứng phó với biến đổi khí hậu, năng lượng, khoa học và công nghệ... Bên cạnh đẩy mạnh hợp tác

song phương, hai bên cũng phối hợp ngày càng hiệu quả tại các diễn đàn đa phương như ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, tiểu vùng Mekong, trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm, liên quan đến phát triển bền vững và biến đổi khí hậu.

Làm sâu sắc thêm quan hệ hợp tác toàn diện trong tương lai

Những kết quả tích cực trong quan hệ hai nước thời gian qua là nền tảng để tiếp tục vun đắp, nâng quan hệ Việt Nam - Mỹ lên tầm cao mới.

Trong cuộc điện đàm giữa Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cùng Tổng thống Mỹ Joe Biden ngày 29/3/2023, hai nhà lãnh đạo đã trao đổi những định hướng lớn trong quan hệ chung hai nước, nhất là việc gặp gỡ, giao lưu cấp cao để tăng cường hiểu biết, tiếp tục mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực thương mại - đầu tư, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo...

Tại các cuộc gặp trong chuyến thăm của với Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Blinken tới nước ta vào tháng Tư mới đây, các Lãnh đạo cấp cao Việt Nam tiếp tục khẳng định coi Mỹ là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu và mong muốn thúc đẩy quan hệ Đối tác toàn diện với Mỹ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thể chế chính trị của nhau. Đồng thời thể hiện quan điểm kiên định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Blinken cũng khẳng định Hoa Kỳ coi trọng quan hệ với Việt Nam, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập,

chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, thể chế chính trị của nhau, ủng hộ Việt Nam "mạnh, độc lập, tự cường và thịnh vượng".

Đánh giá còn nhiều dư địa hợp tác trong tương lai, để làm sâu sắc và phát triển hơn mối quan hệ song phương, hai bên cam kết mạnh mẽ sẽ tiếp tục củng cố quan hệ Việt - Mỹ ngày càng sâu rộng, ổn định và vững chắc trong thời gian tới. Trong đó đặc biệt chú trọng thúc đẩy hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục hợp tác trong các lĩnh vực quan trọng như thương mại - đầu tư, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, ứng phó với biến đổi khí hậu, ổn định chuỗi cung ứng, phát triển cơ sở hạ tầng cũng như bổ sung thêm các lĩnh vực hợp tác mới như kinh tế số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo...

Việt Nam tiếp tục ưu tiên tập trung thực hiện 3 đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách hành chính; phát triển nguồn nhân lực; xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số) nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp Mỹ mở rộng đầu tư tại Việt Nam. Điều này cũng sẽ tạo thuận lợi để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, giá trị toàn cầu, góp phần giúp doanh nghiệp hai nước đa dạng hóa thị trường, sản phẩm và chuỗi cung ứng.

Việt Nam và Mỹ cũng sẽ đẩy mạnh hợp tác trong phát triển năng lượng tái tạo trong thời gian tới, để giải quyết những khó khăn, thách thức mà cả hai nước đều đang phải đối mặt, nhằm đạt được mục tiêu mức phát thải ròng bằng "0" (Net Zero) vào năm 2050./.

QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA

GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

TS. Phạm Thị Tuyết Nhung - TS. Nguyễn Thị Sơn
Trường Đại học Lao động Xã hội

Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 là bản Quy hoạch tổng thể quốc gia đầu tiên của đất nước. Đây là văn bản pháp lý có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh dấu thành quả to lớn được tạo nên từ công sức, trí tuệ, quyết tâm của Chính phủ, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia có hiệu quả của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế. Với những định hướng cơ bản, Quy hoạch tổng thể quốc gia nhằm xác định rõ mô hình phát triển theo không gian lãnh thổ của quốc gia, khai thác tối ưu tiềm năng, thế mạnh của các vùng, các ngành, các địa phương để tạo ra các động lực tăng trưởng và giá trị mới cho phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Một số định hướng cơ bản

Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QHTTQG) với quan điểm phát triển được nêu tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 là phát triển bao trùm, nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn.

Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường

và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

QHTTQG nêu rõ quan điểm phát triển nhằm khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu của sự phát triển. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động hội nhập quốc tế. Phát huy nội lực là cơ bản, chiến lược,

lâu dài, là yếu tố quyết định; ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng, đột phá.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 nước ta là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; mô hình tổ chức không gian phát triển quốc gia hiệu quả, thống nhất, bền vững; hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, có mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại; bảo đảm các cân đối lớn, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế; môi trường sinh thái được bảo vệ; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

Về các chỉ tiêu kinh tế: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước bình quân đạt khoảng 7,0%/năm giai đoạn 2021-2030. Đến năm 2030, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD. Tầm nhìn đến năm 2050, là nước phát triển, thu nhập cao, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị thông minh,

hiện đại, giàu bản sắc, xanh. Phát triển các vùng hài hoà, bền vững. Giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc được giữ gìn, phát huy. Môi trường có chất lượng tốt, xã hội hài hoà với thiên nhiên, phát triển hiệu quả theo hướng cacbon thấp; phấn đấu nhanh nhất đạt mục tiêu giảm phát thải ròng của quốc gia về "0" vào năm 2050. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2031-2050 đạt khoảng 6,5-7,5%/năm.

QHTTQG theo Nghị quyết số 81/NQ-QH xác định 6 vùng kinh tế - xã hội với định hướng phát triển theo thế mạnh từng vùng. Trong đó, vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, phát triển theo hướng xanh, bền vững và toàn diện. Tập trung bảo vệ, khôi phục rừng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản. Xây dựng vành đai công nghiệp Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng cả vùng.

Vùng đồng bằng sông Hồng: Tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, đi đầu trong phát triển khoa học, công nghệ. Tiếp tục xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á.

Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung: Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hệ thống cảng biển, các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp. Phát triển du lịch biển đảo, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa - lịch sử. Xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm

phát triển công nghiệp của vùng và cả nước.

Vùng Tây Nguyên: Bảo vệ rừng gắn với bảo đảm an ninh nguồn nước. Nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo; phát triển bền vững công nghiệp khai thác bô-xit, chế biến alumin, sản xuất nhôm. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

Vùng Đông Nam bộ: Trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước; là trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Phát triển vùng trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của cả nước, khu vực và thế giới. Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

QHTTQG cũng xác định phát triển 4 vùng động lực gồm: Vùng động lực phía Bắc, vùng động lực phía Nam, vùng động lực miền Trung và vùng động lực đồng bằng sông Cửu Long với các cực tăng trưởng tương ứng của mỗi vùng là Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng, Cần Thơ.

Về phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia: Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, theo hướng đô thị xanh, thông minh. Hình thành các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội và các đường vành đai 3,

vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa; xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ nông thôn đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị.

Về định hướng phát triển không gian biển: Phát triển các vùng biển và ven biển dựa trên phát huy tối đa lợi thế so sánh về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, bản sắc văn hoá, tính đa dạng của hệ sinh thái; hài hoà giữa bảo tồn và phát triển. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tại các đảo kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển.

Định hướng phát triển và phân bố không gian các ngành quan trọng, tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ số, công nghệ mới, công nghiệp công nghệ cao, nhất là điện tử, sản xuất chip bán dẫn, công nghiệp sinh học. Mở rộng không gian phát triển công nghiệp về khu vực phía Tây của đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, vùng trung du để giảm sức ép sử dụng quỹ đất tại vùng đồng bằng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Xây dựng các trung tâm dịch vụ, thương mại, tài chính, ngân hàng mang tầm khu vực và thế giới tại các thành phố lớn, gắn với phát triển các vùng động lực, các hành lang kinh tế. Hình thành các trung tâm logistics lớn gắn với các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế lớn. Hình thành các khu vực động lực phát triển du lịch, các trung tâm du lịch cấp quốc gia, cấp vùng, các hành lang kết nối phát triển du lịch.

Phát triển nông nghiệp hiện đại theo chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với công nghiệp

chế biến; thực hiện chuyển đổi số, sản xuất nông nghiệp thông minh. Bố trí không gian phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông, thủy lợi, tăng cường liên kết giữa sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm.

Nghị quyết quy định cụ thể về định hướng phát triển hạ tầng cấp quốc gia. Theo đó, về hạ tầng xã hội, đầu tư các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại. Xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao quốc gia; xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Về hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng đường bộ cao tốc kết nối với các trung tâm kinh tế lớn, gắn với các vùng động lực, các hành lang kinh tế. Nâng cấp, xây dựng các cảng biển, cảng hàng không cửa ngõ quốc tế. Xây dựng một số đoạn đường sắt tốc độ cao kết nối với các cảng biển, cảng hàng không lớn. Phát triển hạ tầng năng lượng bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia theo hướng năng lượng tái tạo, công nghiệp khí. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Giải pháp và một số nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Quy hoạch

Để triển khai thực hiện QHTTQG với tư duy mới, tầm nhìn mới để tìm kiếm không gian,

cơ hội phát triển mới, tạo nên những giá trị mới, một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, bao gồm:

Ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện có hiệu quả QHTTQG, nhất là tập trung nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án quan trọng quốc gia; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án quan trọng quốc gia đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư để triển khai các dự án theo Nghị quyết số 81/2023/QH15.

Xây dựng cơ chế, chính sách theo hướng tăng cường phân cấp huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư ở Trung ương và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương cùng đầu tư ngân sách vào các hạ tầng dùng chung, hạ tầng liên kết vùng, các công trình hạ tầng kết nối giữa các trung tâm phát triển của địa phương với hệ thống hạ tầng quốc gia. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển các vùng động lực, phát triển các hành lang kinh tế ưu tiên; chính sách hỗ trợ, nâng cao năng lực cơ sở đào tạo các ngành ưu tiên gắn với ứng dụng công nghệ tiên tiến, các ngành khoa học nền tảng cho phát triển khoa học, công nghệ; chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành ưu tiên trong các vùng động lực. Xây dựng cơ chế, chính sách về khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các ngành, lĩnh vực, tập trung cho phát triển xanh, bền vững.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch và hiệu quả. Hoàn thiện khung khổ luật pháp,

chính sách phát triển các loại thị trường vốn, nhất là thị trường chứng khoán, thị trường vốn đầu tư mạo hiểm, thị trường bất động sản, huy động nguồn vốn đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực bền vững: Bảo đảm cân đối tổng thể, hài hòa với định hướng phân bố dân cư. Xây dựng chính sách, giải pháp đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chăm lo công tác an sinh xã hội: Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan tâm đầu tư các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Về khoa học, công nghệ và môi trường: Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường không khí, nước, đất tại các đô thị lớn, lưu vực sông, biển; quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa. Rà soát, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; tăng cường các biện pháp phòng ngừa các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Chủ động và tham gia tích cực các điều ước quốc tế, cơ chế hợp tác song phương, đa phương; thực hiện hiệu quả thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khai thác và sử dụng tài nguyên nước xuyên biên giới./

NHỮNG BƯỚC TIẾN CỦA VIỆT NAM TRONG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

ThS. Triệu Văn Lượng

Trường Chính trị Hoàng Đình Dong, tỉnh Cao Bằng

Đổi mới sáng tạo (ĐMST) đang được các nước trên thế giới đánh giá là một trong những chỉ số phát triển quan trọng, là yếu tố định hướng trung tâm phát triển của mỗi quốc gia. Những năm qua, với nhiều nỗ lực trong việc ứng dụng khoa học công nghệ (KH, CN) ĐMST hướng tới thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững, Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện các yếu tố thúc đẩy ĐMST hiệu quả, tạo ra những bước tiến quan trọng trong hoạt động này.

Những bước tiến của Việt Nam trong đổi mới sáng tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của ĐMST với sự phát triển đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, những năm qua, Việt Nam đã có nhiều hoạt động thúc đẩy ĐMST và nằm trong nhóm những quốc gia có quyết tâm cao về ĐMST.

Với định hướng củng cố các yếu tố thúc đẩy ĐMST hiệu quả, những năm gần đây Việt Nam đang đẩy mạnh hoàn thiện hành lang pháp lý về KH, CN & ĐMST. Theo đó, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách

chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó xác định rõ vai trò quan trọng của các trung tâm ĐMST; ngày 11/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 36/QĐ-TTg về Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030; ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 569/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030;... Ngoài ra, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Đây là động lực mạnh mẽ

cho việc nghiên cứu, ĐMST, đảm bảo hành lang pháp lý đầy đủ, hiệu quả với việc bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Từ năm 2016, với nền tảng Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST đã phát triển mạnh mẽ và từng bước góp phần hình thành các mạng lưới liên kết, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của tri thức, KH, CN trong và ngoài nước, góp phần phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam. Minh chứng cho sự phát triển này có thể kể đến việc ứng dụng có chiều sâu mô hình ĐMST

trong các hoạt động dịch vụ về y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, kinh doanh, thanh toán, tài chính, logistics, blockchain, AI, kinh tế tuần hoàn và những mô hình đột phá trong giải quyết vấn đề môi trường, phát triển xanh và bền vững. Năm 2022, Việt Nam ra mắt nhiều mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp địa phương và cấp vùng, cho thấy sự lớn mạnh của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi dậy tinh thần khởi nghiệp trên cả nước.

Một đề án đáng kể nữa là Đề án 1665 "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025". Đến nay sau gần 5 năm thực hiện, Đề án đã thu hút được gần 2.600 dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên và trên 4.000 ý tưởng, dự án khởi nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Việt Nam có trên 60 quỹ đầu tư mạo hiểm; hơn 3.000 doanh nghiệp khởi nghiệp thành công. Gần 100 trường đại học đã đưa khởi nghiệp thành một môn học. Nhiều cơ sở đào tạo có Quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp. Có 98 vườn ươm khởi nghiệp trong trường học. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp đã tổ chức hơn 3.000 cuộc thi ý tưởng sáng tạo, thu hút gần 370.000 lượt thanh niên tham gia với gần 14.000 ý tưởng khởi nghiệp; hỗ trợ gần 16.000 dự án với tổng kinh phí gần 700 tỷ đồng. Năm 2022, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo toàn cầu ghi nhận Việt Nam xếp thứ 54, tăng 5 bậc so với năm 2021. Việt Nam cũng đã khẳng định vị thế trong "tam giác vàng" khởi nghiệp của Đông Nam Á, bên cạnh Singapore và Indonesia.

Số lượng bằng sáng chế, đơn sở hữu trí tuệ, bằng phát minh sáng chế của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng. Tính đến tháng 11/2022, đã có trên 71 nghìn đơn đăng ký

xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2021; 43.444 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp được cấp, tăng 22,1%. Hệ thống bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ được hoàn thiện, phù hợp với cam kết quốc tế, phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy hoạt động ĐMST.

Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ngày càng được tiếp cận với tiêu chuẩn quốc tế. Cơ sở dữ liệu về công nghệ và chuyên gia bước đầu hình thành với gần 3.000 dữ liệu được cập nhật bao gồm các thông tin về các quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ, chuyên gia và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST trên cả nước. Các khu công nghệ cao đã góp phần thu hút các dự án ứng dụng công nghệ cao của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới.

Nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ĐMST, Việt Nam đã tổ chức hệ thống ĐMST, mạng lưới ĐMST quốc gia tập hợp các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước với số lượng đang ngày càng được mở rộng. Hạ tầng nghiên cứu trong một số lĩnh vực trọng điểm như: Công nghệ sinh học, hóa dầu, vật liệu, tự động hóa, nano, công nghệ tính toán, y học... được tăng cường.

Bộ KH&CN đã chủ trì, phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và các cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện Bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương gọi tắt là (PII). PII có 51 chỉ số, chia làm 7 trụ cột theo nguyên lý của bộ chỉ số GII (05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội dựa trên KH,CN&ĐMST, PII được kỳ vọng sẽ là công cụ hữu hiệu để mỗi tỉnh/thành phố xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, các yếu tố tiềm năng và các điều kiện cần thiết

để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên KH,CN&ĐMST. Bên cạnh đó, Bộ KH&CN cùng các đối tác xây dựng bảng phân hạng năng lực công bố về lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) của các cơ sở nghiên cứu và đào tạo tại Việt Nam. Báo cáo "Chỉ số sẵn sàng AI của Chính phủ (Government AI Readiness Index) năm 2022" do Oxford Insights (Vương quốc Anh) thực hiện cho thấy, Việt Nam xếp hạng 55 toàn cầu (tăng 7 bậc so với với năm 2021) và xếp thứ 6/10 trong ASEAN.

Theo báo cáo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Việt Nam có hai năm liên tiếp đứng vị trí thứ 42 (năm 2019, 2020) và thứ 44 trong năm 2021 về ĐMST. Năm 2022, Việt Nam tiếp tục là quốc gia có điểm số cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước cùng nhóm thu nhập khi xếp thứ 48/132 quốc gia, nền kinh tế về chỉ số ĐMST toàn cầu, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia đạt được những tiến bộ lớn nhất trong thập kỷ qua và được xem là hình mẫu cho các nước đang phát triển khác trong việc thúc đẩy ĐMST. Trong 12 năm liền, Việt Nam luôn có kết quả ĐMST cao hơn so với mức độ phát triển, cho thấy hiệu quả trong việc chuyển các nguồn lực đầu vào thành kết quả đầu ra ĐMST.

Có thể thấy, những kết quả đạt được trong bước tiến của Việt Nam về ĐMST đã góp phần khẳng định những định hướng chiến lược đúng đắn và các biện pháp cụ thể phù hợp của Đảng, Nhà nước trong thúc đẩy ĐMST ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả ĐMST thông qua KH,CN đã góp phần vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, bình quân giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng GDP đạt 6,78%,

cao hơn 0,87 điểm phần trăm so với mức tăng bình quân 5,91%/năm của giai đoạn 2011-2015, đồng thời đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5%-7%/năm của Kế hoạch 5 năm 2016-2020. Riêng năm 2020, tăng trưởng kinh tế đạt 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020, nhưng là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại.

Quy mô kinh tế ngày càng mở rộng. Theo giá hiện hành, quy mô GDP năm 2020 đạt 6.293,1 nghìn tỷ đồng (tương đương 271,2 tỷ USD), gấp 1,5 lần quy mô GDP năm 2015; Năm 2022 đạt 9.513,3 nghìn tỷ đồng (tương đương 409 tỷ USD).

Tăng trưởng kinh tế dần dịch chuyển sang chiều sâu, thể hiện ở mức đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng của nền kinh tế tăng lên. Trong giai đoạn 2016-2020, đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 45,72%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 32,84% của giai đoạn 2011-2015.

Năng suất lao động (NSLĐ) có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm. Tính theo giá so sánh năm 2010, bình quân giai đoạn 2016-2020, NSLĐ tăng 5,79%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân 4,27%/năm của giai đoạn 2011-2015 và cao hơn mục tiêu tăng trưởng bình quân 5%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2022 theo giá so sánh tăng 4,8% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2022 đạt 26,2%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với năm 2021).

Giải pháp đẩy mạnh đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong thời gian tới

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình ĐMST ở Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức: ĐMST và phát triển KH, CN chưa thực sự là động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Đầu tư xã hội, nhất là đầu tư từ doanh nghiệp cho KH, CN còn thấp; Năng lực nghiên cứu ứng dụng của các viện nghiên cứu, trường đại học còn khiêm tốn; Mối liên kết giữa nghiên cứu với đào tạo, giữa nghiên cứu với thị trường và doanh nghiệp còn yếu.

Chính vì vậy, thời gian tới, vẫn tiếp tục coi ĐMST là một ưu tiên của quốc gia, các chỉ số ĐMST làm công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động của nền kinh tế. Việt Nam kỳ vọng cùng với KH, CN, hoạt động thúc đẩy ĐMST tiếp tục tạo nên những đột phá mới trên cơ sở nền tảng tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030. Mục tiêu cụ thể Chiến lược đặt ra là: Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; đến năm 2030, tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%; đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7. Chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) không ngừng được cải thiện, thuộc nhóm 40 quốc gia hàng đầu thế giới. Đến năm 2025, đầu tư cho KH, CN đạt 1,2% - 1,5% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 0,8% - 1% GDP và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 60% - 65%. Đến năm 2030, đầu tư cho KH, CN

đạt 1,5% - 2% GDP, trong đó tổng chi quốc gia cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 1% - 1,2% GDP và đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chiếm 65% - 70%.

Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 10 người trên một vạn dân, đến năm 2030 đạt 12 người trên một vạn dân.

Đến năm 2025, có 25 - 30 tổ chức KH,CN được xếp hạng khu vực và thế giới, đến năm 2030 có 40 - 50 tổ chức KH, CN được xếp hạng khu vực và thế giới. Đến năm 2030, số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp KH,CN và số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST tăng hai lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST đạt 40% trong tổng số doanh nghiệp.

Số lượng công bố quốc tế tăng trung bình 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16% - 18%/năm; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8% - 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ. Phát triển được hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế mạnh mẽ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới.

Bên cạnh đó, Chiến lược cũng đưa ra định hướng hoạt động ĐMST



trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông, ngành dịch vụ và các vùng.

Để đạt những mục tiêu trên, trong thời gian tới Việt Nam cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp sau:

Một là, đổi mới cơ chế hoạt động KH,CN&ĐMST, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về KH,CN&ĐMST. Theo đó, Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH,CN, các luật liên quan để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển KH,CN&ĐMST. Thúc đẩy mạnh mẽ ĐMST gắn với KH,CN, nâng cao hiệu quả phối hợp đồng bộ trong xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST.

Hai là, xây dựng hệ thống ĐMST quốc gia với việc phát triển hệ sinh thái ĐMST quốc gia liên kết chặt chẽ với khu vực và thế giới. Phát triển các hệ sinh thái ĐMST trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành. Phát triển hệ thống các trung tâm ĐMST quốc gia, các trung tâm ĐMST ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Triển khai mạnh mẽ các nền tảng ĐMST mở, mạng lưới ĐMST mở.

Ba là, thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST. Theo đó, bảo đảm

chi cho KH,CN&ĐMST từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách Nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH, CN. Hoàn thiện cơ chế đối tác công tư, hành lang pháp lý cho đầu tư thiên thần, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ đầu tư cộng đồng, các nền tảng công nghệ số huy động vốn đầu tư nhằm tạo thêm các nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST.

Bốn là, chú trọng xây dựng một số viện nghiên cứu thuộc các ngành, vùng kinh tế trở thành các trung tâm nghiên cứu ứng dụng và ĐMST phục vụ cho các ưu tiên phát triển kinh tế - kỹ thuật của ngành và vùng kinh tế. Triển khai các chính sách, giải pháp để đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, là nguồn cung tri thức cho các hoạt động ĐMST. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và một số nhóm nghiên cứu trình độ quốc tế; học viên cao học và nghiên cứu sinh là lực lượng quan trọng thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; gắn kết đào tạo sau đại học với các đề tài, dự án nghiên cứu. Tập trung phát triển một số tổ chức KH,CN đạt trình độ khu vực và thế giới.

Năm là, phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST có trình độ và năng lực sáng tạo cao, đáp ứng nhu cầu của khu vực doanh nghiệp. Tạo kênh kết nối giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để thống nhất nhu cầu về nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST của doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các chương trình đào tạo cho nhân lực quản trị công nghệ và quản lý cho doanh nghiệp ở các trình độ/cấp độ khác nhau.

Sáu là, phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng KH,CN&ĐMST.

Triển khai mạnh mẽ hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với công nghiệp 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng KH,CN&ĐMST. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thông tin KH,CN&ĐMST quốc gia. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KH,CN&ĐMST trên cơ sở xây dựng và vận hành các nền tảng số kết nối, tăng cường liên kết hiệu quả giữa các trung tâm thông tin KH,CN của các bộ, ngành, địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu.

Bảy là, thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp. Theo đó, Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin công nghệ trong nước và quốc tế. Xây dựng, cung cấp các công cụ và dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ để định hướng cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

Tám là, chủ động đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST nhằm học hỏi, chuyển giao các mô hình quản lý về KH,CN&ĐMST tiên tiến phục vụ nâng cao năng lực của bộ máy quản lý các cấp. Chủ động tham gia đóng góp có hiệu quả vào xây dựng khuôn khổ, luật pháp quốc tế về KH,CN&ĐMST.

Chín là, tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về KH,CN&ĐMST thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về KH,CN&ĐMST. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội. Xây dựng các hình thức trưng bày, bảo tàng KH,CN&ĐMST phục vụ các đối tượng trong xã hội trên cả nước./.





BẢO HỘ VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI CMCN 4.0

ThS. Vũ Thúy Hằng

Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Ninh

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, việc bảo hộ và quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ (SHTT) đóng vai trò quan trọng đối với từng quốc gia, trong đó có Việt Nam. Với việc ngày càng hội nhập sâu rộng với quốc tế khi tham gia ký kết hàng loạt các hiệp định hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia và nhiều khu vực trên thế giới, đòi hỏi Việt Nam cần có một hệ thống bảo hộ và quản lý tài sản SHTT hiệu quả. Đây là bước tạo đà nhằm thực hiện mục tiêu Chiến lược SHTT đến năm 2030 Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền SHTT.

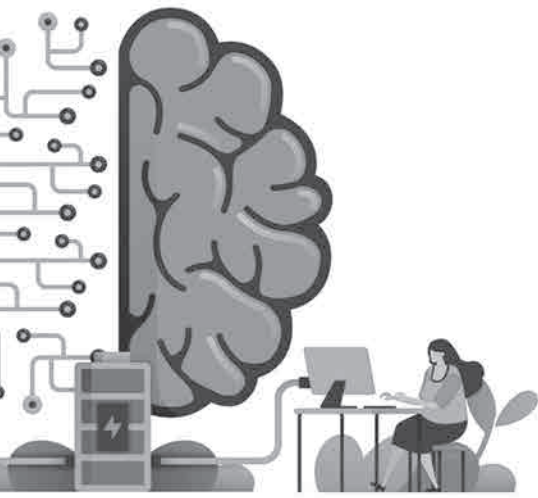
Bảo hộ và quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Việt Nam - một số kết quả khả quan

Tại Việt Nam, nền tảng pháp lý cho hoạt động SHTT thời gian qua luôn được các cơ quan, đơn vị từ Trung ương tới địa phương tập trung xây dựng và không ngừng được hoàn thiện, qua đó đã tạo được hành lang pháp lý cơ bản đầy đủ khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy việc tạo ra tài sản trí tuệ, quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển.

Cụ thể, ngày 11/2/1989, Việt Nam đã thông qua Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; Ngày 28/10/1995, Quốc hội khóa IX đã thông qua Bộ Luật Dân sự với các quy định về quyền SHTT; Ngày 29/11/2005, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Sở hữu trí tuệ. Tiếp theo đó là các năm 2009, 2019 và năm 2022, Luật Sở hữu trí tuệ đã được sửa đổi; Tháng 6/2022, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, các địa phương cũng đã được ban hành các chính sách khá đầy đủ như: Chỉ thị của tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của Đảng trong phát triển sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm hàng hóa; chỉ thị của UBND cấp tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý, duy trì và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh; quy chế phối hợp tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý...

Trên cơ sở hệ thống pháp luật, công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp Việt Nam những năm qua đã có nhiều thành tựu đáng kể, hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ (TSTT) gặt hái được nhiều kết quả, đóng góp vào sự thành công của hoạt động sản xuất, kinh doanh của Việt Nam. Hiện, hoạt động SHTT ngày càng gắn kết với hoạt động chung của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), các bộ, ngành và địa phương. Theo Báo cáo của Bộ KH&CN



trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tính đến tháng 01/2023, số đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên toàn quốc là 2.063 đơn; trong đó có 52 đơn xin cấp bảo hộ sáng chế, 30 đơn xin cấp bảo hộ giải pháp hữu ích, 139 đơn xin cấp bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, 1.842 đơn xin cấp bảo hộ nhãn hiệu.

Thông qua việc hỗ trợ bảo hộ, phát triển TSTT cho các sản phẩm chủ lực của địa phương nói riêng và hoạt động SHTT nói chung đã giúp Việt Nam nâng cao giá trị sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, dịch chuyển từ mô hình sản xuất đơn lẻ sang sản xuất tập trung; từ sản xuất phát triển sản phẩm tự do sang sản xuất, kinh doanh sản phẩm bảo hộ quyền SHTT được kiểm soát về nguồn gốc và chất lượng. Sản phẩm sau khi được bảo hộ SHTT đã được người tiêu dùng biết đến nhiều hơn, uy tín sản phẩm được nâng cao, giá trị sản phẩm gia tăng đáng kể. Đặc biệt, trong 15 năm triển khai Chương trình phát triển TSTT được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 đã hỗ trợ phát triển TSTT cho một số sản phẩm địa phương như: Lụa của tỉnh Quảng Nam, tiêu của tỉnh Quảng Trị, điều của tỉnh Bình Phước; hỗ trợ đăng ký chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản cho vải thiều Lục Ngạn của Bắc Giang

và thanh long của Bình Thuận... Hoạt động này đánh dấu bước tiến lớn trong việc bảo hộ quyền SHTT cho các sản phẩm chủ lực quốc gia.

Trình độ nhận thức và mức độ phát triển hệ thống bảo hộ SHTT của Việt Nam cũng cho thấy có nhiều điểm sáng. Những năm qua, các doanh nghiệp Việt Nam với việc đẩy mạnh hoạt động vươn mình ra thế giới đã ngày càng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của quyền SHTT, xây dựng, bảo vệ, phát triển TSTT và việc bảo hộ tài sản SHTT của doanh nghiệp. Nếu năm 2015, mới có gần 37.300 đơn đăng ký nhãn hiệu của các doanh nghiệp thì đến năm 2020 đã có 55.600 đơn, tăng gần 50%. Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế thông qua Cục Sở hữu trí tuệ cũng tăng gấp đôi từ 105 đơn vào năm 2015 lên 269 đơn vào năm 2020.

Những thành tựu đạt được, cùng với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo từ Trung ương tới địa phương trong việc thiết lập các cơ chế, chính sách có liên quan trong lĩnh vực SHTT đã tạo ra bước phát triển mới, có tính đột phá. Theo Báo cáo chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2022 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2022, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia đạt được những tiến bộ lớn nhất trong thập kỷ qua (tăng 20 bậc), xếp vị trí 48/132 quốc gia, giảm 4 bậc so với năm 2021 (Năm 2021 xếp thứ 44/132 quốc gia) và xếp vị trí thứ 3 khu vực Đông Nam Á, sau Xing-po (thứ 7) và Thái Lan (thứ 43). Ngoài ra, Việt Nam dẫn đầu thế giới về nhập khẩu công nghệ cao; đồng thời có sự cải thiện vị trí xếp hạng về đầu ra (thứ hạng 35, năm 2021 là 38). Đặc biệt, Việt Nam cùng với Iran (hạng 53) và Phi-li-pin (hạng 59) là 3 nền kinh tế thu nhập trung bình có tốc độ tăng trưởng hiệu suất đổi mới nhanh nhất.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những thách thức trong công tác bảo hộ, phát triển SHTT như: Chưa có nhiều sản phẩm chế biến được bảo hộ chỉ dẫn địa lý; năng lực quản lý và khai thác nhãn hiệu của các chủ thể sản xuất và kinh doanh được trao quyền sử dụng nhãn hiệu còn hạn chế; nhiều chủ thể được lựa chọn để trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý còn gặp nhiều khó khăn trong tổ chức quản lý, vận hành, đa dạng hóa hoạt động tạo thêm giá trị gia tăng, chủ trì xây dựng và điều phối chuỗi giá trị; nhận thức của doanh nghiệp cũng như quá trình thực thi SHTT chưa tương xứng với thực trạng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0; một bộ phận người tiêu dùng ít có thông tin, hiểu biết chưa đầy đủ về sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý...

Khẳng định vai trò quan trọng của bảo hộ và quản lý tài sản SHTT đối với nền kinh tế, ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 1068/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030, đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16-18%/năm; Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tăng trung bình 6-8%/năm; Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 8-10%/năm; Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12-14%/năm, 10-12% trong số đó được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài; đưa Việt Nam trở thành trung tâm bảo hộ giống cây trồng với việc hình thành cơ quan bảo hộ

giống cây trồng khu vực ASEAN+; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8-10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ; có ít nhất 1-2 giống cây trồng được khai thác quyền ở nước ngoài...

Theo đó, Cục Sở hữu trí tuệ với vai trò là đầu mối giúp Chính phủ và Bộ KH&CN thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước về SHTT và trực tiếp quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp sẽ tiếp tục hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Chiến lược SHTT quốc gia và Chương trình phát triển TSTT đến năm 2030; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp và đẩy mạnh các dự án đầu tư công của Cục. Đồng thời, tăng cường hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong việc bảo hộ quyền SHTT ở nước ngoài; đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế và chủ động tham gia đàm phán và bảo đảm thi hành có hiệu quả nội dung SHTT trong các Hiệp định thương mại quốc tế.

Nâng cao hiệu quả bảo hộ và quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong thời đại CMCN 4.0

Để tiếp tục thúc đẩy nâng cao hiệu quả bảo hộ và quản lý tài sản SHTT của Việt Nam trong thời đại CMCN 4.0, thời gian tới, Việt Nam tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp như:

Một là, hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ theo hướng lồng ghép chính sách, giải pháp thúc đẩy sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT trong các chiến lược, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia và các ngành, lĩnh vực; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sáng tạo, bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền SHTT.

Hai là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về SHTT theo hướng kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về SHTT theo hướng kiến tạo và hiệu quả; Tăng cường quản trị ví mô về TSTT thông qua xây dựng và hoàn thiện các chỉ số đo lường về SHTT trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu, đề xuất đưa các chỉ tiêu về TSTT vào danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia và ngành, lĩnh vực; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về SHTT liên thông và kết nối đồng bộ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ba là, tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và với các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền SHTT; phối hợp nghiên cứu việc tăng cường vai trò của tòa án trong giải quyết các vụ việc về SHTT; thúc đẩy phát triển dịch vụ giám định SHTT và dịch vụ tư vấn pháp luật về bảo vệ quyền SHTT.

Bốn là, thúc đẩy các hoạt động tạo ra TSTT. Thúc đẩy hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo kết hợp với các hình thức đầu tư mạo hiểm nhằm ươm tạo các TSTT từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển TSTT đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao; Hướng dẫn doanh nghiệp tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng.

Năm là, khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác TSTT với việc hình thành và phát triển

mạng lưới trung tâm chuyển giao công nghệ và SHTT tại các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác TSTT; Đẩy mạnh thực hiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp có mức độ sử dụng TSTT cao, tạo ra các sản phẩm có uy tín và chất lượng, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng SHTT cao.

Sáu là, phát triển các hoạt động hỗ trợ về SHTT. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, chú trọng phát triển các trung tâm tư vấn về SHTT trong các viện nghiên cứu, trường đại học; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội trong hỗ trợ và triển khai hoạt động sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT.

Bảy là, tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động SHTT. Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực về SHTT; Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền SHTT.

Tám là, hình thành văn hóa SHTT trong xã hội thông qua tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về SHTT; Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về SHTT trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Chín là, tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về SHTT; Gia nhập các điều ước quốc tế về SHTT phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia xây dựng các tiêu chuẩn bảo hộ quyền SHTT trong khuôn khổ các điều ước quốc tế; Tích cực và chủ động tham gia vào hoạt động của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực SHTT./



NHỮNG XU HƯỚNG CHÍNH TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH BÁN LẺ VIỆT NAM

ThS. Nữ Thị Hồng
Học Viện Ngân hàng

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những yêu cầu về chuyển đổi số cùng sự thay đổi thói quen của người tiêu dùng đã có những tác động không nhỏ đến ngành bán lẻ Việt Nam. Doanh thu bán lẻ có sự tăng trưởng vượt bậc, chứng minh được sức mạnh số khi ứng dụng các công nghệ kỹ thuật hiện đại và tập trung sâu vào trải nghiệm của khách hàng, từ đó hình thành nên những xu hướng chính trong chuyển đổi số ngành bán lẻ Việt Nam.

Việt Nam một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu

Việt Nam hiện được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu, đứng ở top đầu trong nhóm 30 quốc gia có tiềm năng và mức độ hấp dẫn đầu tư trong lĩnh vực bán lẻ. Theo Bộ Công Thương, ngành Bán lẻ Việt Nam hiện có quy mô thị trường 142 tỷ USD và dự báo có thể tăng lên 350 tỷ USD vào năm 2025, đóng góp tới 59% GDP. Đồng thời, bất chấp kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, Việt Nam với nền kinh tế, chính trị ổn định, quy mô dân số lớn đạt 100 triệu dân cũng thu hút và giành được sự quan tâm, đầu tư của các nhà bán lẻ lớn trên thế giới. Ngay từ đầu năm 2023, nhà bán lẻ hàng đầu Thái Lan là Central Retail Corporation (CRC) đã công bố khoản đầu tư lớn nhất, với tổng

trị giá 50 tỷ baht (tương đương 1,45 tỷ USD) trong giai đoạn 2023-2027 để tăng tốc hiện diện của doanh nghiệp này tại thị trường Việt. Tập đoàn bán lẻ Nhật Bản - Aeon cũng đang đẩy nhanh việc mở thêm các trung tâm thương mại, siêu thị tại Việt Nam, dự định đến năm 2025 sẽ tăng gấp 3 lần số lượng trung tâm thương mại trên cả nước. Ngoài ra, còn rất nhiều tên tuổi trong và ngoài nước hiện diện ở Việt Nam như BRG Retail, Sumitomo, Uniqlo...

Sức hấp dẫn của thị trường bán lẻ Việt Nam ngày càng gia tăng, nhất là trong bối cảnh thời đại công nghiệp 4.0 bùng nổ và xu thế chuyển đổi số được ứng dụng mạnh mẽ vào ngành này. Đặc biệt vài năm trở lại đây, lĩnh vực bán lẻ đã trải qua sự biến đổi liên tục bởi sự thay đổi về hành vi mua bán của người tiêu dùng trước tác động

của dịch bệnh Covid-19. Điều này cũng đòi hỏi doanh nghiệp bán lẻ phải chuyển đổi phương thức bán hàng, vận hành, quản lý từ phương thức truyền thống sang phương thức trực tuyến với sự hỗ trợ của công nghệ.

Dẫn chứng về sự tăng trưởng của ngành bán lẻ khi tham gia vào chuyển đổi số, từ báo cáo Tình hình kinh tế xã hội của Tổng cục Thống kê có thể thấy, trước khi đại dịch bùng phát, năm 2019, GDP cả nước đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, trong đó, ngành bán buôn, bán lẻ có tốc độ tăng trưởng đạt 8,82% so với năm 2018. Đến năm 2022, khi nền kinh tế dần phục hồi, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong cả giai đoạn 2020-2022. Trong đó, đóng góp vào mức tăng của tổng giá trị tăng thêm

toàn nền kinh tế có một số ngành dịch vụ thị trường, đặc biệt phải kể đến ngành bán buôn, bán lẻ với tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 4.475,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2021; tốc độ tăng trưởng cao đạt 2 con số với 10,15%, đóng góp 0,69% điểm phần trăm vào tổng sản phẩm trong nước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 tăng 15% so với năm 2019 - năm trước khi xảy ra dịch Covid-19. Trong 4 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.007,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.581,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 6,4%). Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 14,5%; may mặc tăng 9,8%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 4,1%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 2,4%; riêng nhóm vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 1,1%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa 4 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương tăng khá mạnh: Bình Định tăng 14,7%; Đồng Nai tăng 12,9%; Bình Dương tăng 12,2%; Cần Thơ và Thanh Hóa cùng tăng 11,4%; Hải Phòng tăng 10,0%; Quảng Ninh tăng 9,5%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 9,1%; Hà Nội tăng 9,0%; Đà Nẵng tăng 7,2%.

Những xu hướng chính trong chuyển đổi số ngành bán lẻ Việt Nam

Sự tham gia của chuyển đổi số đã làm thay đổi cục diện ngành bán lẻ, từ đó hình thành các xu hướng mới như: Chuyển đổi hình thức bán hàng từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến; dịch vụ thanh toán được số hóa; tự động hóa



trong chăm sóc và quản trị khách hàng... Một số xu hướng kinh doanh bán lẻ cụ thể như sau:

Thứ nhất, chuyển đổi kênh bán hàng truyền thống sang kênh bán hàng hiện đại: Chuyển đổi số đã góp phần thay đổi cục diện, chuyển các kênh phân phối từ cửa hàng/quầy bán hàng/điểm bán trực tiếp khác sang xây dựng kênh bán hàng online trên các trang mạng xã hội, website, sàn thương mại điện tử. Thực tế cho thấy, sau khi thể hiện vai trò “phao cứu sinh” cho ngành bán lẻ trong giai đoạn đại dịch Covid-19 bùng nổ, thương mại điện tử đã chính thức trở thành một xu hướng tất yếu của ngành. Thậm chí, đã trở thành yếu tố hàng đầu quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay. Theo Sách Trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2022, sau 7 năm, thị trường thương mại điện tử Việt Nam đạt nhiều kết quả ấn tượng. Nếu như năm 2015, thương mại điện tử bán lẻ Việt Nam mới chỉ đạt 5 tỷ USD, tăng 23% so với năm trước thì đến năm 2018, con số này đã đạt mức 8,06 tỷ USD (tăng 30% so với năm 2017).

Sang năm 2019, thương mại điện tử Việt Nam chính thức vượt mốc 10 tỷ USD, đạt 11,8 tỷ USD vào năm 2020, tiếp tục tăng lên 13,7 tỷ USD vào năm 2021. Thông tin từ Bộ Công Thương, năm 2022, quy mô thị trường thương mại điện tử bán lẻ Việt Nam ước đạt 16,4 tỷ USD, chiếm 7,5% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước. Các nền tảng bán hàng online phổ biến như: Lazada, Shopee, Tiki, Chotot,... đều cho thấy sự sôi động và sức tăng trưởng mạnh của các nhóm ngành hàng; cùng với đó là hoạt động thương mại bán lẻ qua các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Tiktok... cũng đang nở rộ. Đến nay, hoạt động thương mại điện tử tiếp tục phát triển và trở thành kênh phân phối hàng hóa quan trọng, với tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm đưa Việt Nam vào nhóm 5 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng, quy mô thương mại điện tử bán lẻ hiện ở mức 7,5% là khá khiêm tốn so với thị trường bán lẻ Việt Nam hiện có trị giá khoảng 250 tỷ USD.

Do đó, thương mại điện tử bán lẻ được dự đoán tiếp tục sẽ là xu thế phát triển trong thời gian tới và có thể đạt mức tăng trưởng 28% với trị giá khoảng 40 tỷ USD. Các sản phẩm được mua online nhiều nhất là sản phẩm thời trang, thiết bị gia dụng...

Thứ hai, quá trình giao dịch thương mại hàng hóa bán lẻ có sự cộng tác với dịch vụ thanh toán được số hóa: Thanh toán điện tử, dịch vụ giao hàng tận nơi, tích điểm điện tử, mã khuyến mãi,... Sự dịch chuyển từ mua hàng trực tiếp chuyển sang trực tuyến phát triển từ thời kỳ dịch Covid-19 bùng phát đến nay đã kéo theo sự thay đổi về phương thức thanh toán từ sử dụng tiền mặt sang các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt thông qua quét mã chuyển khoản, quét thẻ... Theo đó, số lượng giao dịch cũng như giá trị thanh toán không dùng tiền mặt của Việt Nam từ năm 2020 đến nay cũng tăng lên đáng kể.

Báo cáo Vietnam Digital 2023 cho thấy, thời điểm tháng 01/2023, Việt Nam có 77,93 triệu người dùng Internet, chiếm khoảng 79,1% dân số, tăng thêm 5,3 triệu người (tương đương tăng 7,3%) so với đầu năm 2022. Với tỷ lệ dân số sử dụng thiết bị thông minh có kết nối internet cao cùng những chính sách tạo thuận lợi của Chính phủ để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, từ năm 2020, số lượng tài khoản thanh toán của cá nhân trong các hệ thống ngân hàng đã tăng lên rất nhanh. Thông tin từ Ngân hàng nhà nước, nếu như cuối năm 2019, số lượng tài khoản thanh toán của cá nhân trong hệ thống ngân hàng mới chỉ là 88,5 triệu tài khoản thì đến hết năm 2021, con số này đã tăng lên gấp 1,3 lần,

đạt gần 115,2 triệu tài khoản. Bình quân trong 02 năm 2020-2021, tốc độ tăng số lượng tài khoản thanh toán của cá nhân đạt 14,1%/năm, cao hơn nhiều so với mức tăng 10,9% của năm 2019. Bên cạnh thanh toán trực tuyến qua tài khoản ngân hàng, dịch vụ Mobile Money không cần tài khoản ngân hàng được mở rộng, góp phần thúc đẩy hoạt động thanh toán số hóa ngành bán lẻ "lên lối" tới chợ dân sinh, cửa hàng tạp hóa... các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa.

Thứ ba, tự động hóa trong quản trị và chăm sóc khách hàng thông qua sử dụng dữ liệu điện toán đám mây, phần mềm thu thập, quản lý và chăm sóc khách hàng công nghệ AI: Việc ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong cuộc chuyển mình số hóa của ngành bán lẻ đang đem lại nhiều tiện ích đối với người bán. Nhờ ứng dụng các thành tựu số trong quản trị quan hệ khách hàng, cụ thể như các phần mềm tự động hóa bán hàng có thể lưu trữ và phân loại các tệp khách hàng theo nhu cầu khác nhau và theo dõi quá trình mua hàng của khách hàng đó; dựa vào những thói quen người dùng, nhân viên bán hàng từ đó đưa ra các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ với mục đích nâng cao tỉ lệ chuyển đổi đơn hàng hơn. Người bán có thể cùng lúc thực hiện công việc tư vấn, chăm sóc khách hàng với số lượng lớn, từ đó nhận được nhiều đơn hàng hơn so với cách thức sử dụng nguồn lực con người truyền thống. Ngoài ra, tự động hóa trong thương mại bán lẻ còn đem lại nhiều lợi ích như: Giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động, đồng bộ hóa dữ liệu, xử lý linh hoạt tối ưu hóa quy trình bán hàng và quản lý tệp khách hàng. Với những lợi ích

thiết thực, quá trình này được cho sẽ là một trong những xu thế thời đại của ngành bán lẻ cả trong hiện tại và tương lai.

Thứ tư, ứng dụng giải pháp công nghệ để quản trị và vận hành doanh nghiệp bán lẻ: Đứng trước "miếng bánh bán lẻ" màu mỡ, với thị phần đầy tiềm năng đang thu hút nhiều sự quan tâm và đầu tư, nhiều nền tảng, giải pháp công nghệ số cũng đã, đang và sẽ hướng tới ngành này. Hiện có nhiều phần mềm công nghệ có thể hỗ trợ doanh nghiệp cũng như cá nhân bán lẻ với những giải pháp như: Sử dụng những phần mềm cung cấp giải pháp quản lý hàng hóa, bán hàng tự động, giải pháp ERP hỗ trợ xây dựng, tùy chỉnh và quản lý web thương mại điện tử, quản lý nhân sự, tài chính, hoạt động marketing,... Điều này khá hiệu quả, nhất là đối với những doanh nghiệp bán lẻ lớn có quy trình làm việc phức tạp.

Câu chuyện chuyển đổi số ngành bán lẻ đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu bởi đây thực sự là một ngành dịch vụ nhiều tiềm năng phát triển, mang lại lợi ích đáng kể cho nền kinh tế nước nhà. Tuy nhiên, để chuyển đổi số ngành bán lẻ Việt Nam phát triển theo xu hướng tích cực cần có thể chế chính sách cùng hành lang pháp lý đáp ứng kịp thời với thực tế. Đây chính là thách thức, đồng thời cũng là vấn đề được Chính phủ quan tâm chỉ đạo sát sao bằng nhiều chủ trương, chính sách. Kỳ vọng với các xu hướng mới hình thành trong chuyển đổi số, quy mô bán lẻ Việt Nam sẽ đạt tới con số 350 tỷ USD vào năm 2025 như dự đoán, góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển thương mại trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam đang dẫn phát triển về chiều sâu

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, nền kinh tế Việt Nam năm 2022 phục hồi mạnh mẽ. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Năm 2022, khi dịch Covid-19 được kiểm soát hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng khôi phục mạnh mẽ. Kết quả, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 5.679,9 nghìn tỷ đồng, tăng 19,8% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 15,6% (năm 2021 giảm 6,7%). Nhiều chương trình kích cầu tiêu dùng, tháng khuyến mại tập trung được tổ chức đồng loạt ở các địa phương trên cả nước, nhu cầu mua sắm tăng. Hầu hết các địa phương đã triển khai tích cực và hiệu quả Chương trình Bình ổn thị trường, kết nối cung cầu hàng hóa để vừa hỗ trợ tiêu thụ hàng sản xuất trong nước, vừa dự trữ đảm bảo nguồn cung hàng hóa trong những giai đoạn tiêu dùng cao điểm. Công tác kết nối cung cầu được thực hiện tốt, gắn kết tạo nguồn hàng ổn định giữa các nhà sản xuất trong nước với các hệ thống phân phối lớn trên toàn quốc. Nhờ đó, trên thị trường nguồn cung hàng hóa dồi dào, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng trong nước. Đặc biệt, năm 2022, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã đạt được nhiều kết quả mới, quan trọng với những cách làm hay, sáng tạo, đưa hàng hóa Việt tiếp cận gần hơn với người dân; thái độ, sự quan tâm của người tiêu dùng Việt đối với các sản phẩm nội địa cũng được nâng cao.

Hàng tiêu dùng Việt đang dẫn phát triển về chiều sâu với nhu cầu sử dụng sản phẩm vì sức khỏe, xanh - sạch, có tính bền vững ít tác động tới môi trường... là những xu hướng nổi bật hiện nay trên thị trường nội địa.

Kết quả thăm dò dư luận xã hội do Viện Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương triển khai vào tháng 9/2022 cho thấy, có 94% người được hỏi cho rằng Cuộc vận động đã ít nhiều có hiệu quả đối với việc thay đổi nhận thức và hành vi ưu tiên mua và sử dụng hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam, trong đó, tỉ lệ người đánh giá “hiệu quả cao” đạt tới 43%. Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo Cuộc vận động, 56/63 tỉnh, thành phố đã tổ chức 130.269 cuộc tuyên truyền với trên 6,9 triệu lượt người tham dự; tổ chức được 1.219 hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư, kết nối cung cầu; phối hợp tổ chức 2.955 hội chợ, triển lãm, chuyển đưa hàng Việt về nông thôn; xây dựng được 2.002 mô hình “Tự hào hàng Việt”, “Câu lạc bộ hàng Việt”, “Điểm bán hàng Việt”, “Nhận diện hàng Việt”, “Gian hàng bình ổn giá”... đưa các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chất lượng của các doanh nghiệp, đơn vị trong nước đến gần hơn với người tiêu dùng trong nước.

Đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi thị hiếu tiêu dùng, theo đó thị trường tiêu dùng Việt đang trải qua bước chuyển dịch quan trọng. Cuộc khảo sát người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2023 cho thấy, có 80% người tiêu dùng Việt tin tưởng lựa chọn hàng Việt Nam chất lượng cao.



THỊ HƯỚNG TỚI

Thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam đang dẫn phát triển về chiều sâu. Người tiêu dùng không chỉ chú trọng những yếu tố rất cơ bản như: Chất lượng, giá cả... mà ngày càng quan tâm đến các yếu tố như: An toàn trong sử dụng sản phẩm, nguồn gốc hay xuất xứ và những công dụng, tính năng mà sản phẩm đó mang lại cho người sử dụng. Kết quả cuộc khảo sát cũng cho thấy, hầu hết người tiêu dùng tham gia khảo sát cho biết họ đều sẵn sàng chi tăng thêm đối với sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao, có ưu điểm về truy xuất được nguồn gốc, thành phần tốt cho sức khỏe, đạt chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, chứng nhận hữu cơ, sản xuất từ nguyên liệu thân thiện với môi trường...

Trên thị trường tiêu dùng hiện nay, người tiêu dùng có thể lựa chọn mua sắm thông qua sự kết hợp giữa phương thức truyền thống và kỹ thuật số. Theo đó, người tiêu dùng có thể tham khảo



TRƯỜNG HÀNG TIÊU DÙNG

PHÁT TRIỂN THEO CHIỀU SÂU

ThS. Vũ Huyền Trang

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

thông tin sản phẩm qua kênh online và trải nghiệm mua sắm offline tại hệ thống siêu thị hay cửa hàng.

Mua sắm online phát triển mạnh mẽ trong thời điểm dịch Covid-19 bùng phát, đến nay xu hướng này được dự báo là tất yếu trong tương lai. Theo đánh giá của Bộ Công Thương, năm 2022, quy mô thị trường thương mại điện tử ngành bán lẻ Việt Nam ước đạt 16,4 tỷ USD, chiếm 7,5% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của cả nước. Với tốc độ tăng trưởng 20%/năm, Việt Nam được eMarketer xếp vào nhóm 5 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử hàng đầu thế giới.

Để đáp ứng nhu cầu thay đổi trong tiêu dùng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp không chỉ quan tâm cải thiện chất lượng sản phẩm theo tiêu chí đáp ứng về khẩu vị và cơ chế giá tốt nhất cho người tiêu dùng, mà còn quan tâm đến việc cải tiến sản phẩm

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê quý I năm 2023, khu vực dịch vụ, thể hiện rõ sự phục hồi nhờ hiệu quả của các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, chính sách mở cửa nền kinh tế trở lại từ ngày 15/3/2022 khi dịch Covid-19 được kiểm soát. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I năm 2023, ước đạt 1.505,3 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 10,3% (cùng kỳ năm 2022 tăng 2%).

hướng tới an toàn sức khỏe người dùng, bền vững với môi trường. Bên cạnh đó, cộng đồng doanh nghiệp cũng không ngừng nỗ lực tạo sự khác biệt trong cạnh tranh, bắt kịp xu hướng và thúc đẩy

người tiêu dùng lựa chọn hàng Việt nhiều hơn.

Năm 2023, ngành Công Thương đặt ra các mục tiêu chủ yếu trong thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước nhằm khai thác hiệu quả thị trường nội địa với gần 100 triệu dân như: Phần đầu tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 8-9%; Tăng cường công tác kết nối, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, góp phần ổn định giá cả hàng hóa lưu thông trên thị trường và mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới mức 4,5% được đặt ra trong Nghị quyết 01 của Chính phủ; Hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa trong nước, đặc biệt là hàng hóa nông sản vào vụ thu hoạch; đổi mới, tổ chức kết nối cung cầu trong nước trên môi trường trực tuyến và dựa trên những nền tảng mới, tạo kênh tiêu thụ thuận lợi, ổn định.

Cũng trong năm này, Ban Chỉ đạo Trung ương Cuộc vận động sẽ tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" tập trung vào 5 trọng tâm.

Mục tiêu và giải pháp phát triển thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam thời gian tới

Ngày 13/7/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg về Chiến lược

phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đưa ra mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021 - 2030. Theo đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chưa loại trừ yếu tố giá) đạt tốc độ tăng bình quân 13,0 - 13,5%/năm;

Đến năm 2030: Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa của các khu vực kinh tế trong nước chiếm khoảng 85%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 15% tổng mức bán lẻ hàng hóa của cả nước;

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trao đổi qua các cơ sở bán lẻ hiện đại (như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng hội viên dạng nhà kho) trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chiếm khoảng 38 - 42% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nền kinh tế;

Đến năm 2030, doanh thu trao đổi qua thương mại điện tử chiếm khoảng 10,5 - 11% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nền kinh tế, đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 20 - 21%/năm; phấn đấu đạt trên 40 - 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại (bao gồm các doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa, các doanh nghiệp chuyển đổi từ cơ sở kinh tế cá thể thương mại và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo) tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

Để đạt các mục tiêu trên một số giải pháp cần được quan tâm thực hiện trong thời gian tới, bao gồm:

Một là, tiếp tục đẩy nhanh việc rà soát, sửa đổi, xây dựng và hoàn thiện một số văn bản quy phạm pháp luật về phát triển thị trường trong nước bảo đảm phù hợp

với tình hình thực tiễn, phục vụ hiệu quả cho công tác điều hành kinh tế vĩ mô và hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của người dân và doanh nghiệp;

Hai là, tổ chức đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Chương trình, đề án về phát triển thương mại trong nước như: Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Ba là, đổi mới phương thức, lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước vào các chương trình kích cầu tiêu dùng, các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa và thực hiện tốt các chương trình bình ổn thị trường. Hỗ trợ các doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cơ sở sản xuất của các làng nghề, các hộ nông dân, các hợp tác xã,...) trong hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng, bảo vệ thương hiệu cho các chuỗi phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước; quảng bá các đặc sản vùng miền, sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam;

Bốn là, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại và bền vững, kết hợp hài hòa giữa kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại và truyền thống. Đặc biệt quan tâm dành nguồn lực cho phát triển thương mại

và đầu tư phát triển hạ tầng thương mại thiết yếu khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và hải đảo với các loại hình hạ tầng bán lẻ như chợ, siêu thị quy mô vừa, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi...;

Năm là, ưu tiên tập trung phát triển mạnh các loại hình kinh doanh thương mại hiện đại dựa trên nền tảng số hóa; Khuyến khích ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử, các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động của các doanh nghiệp phân phối và cộng đồng để hỗ trợ mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa; tập trung ứng dụng công nghệ số vào truy xuất nguồn hàng tại hệ thống hạ tầng thương mại như siêu thị, chợ...; Phát triển các phương thức bán lẻ mới, trong đó đặc biệt chú trọng phương thức bán lẻ đa kênh (Omni Channel), bán lẻ qua điện thoại di động, truyền hình, qua các ứng dụng mạng xã hội dựa trên môi trường mạng internet ... đáp ứng yêu cầu và xu hướng mua sắm của người tiêu dùng;

Sáu là, khuyến khích phát triển hệ thống phân phối xanh và tiêu dùng xanh, phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực thương mại; Đẩy mạnh liên kết bền vững giữa sản xuất - phân phối - tiêu dùng cũng như tăng sự hiện diện của sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường tại cơ sở phân phối hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị...) và cơ sở phân phối truyền thống (chợ, cửa hàng tạp hóa...), đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở phân phối./.

ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA VIỆT NAM THỜI KỲ HẬU COVID-19

Nhóm tác giả Trường Đại học Ngoại thương*



Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành Dệt may Việt Nam đang phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, như: Đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá, các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như Mỹ, EU đều giảm mạnh do nhu cầu tiêu dùng giảm, người dân thắt chặt chi tiêu... Trong bài viết này, nhóm tác giả nêu lên thực trạng xuất khẩu dệt may thời gian qua và đưa ra một số giải pháp căn bản để đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam thời kỳ hậu Covid-19. Bài báo nằm trong đề tài cấp Bộ “Đánh giá tác động của Đại dịch Covid-19 đến xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, giải pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030” mã số B2021-NTH-03”.

Tình hình xuất khẩu dệt may thời gian qua

Trước khi xảy ra dịch bệnh Covid-19, ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đã có những bước tiến tích cực cả về sản xuất và xuất khẩu. Trong đó, tốc độ tăng trưởng trong sản xuất ngành dệt may bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,9%/năm, riêng năm 2018 tăng trên 33%.

Năm 2019, đại dịch Covid-19 bắt đầu làm đứt gãy nguồn cung nguyên liệu, thu hẹp thị trường tiêu thụ các sản phẩm may mặc, nhu cầu sản phẩm dệt may giảm sút mạnh. Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 39 tỷ USD (thấp hơn 1 tỷ USD so với mục tiêu đầu năm). Năm 2020, xuất khẩu

toàn ngành dệt may Việt Nam tiếp tục giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, với tỷ lệ giảm khoảng 10% so với năm 2019. Đối mặt với khó khăn, các doanh nghiệp dệt may đã thích ứng, chuyển dịch sang sản xuất các mặt hàng y tế như khẩu trang, quần áo bảo hộ,... để duy trì sản xuất, hạn chế một phần tổn thất mà đại dịch mang lại.

Bên cạnh đó, cùng với những chính sách hỗ trợ của Chính phủ, sự ra đời của vaccine Covid-19 đã giúp các quốc gia dần ổn định tình hình, mở cửa trở lại và cho phép nhập khẩu hàng hóa. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 cũng là một tác động tích cực giúp các doanh nghiệp dệt may Việt Nam mở rộng thị trường. Những tháng đầu năm 2021,

thị trường dệt may toàn cầu có xu hướng hồi phục bởi các gói hỗ trợ về kinh tế và thông tin tích cực về triển khai vắc xin phòng dịch Covid-19; nhu cầu các mặt hàng nói chung và may mặc nói riêng đã phần nào hồi phục trở lại. Việc chuyển dịch đơn hàng từ các quốc gia cạnh tranh, đặc biệt từ Myanmar giúp cho Việt Nam đón nhận một lượng đơn hàng đột biến ngay từ quý I/2021. Theo Hiệp hội dệt may Việt Nam, cuối năm 2021, việc sản xuất của doanh nghiệp được khôi phục đã giúp ngành dệt may đạt 39 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu, tương đương với năm 2019. Trong đó, hàng may mặc đạt 28,9 tỷ USD, tăng 4% so với năm 2020; xơ, sợi dự kiến đạt 5,5 tỷ, tăng trên 49% chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc... Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của dệt may

* Vũ Thị Minh Ngọc, Hoàng Hương Giang, Lưu Quý Nhân, Ngô Thanh Hiền

Việt Nam với 15,9 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2020; EU đạt 3,7 tỷ USD, tăng 14%; Hàn Quốc đạt 3,6 tỷ USD và Trung Quốc 4,4 tỷ USD chủ yếu là xuất khẩu sợi.

Bước sang năm 2022, ngành dệt may tiếp tục chịu nhiều áp lực lớn. Mặc dù xuất khẩu dệt may tăng trưởng tương đối tốt trong nửa đầu năm 2022, song, trong 6 tháng cuối năm 2022, các thị trường chính của dệt may Việt Nam rơi vào lạm phát, sức mua suy giảm mạnh, đến quý IV/2022, đơn hàng đã giảm đến 30%, có doanh nghiệp giảm đến 70% đơn hàng ở thị trường châu Âu (do lạm phát cao làm giảm chi tiêu của người dân, trong đó may mặc là mặt hàng được cắt giảm chi tiêu nhiều). Ngoài ra, bất lợi về tỷ giá với các đối thủ cạnh tranh, tình trạng thiếu lao động sau đại dịch, yêu cầu truy soát nguồn gốc bông, vải, sợi hay xanh hóa dệt may từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng là những thách thức mà doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải đối mặt. Bên cạnh đó, các thị trường là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam, như: Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc)... vẫn đang áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt chống Covid-19, ảnh hưởng không nhỏ đến chuỗi cung ứng nguyên, phụ liệu và tiêu thụ sản phẩm dệt may của Việt Nam. Song với rất nhiều nỗ lực phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, chung cả năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam vẫn đạt khoảng 4,4 tỷ USD, tăng 8,8% so với năm 2021.

Năm 2023, ngành dệt may đặt mục tiêu xuất khẩu khoảng 46 - 47 tỷ USD. Tuy nhiên số liệu thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) cho thấy, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam

trong ba tháng đầu năm 2023 đạt hơn 8,7 tỷ USD, giảm 18,63% so với cùng kỳ năm 2022. Áp lực tiếp tục gia tăng khi ngành may bị giảm đơn hàng trung bình từ 25% đến 27% do sức mua toàn cầu giảm, hàng tồn kho tăng cao, các thị trường xuất khẩu chính đều giảm hoặc tăng không đáng kể. Bên cạnh đó, những đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ nhiều chính sách khác của nhãn hàng, như phát triển bền vững, xanh hóa, tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải... đã gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; lực lượng lao động của ngành có xu hướng giảm vì tình trạng đơn hàng chưa được phục hồi và cạnh tranh gay gắt với các ngành công nghiệp khác. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chính sách phù hợp để giữ chân người lao động, duy trì hoạt động và hiệu quả sản xuất.

Bên cạnh những áp lực đó, nhiều công ty dệt may phải giảm giá trị đơn hàng do chịu sức ép giảm giá từ các nhà bán lẻ nước ngoài. Hiện tượng giãn hủy đơn hàng, điều kiện kinh doanh khó khăn khiến các doanh nghiệp dự báo phải đối mặt với rủi ro chậm thanh toán từ đối tác, ảnh hưởng đến dòng tiền, thậm chí là phát sinh nợ xấu. Trong khi sức cầu tại thị trường đầu ra suy yếu, nhiều doanh nghiệp còn phải đối mặt với biến động tỷ giá, lãi suất. Một số công ty chấp nhận những đơn hàng giá gia công thấp, thậm chí lỗ để duy trì lượng khách hàng, tạo việc làm cho người lao động.

Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam thời kỳ hậu Covid-19

Thời gian tới, dự báo tình hình kinh tế thế giới nói chung và ngành dệt may nói riêng còn nhiều khó khăn. Trên thế giới,

suy thoái kinh tế toàn cầu, chính sách tiền tệ thắt chặt hiện nay sẽ làm giảm nhu cầu tại các quốc gia nhập khẩu hàng dệt may lớn của Việt Nam. Đồng thời, trong nước, doanh nghiệp phải cạnh tranh ngày càng gay gắt với các doanh nghiệp của Trung Quốc khi họ mở cửa trở lại, đặc biệt, Trung Quốc đang là đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam tại thị trường Mỹ. Để đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam thời kỳ hậu Covid-19 cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành tìm kiếm nhà phân phối, sản xuất, xuất khẩu nguyên phụ liệu của nước ngoài để thông tin cho các ngành sản xuất trong nước, phát triển công nghiệp hỗ trợ, thực hiện các giải pháp hỗ trợ để phát triển sản xuất hàng hóa làm nguyên liệu đầu vào, đảm bảo sự ổn định của doanh nghiệp.

Thứ hai, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đặt ra yêu cầu về quy tắc xuất xứ, sợi và vải phải sản xuất tại Việt Nam, sử dụng tại Việt Nam hoặc ở các nước trong khối FTA mới được chứng nhận quy tắc xuất xứ và được hưởng thuế ưu đãi. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp dệt may buộc phải tập trung phát triển theo toàn bộ chuỗi, hình thành nên chuỗi giá trị trong nước. Đây cũng vừa là những khó khăn, thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp dệt may cần nỗ lực hơn nữa và có sự hỗ trợ từ phía Chính phủ.

Thứ ba, đối với doanh nghiệp may, cần linh hoạt cơ cấu chuyển đổi mặt hàng để đảm bảo đơn hàng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung vào các giải pháp hình thành chuỗi sản xuất dệt kim trọn gói, phát triển sản xuất xanh, phát triển nguồn nhân lực chất lượng. Doanh nghiệp cần đẩy mạnh

công tác đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề lao động, sẵn sàng ký nhận những đơn hàng thời vụ, thời gian giao nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thứ tư, các doanh nghiệp cần chủ động nghiên cứu thị trường, đổi mới phương thức kinh doanh để phòng, tránh rủi ro; đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu thông qua kênh thương mại điện tử, qua các sàn thương mại điện tử trên thế giới như: Amazon, Ebay, Alibaba để có thể tiếp cận thị trường hiệu quả.

Thứ năm, doanh nghiệp dệt may cần tăng cường đầu tư công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng, giảm sử dụng hóa chất, giảm phát thải; sử dụng tối đa năng lượng tái tạo; đẩy mạnh sản xuất sản phẩm tái chế, cập nhật để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường và trách nhiệm xã hội. Thực hiện thành công công tác chuyển đổi số, đặc biệt chú trọng tới nguồn nhân lực thiết kế cho ngành công nghiệp thời trang để từng bước tiến tới làm hàng FOB (mua vật liệu, sản xuất, bán sản phẩm) và ODM (thiết kế, sản xuất, bán sản phẩm).

Thứ sáu, doanh nghiệp cần đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu đồng thời đảm bảo yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Thương mại tự do EVFTA, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP./.

Tài liệu tham khảo

1. Chương, P.H., (2020). Tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam. Kinh tế & Phát triển, số 274, tháng 4/2020.

2. Hiếu, N.T., Anh, T.T., Đông, Đ.T. and Tùng, H.S., (2020). Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nghiên cứu thực tiễn ở miền Bắc Việt Nam. Kinh tế & Phát triển, số 274, tháng 4/2020.

3. Minh, N.D., (2020). Sự chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu dưới tác động của Covid-19 - Thuận lợi và khó khăn đối với Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, số 221, tháng 10/2020.

NĂM 2023

DU LỊCH VIỆT KỶ VỌNG KHỞI SẮC

ThS. Nguyễn Bình Minh
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Từng bước phục hồi sau đại dịch Covid-19, ngành du lịch Việt đang có nhiều dấu hiệu khởi sắc ngay từ đầu năm, khi lượng khách nội địa tăng trưởng mạnh, khách quốc tế quay trở lại Việt Nam ngày càng nhiều. Đây là những tín hiệu lạc quan cho thấy hoạt động du lịch đang dần phục hồi và phát triển mạnh mẽ trở lại, đồng thời là động lực tích cực để ngành Du lịch Việt Nam đạt được mục tiêu đặt ra, góp phần vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước.

Khởi sắc và phục hồi trở lại

Năm 2022 là năm đánh dấu sự khởi sắc của du lịch Việt Nam sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khi Chính phủ cho phép mở cửa du lịch vào tháng 3/2023. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 2022 đạt 3,6 triệu lượt người, gấp 23,3 lần so với năm trước. Lượng khách du lịch nội địa đạt 101 triệu lượt, tăng hơn gấp rưỡi so với mục tiêu đặt ra cho năm 2022 là 60 triệu lượt khách và vượt xa con số 85 triệu lượt khách nội địa năm 2019 khi chưa xảy ra đại dịch Covid-19. Tổng thu từ du lịch ước đạt 495 nghìn tỷ đồng, vượt trên 23% so với kế hoạch năm 2022 và đạt 66% so với năm 2019.

Quý I/2023, ngành du lịch Việt Nam vẫn tiếp tục phục hồi mạnh mẽ. Lượng khách quốc tế ước đạt hơn 2,7 nghìn lượt người, gấp 29,7 lần cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống quý I ước đạt 2023 ước đạt 161,1 nghìn tỷ đồng, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu

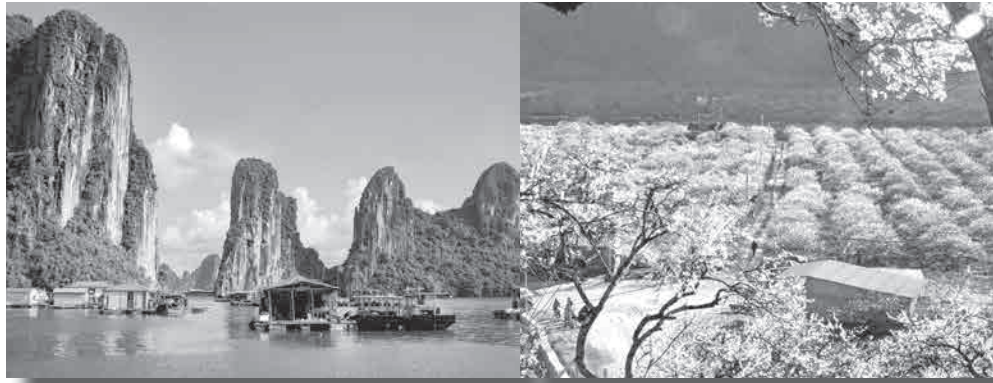
của một số địa phương tăng so với cùng kỳ năm trước như: Đà Nẵng tăng 73,5%. Quảng Ninh tăng 43,1%; Cần Thơ tăng 42,4%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 37,2%; Thái Bình tăng 36%; Đồng Nai tăng 23,6%; Hải Phòng tăng 14,4%; Hà Nội tăng 12,5%.

Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 6,8 nghìn tỷ đồng, gấp 2,2 lần cùng kỳ năm trước do các hoạt động văn hóa, du lịch những tháng đầu năm diễn ra sôi nổi tại nhiều địa phương. Một số địa phương có mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Đà Nẵng gấp 4,9 lần; Hà Nội gấp 2,7 lần; Hải Phòng gấp 2,5 lần; Kiên Giang gấp 2,2 lần; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 84,5%; Quảng Ninh tăng 59,4%; Cần Thơ tăng 15,7%.

Có thể nói, ngay sau thời điểm mở cửa du lịch hoàn toàn vào tháng 3/2022, hoạt động du lịch trên cả nước khá nhộn nhịp. Nhiều địa phương có kết quả hoạt động du lịch nổi bật như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam, Khánh Hòa, Lào Cai, Lâm Đồng, Hà Giang, Bình Thuận...

Cụ thể, năm 2022, du lịch Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút gần 30 triệu lượt khách du lịch quốc tế và nội địa. Riêng khách du lịch nội địa tăng 167% so với cùng kỳ, tổng thu du lịch đạt 120.000 tỉ đồng, tăng 33% so với kế hoạch.

Thành phố Hồ Chí Minh đã làm mới lại các chương trình du lịch tại nhiều điểm đến với 6 chương trình du lịch mới, hấp dẫn; triển khai sản phẩm du lịch mới, độc đáo "Ngắm thành phố từ trên cao" bằng máy bay trực thăng. Đồng thời, thành phố công bố và cập nhật tài nguyên du lịch gồm 366 tài nguyên du lịch đặc sắc trên ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động (app du lịch)...



Năm 2022, thương hiệu của du lịch Đà Nẵng tiếp tục được vinh danh với giải thưởng danh hiệu quốc tế. Hội đồng Tư vấn Du lịch bình chọn Đà Nẵng là địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch cấp tỉnh Việt Nam... Năm 2023, thành phố phấn đấu số lượng khách lưu trú phục vụ tăng 15 - 20% so với năm 2022.

Để thu hút du khách, thời gian tới, Đà Nẵng tiếp tục thúc đẩy phát triển, quảng bá các nhóm sản phẩm có lợi thế, làm mới các sản phẩm phù hợp nhu cầu xu hướng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm. Cụ thể, Thành phố ưu tiên 3 nhóm sản phẩm: Sản phẩm đặc trưng (du lịch biển và nghỉ dưỡng cao cấp gắn với bất động sản nghỉ dưỡng, du lịch đô thị gắn với mua sắm, vui chơi giải trí, du lịch MICE, golf, sự kiện, lễ hội mang tầm quốc tế, du lịch văn hóa, lịch sử và du lịch sinh thái), sản phẩm chính

(du lịch đêm, đường thủy, ẩm thực, cộng đồng và du lịch nông nghiệp nông thôn) và sản phẩm bổ trợ (du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe, cưới, giáo dục)...

Năm 2023, ngành du lịch Thủ đô cũng tập trung chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch, điểm đến, các sản phẩm du lịch mới trên các kênh truyền thông, truyền hình trong nước và quốc tế. Với thông điệp "Hà Nội điểm đến an toàn cho du khách" đã tạo sức lan tỏa lớn, thu hút khách đến Hà Nội. Tổng lượng khách du lịch đến Hà Nội quý I năm 2023 ước đạt 1,1 triệu lượt người, gấp hơn 3,2 lần cùng kỳ năm 2022. Trong đó, khách quốc tế đạt 712 nghìn lượt người, gấp 15 lần cùng kỳ năm trước; khách nội địa đạt 339 nghìn lượt người, tăng 20,7%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 4,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,3% tổng mức và gấp 3 lần cùng kỳ.

5 DANH HIỆU LỚN VIỆT NAM ĐƯỢC VINH DANH TẠI GIẢI THƯỞNG DU LỊCH TẾ GIỚI LẦN THỨ 29 NĂM 2022

Việt Nam: Điểm đến di sản hàng đầu thế giới

Hà Nội: Thành phố cho các kỳ nghỉ ngắn hàng đầu thế giới

Phú Quốc: Điểm đến đảo hàng đầu thế giới

Tam Đảo: Thị trấn du lịch hàng đầu thế giới

Mộc Châu: Điểm đến thiên nhiên hàng đầu thế giới



Doanh thu du lịch lũy thừa đạt 4,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,3% tổng mức và gấp 3 lần cùng kỳ.

Những nỗ lực nhằm thích ứng an toàn, linh hoạt và tái thiết ngành du lịch Việt Nam thời gian qua đã mang lại thành tựu đáng ghi nhận. Theo Báo cáo chỉ số năng lực phát triển du lịch toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), mức tăng trưởng các chỉ số năng lực phát triển của Du lịch Việt Nam cao thứ 3 thế giới, trong đó có 6 chỉ số được xếp vào nhóm dẫn đầu toàn cầu. Việt Nam cũng đứng thứ 2 trên thế giới về mức độ tự tin du lịch qua Chỉ số tự tin về du lịch (Travel Confidence Index) của Booking.com. Theo dữ liệu của Google Destination Insights, lượng tìm kiếm về “Du lịch Việt Nam” từ các thị trường Mỹ, Australia, Pháp, Singapore, Ấn Độ, Nhật Bản, Đức, Anh... thuộc nhóm tăng cao nhất trên thế giới.

Tại giải thưởng World Travel Awards 2022, du lịch Việt Nam xuất sắc giành được 16 hạng mục giải thưởng hàng đầu Thế giới và 48 hạng mục giải thưởng hàng đầu châu Á. Trong 5 năm gần nhất, Việt Nam 3 lần được tôn vinh là Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới; 4 lần nhận danh hiệu Điểm đến hàng đầu châu Á; Tổng cục Du lịch Việt Nam 3 lần được bình chọn là Cơ quan quản lý du lịch

hàng đầu châu Á; Việt Nam lần thứ 6 đoạt danh hiệu “Điểm đến du lịch Golf tốt nhất châu Á” tại Giải thưởng World Golf Awards 2022 cùng nhiều danh hiệu quốc tế uy tín khác dành cho các địa phương, doanh nghiệp của Việt Nam.

Tháng 2/2023, Việt Nam đã đạt nhiều giải thưởng Du lịch ASEAN năm 2023, như: Giải thưởng Homestay ASEAN, Giải thưởng Du lịch cộng đồng ASEAN, Giải thưởng Nhà vệ sinh công cộng ASEAN, Giải thưởng Dịch vụ Spa ASEAN. Đây là điểm nhấn khẳng định sự phục hồi của du lịch Việt Nam thời gian qua, qua đó góp phần khẳng định quyết tâm mở cửa du lịch, chào đón du khách đến và trải nghiệm các dịch vụ xanh, đẹp, đẳng cấp của du lịch Việt Nam, phù hợp với mọi nhu cầu của khách du lịch.

Đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển hiệu quả và bền vững

Các chuyên gia du lịch trên thế giới dự báo, năm 2023 sẽ chứng kiến sự tăng trưởng mạnh về nhu cầu đi du lịch quốc tế. Du lịch Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này. Ngành du lịch Việt Nam đã đề ra mục tiêu đón 110 triệu lượt khách du lịch trong năm 2023, trong đó, khoảng 8 triệu lượt khách quốc tế, 102 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch khoảng 650 nghìn tỷ đồng.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, ngay từ đầu năm, Tổng cục Du lịch đã có kế hoạch thúc đẩy việc đón khách quốc tế trong năm 2023. Công tác xúc tiến quảng bá sẽ được tiến hành tích cực trong cả năm. Cụ thể, ngành du lịch sẽ tham gia các sự kiện quốc tế về du lịch ASEAN, các hội chợ du lịch quốc tế tại London (Anh), Berlin (Đức)... truyền thông, quảng bá trên các kênh CNN và kênh truyền thông lớn khác. Tổng cục Du lịch

đã phối hợp với Hiệp hội du lịch Việt Nam, Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, các địa phương, doanh nghiệp để tiếp tục thực hiện chương trình giới thiệu du lịch Việt tại các thị trường trọng điểm như ASEAN, Đông Bắc Á, Australia, châu Âu và Bắc Mỹ.

Ngành Du lịch sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, như công bố “Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” sau khi được Chính phủ phê duyệt; thực hiện Chiến lược marketing du lịch Việt Nam đến năm 2030; đề án “Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

Đặc biệt, sự kiện Năm Du lịch quốc gia 2023 tại Bình Thuận với chủ đề “Bình Thuận - Hội tụ xanh” được kỳ vọng góp phần mở ra giai đoạn mới trong hợp tác du lịch với các quốc gia, kết nối với các doanh nghiệp du lịch, thúc đẩy mở rộng thị trường khách du lịch trong khu vực ASEAN, châu Á và trên thế giới. Đây là điểm nhấn quan trọng trong chuỗi sự kiện Năm Du lịch Quốc gia 2023 nhằm giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa lịch sử, tài nguyên, sản phẩm du lịch và các hoạt động sẽ diễn ra. Qua đó, góp phần thúc đẩy, phục hồi, phát triển ngành Du lịch cả nước nói chung và Bình Thuận nói riêng.

Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về du lịch năm 2023 nhằm “Đẩy nhanh phục hồi - Tăng tốc phát triển”, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế của ngành Du lịch Việt Nam là phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa bền vững, tính cạnh tranh chưa cao. Trên cơ sở phân tích xu hướng toàn cầu; sự thay đổi nhu cầu

của khách du lịch và tiềm năng, lợi thế, khó khăn, thách thức của du lịch Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng phát triển du lịch, phục hồi nhanh, tăng tốc phát triển hiệu quả và bền vững.

Thủ tướng nhấn mạnh quan điểm phát triển du lịch là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành và toàn xã hội; phát triển du lịch phải đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn; chuyển từ "cung cấp cái mình có" sang "cung cấp điều khách hàng cần"; từ du lịch "một mùa", sang du lịch "quanh năm"; phát triển du lịch theo hướng an toàn, xanh, sạch, văn minh, hiện đại, hấp dẫn, đề cao văn hóa du lịch Việt Nam; phát triển cả chiều rộng và chiều sâu trên cơ sở tận dụng, phát huy tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội và lợi thế cạnh tranh, song không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội, môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú, vừa có tính đặc sắc, riêng có. Phát triển du lịch Việt Nam phải đặt trong tổng thể, liên kết với phát triển du lịch của thế giới và khu vực; phát triển du lịch theo chuẩn mực quốc tế nhưng cũng đa dạng, độc đáo, riêng có...

Về một số nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, cơ quan, địa phương tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về du lịch, nhất là Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;

đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Du lịch, bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại, đồng bộ, bền vững và hội nhập quốc tế.

Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, người dân, doanh nghiệp chung tay phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch văn minh, hội nhập, hiệu quả, bền vững với phương châm: "người dân, doanh nghiệp là chủ thể; khách du lịch là trung tâm; sản phẩm, hạ tầng du lịch là nền tảng; dịch vụ tiên tiến, hiện đại là động lực"

Cùng với đó, tập trung rà soát, kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định về du lịch; tăng cường đầu tư và huy động các nguồn lực cho phát triển du lịch, trong đó khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho hạ tầng du lịch; hỗ trợ doanh nghiệp, các hộ kinh doanh du lịch tiếp cận các nguồn vốn, góp kích cầu; nâng cao năng lực kinh doanh và chất lượng sản phẩm dịch vụ, phù hợp với nhu cầu và biến động của thị trường du lịch; đẩy mạnh chuyển đổi số; hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh ở Việt Nam.

UBND các tỉnh, thành phố tích cực, chủ động phối hợp, thúc đẩy liên kết du lịch để cùng phát triển sản phẩm, nguồn nhân lực, quản lý, đầu tư phát triển du lịch; thường xuyên lắng nghe, trao đổi, giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển lành mạnh, bền vững, đúng pháp luật; đẩy mạnh hợp tác công - tư,

nhất là trong xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở lưu trú, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp, phù hợp với nhu cầu và xu hướng du lịch mới.

Các Hiệp hội, doanh nghiệp du lịch tích cực tham gia, tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; tích cực nâng cao năng lực quản trị, chất lượng sản phẩm dịch vụ, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; thực hiện tốt văn hóa doanh nhân; đề cao ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, trách nhiệm với xã hội và cộng đồng; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo đảm chế độ cho người lao động và tham gia đào tạo nguồn nhân lực du lịch...

Thủ tướng nhấn mạnh, du lịch là một ngành kinh tế quan trọng, ngành "công nghiệp không khói", đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế của nhiều quốc gia; là xu hướng phát triển của tương lai; đồng thời cũng là cầu nối để nhân dân các nước cùng gặp gỡ, trao đổi, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hướng đến một thế giới hòa bình, ổn định, phát triển và thịnh vượng.

Thời gian tới, tin tưởng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự quản lý của Nhà nước; sự quyết tâm, nỗ lực cao của các bộ, ngành, cơ quan, địa phương; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự chung tay, đồng lòng ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp du lịch và người dân, ngành Du lịch Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ theo hướng "Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch sẽ - Điểm đến an toàn, thân thiện", thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới./

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

ThS. Phạm Tuấn Anh - ThS. Nguyễn Thị Hòa
Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Ninh

Ngày 04 tháng 11 năm 2013, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) "về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Đây được cho là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết nhằm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ và Việt Nam đang có những bước hội nhập mạnh mẽ với kinh tế thế giới. Và được giao trọng trách, sứ mệnh quan trọng này không ai khác chính là đội ngũ những người làm công tác giáo dục, đào tạo - những người đang nỗ lực đóng góp sức mình cho sự nghiệp "trồng người", tạo điểm tựa vững chắc cho nền giáo dục Việt Nam đạt những tầm cao mới.

Nền giáo dục "cất cánh"

Theo tinh thần Nghị quyết 29, thời gian qua, với những chính sách quyết liệt đầu tư, đổi mới giáo dục, cùng nhiều giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ những người làm công tác giáo dục - đào tạo, đã đưa nền giáo dục Việt Nam vững bước trên hành trình "cất cánh": Việt Nam, từ một nước có lượng người "mù chữ" chiếm đa số trước năm 1945 đã trở thành quốc gia có dân số biết chữ đạt tỷ lệ 95% chỉ sau ba phần tư thế kỷ. Năm 2018, Việt Nam

được vào Top 10 hệ thống giáo dục đổi mới hàng đầu thế giới (theo báo cáo "Tăng trưởng thông minh hơn: Học tập và Phát triển công bằng ở Đông Á - Thái Bình Dương" của Ngân hàng Thế giới); riêng trong khu vực ASEAN, kết quả Chương trình Đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học các nước Đông Nam Á (SEA PLM) năm 2019 cho thấy, chất lượng giáo dục tiểu học của Việt Nam đứng vào top đầu khu vực khi tỷ lệ học sinh đi học và hoàn thành Chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08%.

Còn theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới về Vốn nhân lực năm 2020, thành phần kết quả giáo dục của Việt Nam đứng thứ 15, tương đương với các nước như Hà Lan, New Zealand, Thụy Điển...; Tiếp theo, năm 2021, Việt Nam đã giữ vị trí 59 trong bảng xếp hạng quốc gia tốt nhất về giáo dục, theo US News and World Report (Mỹ).

Ở bậc đại học, năm 2018, lần đầu tiên trong lịch sử, 2 trường đại học của Việt Nam là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP HCM lọt vào danh sách 1.000 trường hàng đầu thế giới do Tổ chức Quacquarelli Symonds (Anh) bình chọn. Năm 2019, Việt Nam có 8 trường đại học được xếp vào top 500 trường đại học tốt nhất châu Á. Tính đến cuối năm 2020, có 7 trường đại học được công nhận bởi tổ chức đánh giá, kiểm định quốc tế (HCERES, AUN-QA); 195 chương trình đào tạo của 32 trường đại học được công nhận theo tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Đến tháng 4 năm 2021, có 212 chương trình của 36 trường đại học được đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài. Mặt khác, tự chủ đại học đã tạo nên đột phá khi nhiều ngành, lĩnh vực đào tạo đứng trong top 500 thế giới.

Việt Nam cũng đứng thứ 49 thế giới về số lượng báo khoa học công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín. Năm 2022, có 7 trường đại học Việt Nam tiếp tục lọt top 1.000 trường có tầm ảnh hưởng nhất thế giới 2022. Kết quả này đã khẳng định được sự đi lên giáo dục Việt Nam nói chung và chất lượng đội ngũ giảng dạy nói riêng.

Chất lượng nền giáo dục Việt Nam còn được thể hiện qua kết quả các kỳ thi quốc tế Olympic của học sinh Việt Nam. Trong giai đoạn 2016-2020, Việt Nam đã có bước tiến vượt bậc khi đạt 49 Huy chương Vàng so với 27 Huy chương Vàng giai đoạn 2011-2015. Đặc biệt, năm 2022, với 100% học sinh Việt Nam dự thi đều đoạt giải với 13 Huy chương Vàng, 12 Huy chương Bạc, 8 Huy chương Đồng và 5 Bằng khen đã đưa Việt Nam vào top 10 quốc gia có kết quả thi cao nhất. Với những thành tựu mang tầm quốc tế, tháng 11/2021, Việt Nam trúng cử thành viên Hội đồng Chấp hành Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) nhiệm kỳ 2021-2025, điều này tiếp tục khẳng định năng lực và uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục toàn cầu.

Những năm qua, nền giáo dục phát triển đã góp phần đắc lực vào nâng cao chất lượng nguồn lao động trong nước. Nếu như năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo chỉ ở 40% thì đến năm 2020 đã tăng lên 64%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 14,6% lên 24,5%. Năm 2022, mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, lực lượng lao động đã qua đào tạo từ trình độ "sơ cấp" trở lên (có bằng cấp, chứng chỉ) ước tính là 13,5 triệu người, chiếm 26,2%.

Đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đội ngũ những người làm công tác giáo dục Việt Nam đã chứng tỏ năng lực chuyển đổi linh hoạt và thích ứng cao, khi các cấp bậc học (trừ mầm non) chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến qua internet và truyền hình. Theo đó, Việt Nam có gần 80% học sinh, sinh viên học trực tuyến, cao hơn mức trung bình 67,15% của các nước OECD, xếp thứ 17/200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Báo cáo PISA của OECD công bố ngày 29/9/2020, đánh giá: "Việc học trực tuyến để phòng chống Covid-19 của Việt Nam có nhiều điểm khả quan so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác". Điều đó càng khẳng định dù trong khó khăn, thách thức, nền giáo dục Việt Nam vẫn luôn tìm thấy cơ hội để phát triển.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước đang hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, với mục tiêu nâng cao chất lượng lực lượng lao động theo hướng trở thành công dân toàn cầu và lấy kinh tế tri thức làm trụ cột thì nền giáo dục Việt Nam phải vượt qua rất nhiều thách thức trên chặng đường "cất cánh".

Thách thức trên chặng đường "cất cánh"

Với những định hướng phát triển giáo dục của Đại hội Đảng lần thứ XIII, cùng mục tiêu đổi mới giáo dục theo Nghị quyết 29-NQ/TW, đội ngũ những người làm công tác giáo dục có học hàm, học vị đã tăng khá nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Ở cấp đại học, theo Niên giám thống kê, năm 2017: Tổng số giảng viên trong các trường đại học là 75 nghìn người, trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 22,7% và thạc sĩ chiếm 59%. Năm 2017,

Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước đã công nhận 65 giáo sư (chiếm 0,87%), 638 phó giáo sư (chiếm 8,5%). Trong đó, số giáo sư đang trực tiếp làm việc tại các cơ sở đào tạo chiếm khoảng 74%; phó giáo sư chiếm gần 80%. Đến năm 2021, trong khoảng 76.600 giảng viên đại học, số giáo sư, phó giáo sư đang giảng dạy toàn thời gian lần lượt khoảng 682 (chiếm 0,89%) và 4.760 (chiếm 6,21%); thạc sĩ chiếm tỷ lệ 60,35%, tiến sĩ 25,19%;... Mặc dù tỷ lệ người làm công tác giảng dạy có học hàm, học vị tăng đáng kể so với giai đoạn trước, song vẫn thấp hơn rất nhiều so với các nước phát triển, điển hình như ở Mỹ, tỷ lệ giáo sư/giảng viên đại học chiếm tới 8%, trong khi Việt Nam nhiều năm qua vẫn ở mức dưới 1%.

Điều đáng lo ngại là tại nhiều ngành học, số lượng giáo sư, phó giáo sư giảm nhanh qua các năm. Trong vòng 10 năm, tính đến 2022, các ngành như: Sử học - Khảo cổ học - Dân tộc học, Nhân học (15 xuống 2), Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao (19 còn 4), Dược học (từ 12 xuống 4), Luyện kim (từ 3 xuống 1)...

Nguyên nhân một phần là do xu hướng lựa chọn ngành học của sinh viên ngày càng hướng tới các lĩnh vực mang tính thời thượng như công nghệ thông tin, kinh tế, truyền thông, phần khác là do tiêu chuẩn chọn giáo sư được áp dụng từ năm 2019 khắt khe hơn trước,... Hiện Bộ giáo dục vẫn đang có giải pháp chiêu mộ và phát triển nhân tài để giảng dạy cho các ngành học này.

Ở cấp phổ thông, mặc dù đạt rất nhiều kết quả quan trọng song giáo dục phổ thông những năm gần đây đang đối mặt với "bài toán" nan giải, đó là tình trạng thiếu nguồn giáo viên các cấp,

trong đó số lượng giáo viên bậc trung học giảm ở mức báo động. Theo Niên giám thống kê năm 2021: Nếu như năm học 2018 - 2019, cả nước có 826,7 nghìn giáo viên trung học thì năm 2020 - 2021 giảm xuống 816,7 nghìn người và năm 2021 - 2022 giảm còn 813,2 nghìn người. Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết, hiện cả nước thiếu hơn 94.000 giáo viên, trong đó, thành phố Hà Nội thiếu 7000, thành phố Hồ Chí Minh thiếu hơn 5000, và tỉnh Thanh Hóa thiếu hơn 9000 giáo viên... Thực trạng trên cho thấy, đổi mới và tăng cường hơn nữa các chính sách đãi ngộ, chiêu mộ giáo viên các cấp là giải pháp cấp thiết nhằm gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ những người làm công tác giáo dục, đào tạo.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực giáo dục - khẩn trương và quyết liệt theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng

Nếu Đại hội XII của Đảng đề ra chủ trương "phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới"⁽⁸⁾ thì Đại hội XIII khẳng định giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đào tạo (CBQLGD) là khâu then chốt có tính quyết định để thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo"⁽⁹⁾; "Đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục"⁽¹⁰⁾.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, cần quán triệt quan điểm Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; triển khai có hiệu quả Quyết định số 33/QĐ-TTg, ngày 8-1-2019, của Thủ tướng Chính phủ "Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025", Quyết định số 89/QĐ-TTg, ngày 18-1-2019, của Thủ tướng Chính phủ "Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030". Theo đó, mục tiêu, phương hướng chung là đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học, công nghệ gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Một số mục tiêu cụ thể như sau:

Đào tạo trình độ tiến sĩ cho khoảng 10% giảng viên đại học, bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, trong đó 7% giảng viên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài; 3% giảng viên được đào tạo trong nước và phối hợp giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học nước ngoài có uy tín, đạt chuẩn chất lượng khu vực và thế giới;

Phần đầu 80% giảng viên các trường thuộc khối văn hóa, nghệ thuật và thể dục, thể thao

đạt trình độ thạc sĩ trở lên, được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài và trong nước đạt chuẩn chất lượng khu vực và thế giới, cơ cấu hợp lý;

Nhằm thu hút nhân tài đến làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, Đề án đặt ra chỉ tiêu: "thu hút khoảng 1.500 nhà khoa học, người có trình độ tiến sĩ đang công tác ở nước ngoài hoặc đang làm việc trong nước, ngoài các cơ sở giáo dục đại học đến làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam".

Phần đầu 100% cán bộ quản lý và giảng viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực, trong đó chú trọng các năng lực của giảng viên về: Phát triển chương trình đào tạo, giảng dạy theo phương pháp hiện đại, nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đề ra các nhiệm vụ và giải pháp toàn diện như: Đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên các cơ sở giáo dục đại học; Bảo đảm tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học trong công tác tuyển chọn, xét duyệt giảng viên đủ điều kiện cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định, kế hoạch nhằm phát huy sức mạnh của toàn xã hội quan tâm, chăm lo cho công tác đào tạo giảng viên trình độ cao; Thu hút các nhà khoa học, người có trình độ tiến sĩ, đủ tiêu chuẩn để làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam;...

Hy vọng rằng, với việc quán triệt tinh thần đại hội XIII, đội ngũ những người làm công tác giáo dục sẽ ngày càng lớn mạnh cả về chất và lượng, trở thành điểm tựa vững chắc nâng bước nền giáo dục Việt Nam vượt qua thách thức và "cất cánh bay" cao./



Thách thức

GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU Ở VIỆT NAM

ThS. Phùng Khắc Sáng - ThS. Nguyễn Thùy Hương
Trường Đại học Lao động Xã hội

Với việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều quốc gia vào năm 2015, Việt Nam là quốc gia tiên phong của khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều làm công cụ xác định mục tiêu, theo dõi tình hình nghèo đói và xây dựng chính sách. Hệ thống chính sách hướng tới mục tiêu giảm nghèo được đặc biệt quan tâm bố trí nguồn lực và kiên trì, bền bỉ thực hiện qua từng giai đoạn. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu nhưng công tác giảm nghèo vẫn gặp khó khăn, thách thức với số hộ nghèo và cận nghèo năm 2022 còn tới 1,97 triệu hộ.

Kết quả giảm nghèo

Hiện Việt Nam đã trải qua sáu lần điều chỉnh tiêu chí về nghèo cho phù hợp với tình hình thực tế, từ các tiêu chí về lương thực nhằm bảo đảm có ăn, có mặc, đến áp dụng giá cả, thu nhập, mức sống tối thiểu... Về phương thức giảm nghèo, Việt Nam chuyển từ chỗ Nhà nước phải bảo đảm ngân sách hoàn toàn sang phương thức Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt; người dân, hộ nghèo là chủ thể. Ngày 27/01/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2021/CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, trong đó quy định giai đoạn 2022-2025 áp dụng theo chuẩn nghèo đa chiều mới. Cụ thể, các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, bao gồm:

Tiêu chí về thu nhập: Khu vực nông thôn là 1.500.000 đồng/người/tháng; khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt;

nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Các tiêu chí đo lường về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 được quy định tại Nghị định. Trong đó, chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Chuẩn hộ cận nghèo khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản. Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Chuẩn hộ có mức sống trung bình khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng. Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Chuẩn hộ nghèo, chuẩn hộ cận nghèo, chuẩn hộ có mức sống trung bình nêu trên là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định

các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2022-2025.

Với các tiêu chí đo lường trên, theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên phạm vi toàn quốc được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố cho thấy, tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo) chung toàn quốc là 7,52%, với tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 1,97 triệu hộ. Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất cả nước, chiếm 21,92% với 701,4 nghìn hộ; Đồng bằng sông Hồng là 2,45% với 169,5 nghìn hộ; Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung là 10,04% với 571,2 nghìn hộ; Tây Nguyên là 15,39% với 236,7 nghìn hộ; Đông Nam Bộ là 0,34% với 15,7 nghìn hộ. Đồng bằng sông Cửu Long là 5,73% với 277,9 nghìn hộ.

Tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước là 4,03% với 1,05 triệu hộ phân theo các khu vực: Trung du và miền núi phía Bắc là 14,23% với 455,2 nghìn hộ; Đồng bằng sông Hồng là 1,00% với 69,2 nghìn hộ; Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung là 4,99% với 284,1 nghìn hộ; Tây Nguyên là 8,39% với 129,1 nghìn hộ; Đông Nam Bộ là 0,21% với 9,7 nghìn hộ; Đồng bằng sông Cửu Long là 2,26% với 109,7 nghìn hộ.

Tỷ lệ hộ cận nghèo chung cả nước là 3,49% với tổng số gồm 915,3 nghìn hộ phân theo khu vực: Trung du và miền núi phía Bắc là 7,69% với 246,1 nghìn hộ; Đồng bằng sông Hồng là 1,45% với 100,2 nghìn hộ; Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung là 5,05% với 287,1 nghìn hộ; Tây Nguyên là 6,99% với 107,4 nghìn hộ; Đông Nam Bộ là 0,13% với 6,1 nghìn hộ; Đồng bằng sông Cửu Long là 3,46% với 168,1 nghìn hộ.

Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực này là 55,45%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo là 538,7 nghìn hộ. Tỷ lệ hộ nghèo là 38,62% với tổng số 375,1 nghìn hộ; Tỷ lệ hộ cận nghèo là 16,84% với tổng số 163,5 nghìn hộ.

Giảm nghèo đa chiều - còn nhiều thách thức

Theo các chuyên gia, kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là cơ sở để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế, xã hội khác. Thời gian qua, chương trình giảm nghèo được thực hiện khá toàn diện và tương đối đầy đủ, hiện nay đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nâng cao, an sinh xã hội luôn được đảm bảo.

Trong năm 2022, ngân sách nhà nước đã ưu tiên bố trí 23.000 tỷ đồng để thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung (hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm; giáo dục và đào tạo; y tế; về nhà ở; trợ giúp pháp lý; văn hóa, thông tin). Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua ngân hàng chính sách xã hội, ước đến 31/12/2022, tổng dư nợ đạt trên 283.000 tỷ đồng với hơn 6,5 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ.

Tín dụng chính sách xã hội góp phần hỗ trợ đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho trên 867.000 lao động, trong đó có trên 7.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; xây dựng hơn 1,4 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; xây dựng khoảng 13.000 căn nhà ở

cho hộ nghèo và nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp...

Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, kết quả giảm nghèo của Việt Nam chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo và phát sinh nghèo còn cao; chênh lệch mức sống, điều kiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản, tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm giữa các địa phương, vùng, miền, nhóm dân cư chưa được thu hẹp nhiều. Một số nơi đời sống còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tình trạng thoát nghèo của nhóm đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu bền vững. Theo kết quả điều tra, 20% nhóm đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo giai đoạn đã tái nghèo chỉ sau 2 năm.

Bên cạnh đó, mức trợ cấp xã hội tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với mức sống tối thiểu của người dân. Đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, xu thế đô thị hoá, già hóa dân số, chênh lệch về thu nhập và mức sống, tình trạng di cư lao động đặt ra những thách thức rất lớn đối với công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

Trong khi đó, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo duy trì ở mức 1,0 - 1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm; đến năm 2025 có 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Để đạt mục tiêu này, các chuyên gia cho rằng, cần phải có những đổi mới, sáng tạo hơn trong cách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các giải pháp giảm nghèo phải triển khai thiết thực và hiệu quả hơn nữa. Đặc biệt là cần tiếp tục

đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững. Phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo; đồng thời, khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

Ngoài thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù của từng địa phương, giai đoạn 2021 - 2025, cần đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, tăng cường các chính sách hỗ trợ có điều kiện; tập trung thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tín dụng chính sách xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo; hỗ trợ tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; tập trung phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp cho người nghèo; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn...

Cùng với đó, tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá hệ thống chính sách giảm nghèo, trên cơ sở đó lồng ghép các chính sách, loại bỏ các chính sách chồng chéo, không hiệu quả; tích hợp, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với tiêu chí cụ thể như đối tượng, địa bàn, thời gian thụ hưởng, từng bước xóa bỏ chính sách "cho không", phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo và hướng tới làm giàu của người dân và cộng đồng./.

Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Nội

Sự ra đời của Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước tiến quan trọng trong nhận thức của Đảng về vị thế của kinh tế tư nhân trong thời kỳ mới. Với Hà Nội - đầu tàu kinh tế của cả nước và khu vực phía Bắc, lãnh đạo Thành phố đã chỉ đạo thực hiện Nghị quyết hiệu quả, xuyên suốt tạo sức lan tỏa rộng trong toàn xã hội.

Ngày 01/9/2017, Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình hành động số 18-CTr/TU thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5, khóa XII "về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Ngày 2/3/2018, UBND thành phố tiếp tục ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND triển khai thực hiện Chương trình 18-CTr/TU nhằm tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho kinh tế tư nhân và hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới, sáng tạo với định hướng phát triển bền vững cả về số lượng và chất lượng; đặc biệt chú trọng đến hiệu quả, sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở đó, thành phố và các cấp, các ngành đã chú trọng đến công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khu vực tư nhân phát triển, coi "Doanh nghiệp là động lực và chìa khóa phát triển bền vững kinh tế của Thủ đô". Thành phố đã xây dựng nhiều giải pháp đột phá nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất

Phát triển kinh tế tư nhân ở thành phố Hà Nội: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Mai

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



Tóm tắt: Thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một yêu cầu tất yếu cần đặt ra đối với Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng. Thực tế trong những năm qua, kinh tế tư nhân đã đóng góp không nhỏ trong phát triển kinh tế của thành phố. Tuy nhiên, vẫn còn những rào cản, hạn chế dẫn đến kìm hãm sự phát triển của kinh tế tư nhân trên địa bàn. Bài viết này phân tích thực trạng phát triển kinh tế tư nhân ở Hà Nội, qua đó kiến nghị giải pháp nhằm thúc đẩy khu vực này phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Từ khóa: kinh tế tư nhân, Hà Nội, động lực phát triển

cho hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, ban hành nhiều đề án, kế hoạch và triển khai nhiều chính sách hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp như: Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp thành lập mới; hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn tín dụng, ngân hàng; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, mặt bằng sản xuất; tổ chức nhiều sự kiện kết nối cung cầu, các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại trong nước và quốc tế...

Bên cạnh đó, chính sách đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp của Hà Nội như các trung tâm sáng tạo, chương trình vườn ươm đã đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp. Qua các chương trình đó, nhiều doanh nghiệp của Hà Nội đạt được những thành công nhất định, đặc biệt đã có một số

doanh nghiệp đạt giải cao trong các cuộc thi khởi nghiệp toàn quốc.

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển doanh nghiệp tư nhân được tập trung hoàn thiện, cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, nền hành chính công hiện đại được tăng cường, góp phần tạo môi trường thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp phát triển.

Nhờ đó, kinh tế tư nhân ở thành phố Hà Nội đã có bước chuyển mình mạnh mẽ. Về số doanh nghiệp thành lập mới, từ năm 2018 đến hết năm 2020, thành phố có 79.434 doanh nghiệp thành lập mới, trong đó năm 2018 có 25.742 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 5% so với năm 2017), năm 2019 là 27.114 doanh nghiệp (tăng 8%). Riêng năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19,

tốc độ doanh nghiệp đăng ký mới giảm so với cùng kỳ, Thành phố đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 26.578 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 409.291 tỷ đồng (giảm 2% về số lượng doanh nghiệp và tăng 6% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước).

Đến năm 2022, trong sự phục hồi kinh tế chung của cả nước, Hà Nội có 29,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 23% so với năm 2021; tổng số vốn đăng ký mới đạt 328,4 nghìn tỷ đồng, giảm 5%. Bên cạnh 3.600 doanh nghiệp giải thể, 16.400 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động thì cũng có 9.800 doanh nghiệp đã hoạt động trở lại.

Về quy mô doanh nghiệp trên địa bàn, phần lớn doanh nghiệp của Hà Nội có quy mô nhỏ và vừa,

chiếm 97% trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và tập trung chủ yếu ở các ngành thương mại dịch vụ cần ít vốn đầu tư, chuyển đổi nhanh. Đây cũng là điểm đặc thù của doanh nghiệp Hà Nội.

Khu vực kinh tế tư nhân đang có những đóng góp hiệu quả về tạo việc làm cho lao động tại Hà Nội. Lao động khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tại Hà Nội hiện nay chiếm khoảng gần 80% tổng số lao động, trong đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò dẫn đầu trong việc thu hút lực lượng lớn lao động và cải thiện thu nhập cho người lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Năm 2018, thu nhập bình quân 1 lao động trong doanh nghiệp đạt 9,8 triệu đồng/tháng, tăng 11,4% so với năm 2017 và gấp 2,85 lần so với giai đoạn trước năm 2015, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 11,5%/năm.

Về đóng góp của khu vực tư nhân vào GRDP và vốn đầu tư phát triển, doanh nghiệp khu vực tư nhân đóng góp trên 39% trong GRDP của thành phố. Mức tăng bình quân của giai đoạn 2016-2020 là 28,6%, vốn đăng ký bình quân của doanh nghiệp mới khoảng 13 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tư nhân cũng đóng góp ngày càng quan trọng vào ngân sách nhà nước. Đây là nguồn thu ngân sách chủ yếu và lâu bền, thể hiện vai trò của doanh nghiệp trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

Có thể khẳng định, doanh nghiệp tư nhân thành phố Hà Nội đã và đang ngày càng khẳng định vai trò nòng cốt, tiên phong trong công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô và đất nước. Kết quả đó là nhờ những cơ chế, chính sách tạo điều kiện của UBND thành phố

Hà Nội cũng như các cấp, ngành và sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp tư nhân. Đặc biệt, trong những năm gần đây, thành phố luôn theo sát diễn biến hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp, lắng nghe, tìm hiểu tình hình và sẵn sàng đối thoại, tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn, đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Điều này thể hiện rõ nhất trong giai đoạn 2020-2022 là thời điểm giãn cách xã hội kéo dài, dịch Covid-19 đã khiến nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân gặp không ít khó khăn.

Những hạn chế tồn đọng

Mặc dù đạt được những thành quả nhất định, song khối doanh nghiệp tư nhân vẫn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức.

Thứ nhất, tiếp cận nguồn tài chính là một hạn chế lớn đối với các doanh nghiệp tư nhân. Theo thống kê, khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp qua hệ thống các ngân hàng thương mại còn hạn chế, có đến 70% doanh nghiệp chưa tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Trong đó, hơn 30% doanh nghiệp không thể tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và 30% doanh nghiệp khác cho biết, rất khó tiếp cận nguồn vốn này. Gần 70% doanh nghiệp còn lại phải tiếp tục sử dụng nguồn vốn tự có hoặc vay từ nguồn vốn khác với chi phí rất cao, nhiều rủi ro. Nguyên nhân là do khả năng đáp ứng đủ điều kiện hồ sơ vay vốn ngân hàng còn hạn chế, năng lực tài chính yếu kém, không xây dựng được phương án/dự án sản xuất, kinh doanh khả thi và có hiệu quả; nợ phải trả tồn đọng lớn chưa có biện pháp xử lý, thiếu công khai và minh bạch thông tin...

Thứ hai, năng lực công nghệ của các doanh nghiệp tư nhân

còn thấp. Số lượng doanh nghiệp áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh không nhiều. Phần lớn sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp tư nhân là gia công lắp ráp, sử dụng máy móc, thiết bị và nguyên liệu nhập khẩu. Các công đoạn sản xuất đưa lại giá trị gia tăng cao, như: thiết kế, tạo kiểu dáng, marketing... đa phần được thực hiện bởi đối tác nước ngoài. Sự phân tầng trình độ công nghệ đang diễn ra trong từng ngành và trong nhiều doanh nghiệp; công nghệ lạc hậu, trung bình và tiên tiến cùng đan xen tồn tại; công nghệ tiên tiến, hiện đại chỉ tập trung ở một số ít doanh nghiệp tư nhân, ở một số ít lĩnh vực. Do trình độ công nghệ thấp, các doanh nghiệp tư nhân không có khả năng kết nối cũng như tham gia ngành công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp lớn, nhất là không thể tận dụng được hiệu ứng lan tỏa từ các doanh nghiệp FDI.

Thứ ba, trình độ và năng lực tổ chức quản lý của doanh nghiệp tư nhân Hà Nội còn hạn chế. Hiện tại, phần lớn nhân sự cao cấp tại các doanh nghiệp tư nhân chưa được đào tạo về quản trị kinh doanh một cách bài bản, chưa gắn với thực tế sản xuất, kinh doanh, nhất là trình độ kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ở mức cao. Điều này dẫn đến thiếu chiến lược kinh doanh mang tính quốc tế, sản phẩm không đa dạng, khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ chưa cao, chưa đáp ứng tốt thị hiếu người tiêu dùng, giá cả chưa hợp lý. Các yếu tố khác, như: Quảng cáo, tiếp thị, xây dựng thương hiệu, tổ chức, quản lý mạng lưới phân phối... chưa được quan tâm.

Thứ tư, Thành phố Hà Nội có ít doanh nghiệp thương hiệu mạnh,

chưa đủ sức cạnh tranh trên thương trường, tính tự phát của kinh tế tư nhân còn hiện hữu và thiếu mục tiêu phát triển bền vững, công tác cải cách thủ tục hành chính dù đã có nhiều nỗ lực nhưng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đề ra, hoạt động của các tổ chức hiệp hội chưa phát huy hiệu quả về nghề nghiệp, cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp thông qua các trung tâm chuyên trách còn yếu.

Giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế Hà Nội, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách trên địa bàn Thành phố. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ và miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp tư nhân có tiến hành nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế và chính sách phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân đón đầu áp dụng thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hai là, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân và hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Phát triển kinh tế tư nhân cần bền vững về cả mặt số lượng và chất lượng, đặc biệt là chú trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế; hình thành mô hình doanh nghiệp hiện đại, gắn kết vào mạng sản xuất toàn cầu và chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Thành phố cần thu hẹp khoảng cách về trình độ

công nghệ, chất lượng nhân lực và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân.

Ba là, hỗ trợ và khuyến khích kinh tế tư nhân xây dựng thương hiệu, phát triển giá trị cốt lõi, tạo uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Xây dựng hành lang pháp lý để bảo vệ các doanh nghiệp tư nhân phát triển thương hiệu, chỗ đứng, uy tín của mình về chất lượng sản phẩm, hiệu quả dịch vụ và tiện ích các hoạt động, bảo đảm doanh nghiệp tư nhân có chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bốn là, bản thân các doanh nghiệp tư nhân cần chủ động xây dựng chiến lược quy hoạch hợp lý trên cơ sở hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, đẩy mạnh hoạt động marketing, thực hành các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh cùng nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khác. Để chiến lược kinh doanh mang tính khả thi cao, các doanh nghiệp tư nhân cần nghiên cứu kỹ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chiến lược phát triển ngành, nghề; đồng thời, nắm bắt khả năng của mình để xây dựng chiến lược cho tương lai. Mỗi doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược riêng, phù hợp với khả năng về vốn, năng lực nhân sự, mục tiêu phát triển, ngành hàng tham gia kinh doanh...

Đặc biệt, để hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả như mong muốn, các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn Hà Nội cần coi trọng yếu tố công nghệ trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới, với tự do hóa mạnh mẽ cùng những chuẩn mực mới tạo nhiều cơ hội cho việc mở rộng thị trường, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp tư nhân cần

nghiên cứu kỹ và chuẩn bị một lộ trình thích hợp, không loại trừ việc liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác cũng như tranh thủ các cơ hội từ phía Nhà nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, số 10-NQ/TƯ ngày 03/06/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2022). Số liệu thống kê kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2022.

Đình Thị Thơm (2005), "Kinh tế tư nhân Việt Nam sau hai thập kỷ đổi mới thực trạng và những vấn đề đặt ra", Nxb Khoa học xã hội.

Gia Huy (2021), Hà Nội: Nỗ lực phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân, truy cập từ <https://thanglong.chinhphu.vn/ha-noi-no-luc-phat-trien-manh-me-khu-vuc-kinh-te-tu-nhan-10335643.htm>

Tập đoàn Tài chính Quốc tế và Ngân hàng Thế giới (2021), Báo cáo Nghiên cứu đánh giá khu vực KTTN kiến tạo thị trường tại Việt Nam.

Thành ủy Hà Nội (2017), Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 1/9/2017 thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5, khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trần Thị Bình (2014), "Phát huy vai trò và động lực của kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 4.

Vũ Hùng Cường (2010), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "Một số vấn đề cơ bản về phát triển khu vực tư nhân với tư cách là động lực cơ bản của mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020" Viện kinh tế Việt Nam.

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÀ BẮC

ThS. Nguyễn Thị Thùy - TS. Nguyễn Thị Hải Ninh

Trường Đại học Lâm Nghiệp

Bùi Thị Hồng Anh

Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

Đà Bắc là một huyện vùng cao của tỉnh Hòa Bình, được thiên nhiên ban tặng cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp mang vẻ đẹp hoang sơ, có diện tích mặt hồ thủy điện Hòa Bình rộng lớn xen lẫn với các đảo núi đá trên mặt hồ tựa như vịnh Hạ Long trên cạn. Định cư bên hồ là các bản làng dân tộc Dao, Tày, Mường vẫn còn lưu giữ những nét văn hóa đặc trưng của từng dân tộc, là điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng - loại hình du lịch được khai thác dựa trên các giá trị văn hóa bản địa.

Nhằm bảo tồn tài nguyên du lịch và khuyến khích tạo cơ hội cho người dân tham gia làm du lịch, trong những năm qua, Lãnh đạo huyện Đà Bắc tỉnh Hòa Bình đã đưa ra nhiều giải pháp, huy động tối đa các nguồn lực để xây dựng và phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn. Tuy vậy, việc phát triển du lịch cộng đồng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, đòi hỏi cần có giải pháp đồng bộ để khai thác thế mạnh trong bối cảnh du lịch cộng đồng đang ngày càng được du khách quan tâm.

Chủ trương, chính sách ưu đãi phát triển du lịch cộng đồng

Nhận thức rõ khai thác tốt tiềm năng thiên nhiên, bản sắc văn hóa sẽ giúp phát triển kinh tế - xã hội địa phương, mở ra hướng đi mới xóa đói giảm nghèo, cải thiện bền vững đời sống nhân dân,

trong những năm qua, Lãnh đạo huyện Đà Bắc đã thể hiện quyết tâm chính trị cao, đổi mới tư duy, thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Năm 2015, Huyện ủy Đà Bắc đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/HU về công tác phát triển du lịch huyện giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030. Theo tinh thần Nghị quyết 09-NQ/HU, năm 2017, UBND huyện Đà Bắc đã ban hành Quyết định phê duyệt Đề án phát triển du lịch huyện đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Đây được xem là những "giấy phép" mở đường, tạo điều kiện cho du lịch cộng đồng (DLCĐ) huyện Đà Bắc từng bước khởi sắc. Theo đó, huyện Đà Bắc thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng và ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất,

kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch (bãi đỗ xe, trang thiết bị tối thiểu phục vụ khách nghỉ...) từ nguồn vốn ngân sách; tạo cơ chế để hộ gia đình, bà con dân tộc thiểu số trực tiếp tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch tại các điểm DLCĐ từ sự hỗ trợ của tổ chức quốc tế và nguồn vốn công tác xã hội hóa huy động được. Theo đó, giai đoạn 2019-2021 tổng vốn đầu tư cơ sở vật chất đạt 23.667 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân 0,8%/năm (Bảng 01).

Bên cạnh đó, huyện Đà Bắc đồng thời xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc tại các điểm DLCĐ nhằm hỗ trợ, giúp đỡ các hộ dân có kiến thức, kỹ năng để làm du lịch, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ DLCĐ phát triển theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả hơn. Ủy ban nhân dân huyện đã phối hợp với Sở Văn hóa,

Bảng 01. Công tác đầu tư cơ sở vật chất trong giai đoạn 2019 - 2021 của huyện Đà Bắc

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tốc độ phát triển bình quân (%)
1	Đầu tư đường bê tông liên xóm	4.520	4.600	4.715	102,13
2	Đầu tư hỗ trợ sửa chữa đường	557,85	652,12	824,24	121,55
3	Đầu tư đường điện, trạm biến áp	1.369	1.226	1.120	90,45
4	Đầu tư nhà văn hóa	852,15	752,55	820,87	98,15
5	Đầu tư bãi đỗ xe	512,21	411,12	489,44	97,75
6	Đầu tư vật tư, trang phục dụng cụ cho các xóm du lịch cộng đồng	112,19	52,20	80,56	84,74
Tổng		7.923	7.694	8.050	100,8

(Nguồn: UBND huyện Đà Bắc)

Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn cho người dân về công tác hướng dẫn viên du lịch, kỹ năng giao tiếp, tiếng Anh, kỹ năng nghề du lịch homestay... Ngoài ra, huyện Đà Bắc còn cử nhiều cá nhân tham gia các đợt đào tạo, tập huấn kỹ năng cơ bản về hoạt động du lịch sinh thái sông nước, những kiến thức về sơ, cấp cứu; kỹ năng giao tiếp đối với khách du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh tổ chức; hỗ trợ hộ gia đình xây dựng mô hình DLCĐ theo sự hướng dẫn của tổ chức phi chính phủ AFAP (The Australian Foundation for the Peoples of Asia and the Pacific Limited) tại Việt Nam.

Nhằm giới thiệu quảng bá du dịch địa phương tới du khách trong và ngoài nước, Huyện Đà Bắc chú trọng tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư với nhiều hình thức như: Xây dựng trang thông tin điện tử, video clip, sách ảnh, tờ gấp về các sản phẩm du lịch cộng đồng, nhờ đó đã thu hút được nhiều doanh nghiệp, nhà đầu tư tìm hiểu, đăng ký, khảo sát và ký kết các dự án đầu tư. Cùng với đó, huyện Đà Bắc tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đồng hành với doanh nghiệp để triển khai thực hiện dự án, thu hút được nhiều khách du lịch.

Bên cạnh sự hỗ trợ, đồng hành của lãnh đạo huyện, các hộ dân Đà Bắc cũng mạnh dạn vay vốn đầu tư, tích cực học hỏi kỹ năng, nghiệp vụ buồng bàn, nấu ăn, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống, khôi phục các hoạt động nông nghiệp, ngành nghề nuôi trồng, đánh bắt cá... để xây dựng các sản phẩm du lịch phục vụ du khách ngày một tốt hơn.

Các điểm du lịch cộng đồng - điểm đến hấp dẫn nhiều khách du lịch

Hiện tại, huyện Đà Bắc có 4 bản du lịch cộng đồng (3 bản của người Mường và 1 bản người Dao) có các homestay đón khách du lịch, gồm: Xóm Sung - xã Cao Sơn; Xóm Ké - xã Hiền Lương; Xóm Đá Bia, Xóm Mỏ Hém - xã Tiên Phong.

Các sản phẩm dịch vụ du lịch tại các xóm DLCĐ huyện Đà Bắc khá đa dạng và hấp dẫn. Du khách đến đây sẽ được thưởng thức các sản vật

địa phương, tham gia và nghe những tiết mục văn nghệ múa hát mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, tìm hiểu và trải nghiệm đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân tộc nơi đây với nghề làm tre nứa đan rọ, nghề dệt thổ cẩm của người dân bản địa, đi bắt ốc, đào khoai, bẻ ngô, kéo vó cá, đan rọ tôm... hay tham quan chợ phiên. Bên cạnh khai thác thế mạnh bản địa, huyện Đà Bắc tăng cường mở rộng kết nối các điểm du lịch lân cận, nhằm đa dạng các gói dịch vụ phục vụ khách du lịch. Nhờ đó, doanh thu từ hoạt động DLCĐ đã, đang ngày càng đóng góp lớn vào phát triển kinh tế của huyện. Chỉ tính riêng năm 2021, mặc dù trong bối cảnh chung chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, song DLCĐ huyện Đà Bắc đã đón trên 44.000 lượt khách, trong đó có 2.000 lượt khách quốc tế và 42.000 lượt khách nội địa, với doanh thu đạt khoảng 16,6 tỷ đồng.

Có thể thấy phát triển du lịch cộng đồng đang trở thành ngành kinh tế đầy triển vọng góp phần không nhỏ trong tạo công ăn, việc làm, giải quyết lực lượng lao động phổ thông cho địa phương, cải thiện đời sống cho người dân. Nếu như trước đây, người dân Đà Bắc chỉ thuần túy làm nông nghiệp, thì nay họ làm du lịch chuyên nghiệp hơn, cung cấp các dịch vụ, sản phẩm du lịch tốt hơn với bữa nấu ăn mang hương vị núi rừng, những homestay mang đậm truyền thống cùng các điệu múa mang bản sắc dân tộc độc đáo....

Việc phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng cũng góp phần bảo vệ môi trường văn hóa, phong tục tập quán, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương; làm cải thiện khí hậu, đảm bảo việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nhân văn một cách hợp lý hơn.

Bảng 2. Doanh thu từ hoạt động du lịch cộng đồng của huyện Đà Bắc
ĐVT: triệu đồng

STT	Dịch vụ				TQPTBQ (%)
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	
1	Homstay	2.116	1.802	1.806	92,39
2	Dịch vụ ẩm thực	4.536	3.364	3.306	85,38
3	Thực phẩm và sản phẩm nông nghiệp địa phương	6.765	5.642	5.515	90,29
4	Hướng dẫn viên	850	810	822	98,32
5	Hộ cho thuê thuyền Kayak	603	520	500	91,07
6	Hộ cho thuê Thuyền	909	842	844	96,36
7	Hộ tham gia văn nghệ	609	601	665	104,52
8	Hộ tham gia vận chuyển	2.604	1.956	1.866	84,66
9	Tắm lá thuốc	703	621	632	94,82
10	Khác	800.060	638	639	89,37
Tổng		20.500	16.800	16.600	89,99

(Nguồn: Công ty CP du lịch cộng đồng Đà Bắc)

Những hạn chế tồn tại và giải pháp

Thời gian qua, hoạt động DLCĐ đã được chính quyền địa phương và người dân quan tâm đầu tư phát triển, tuy nhiên hoạt động này hiện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn thấp, chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối các làng, bản và hệ thống sóng điện thoại, mạng internet; Công tác xúc tiến quảng bá du lịch và xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch chưa được quan tâm đúng mức, do đó chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn để triển khai các dự án du lịch cộng đồng xứng tầm với nguồn tài nguyên tự nhiên trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất du lịch như cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ du lịch (nhà hàng, quán cà phê, điểm vui chơi giải trí...) chưa đáp ứng được nhu cầu khách du lịch. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu và có nhiều điểm tương đồng, chưa khai thác hết tiềm năng để tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương, chưa tạo sức cạnh tranh với các địa phương khác. Chất lượng dịch vụ chưa cao, nguồn lao động phục vụ du lịch còn thiếu kỹ năng và chưa chuyên nghiệp.

Để thúc đẩy phát triển DLCĐ huyện Đà Bắc trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách, nhất là chính sách ưu đãi về tiếp cận vốn vay, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển DLCĐ. Xây dựng cơ chế đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của Huyện. Triển khai hướng dẫn các quy chế về quản lý du lịch tại các địa bàn có điểm hoạt động DLCĐ.

Thứ hai, tăng cường công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng vùng du lịch, trong đó chú trọng phát triển hệ thống giao thông, hệ thống điện và internet. Đồng thời cần có quy hoạch tổng thể về không gian, kiến trúc và một số mẫu thiết kế xây dựng nhà ở truyền thống, khuôn viên phù hợp với không gian theo mô hình DLCĐ tại huyện Đà Bắc.

Thứ ba, có những chính sách ưu đãi hợp lý, khuyến khích cộng đồng dân cư địa phương tham gia cung cấp các dịch vụ du lịch.

Thứ tư, phát triển DLCĐ gắn liền với phát triển, bảo tồn những nét văn hóa truyền thống, đặc trưng của người dân bản địa, để tạo nên nét văn hóa mang bản sắc riêng.

Thứ năm, xây dựng chiến lược tuyên truyền và phát triển thương hiệu du lịch chuyên nghiệp trên cơ sở xác định rõ những nội dung cần quảng bá và xác định rõ những lợi thế cũng như tiềm năng của huyện. Tiến hành nghiên cứu sâu về văn hóa ẩm thực đặc trưng vùng dân tộc thiểu số; nghiên cứu xây dựng các chương trình trải nghiệm khác biệt nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ nhưng vẫn mang bản sắc riêng. Nâng cao nhận thức trong cộng đồng về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ tài nguyên môi trường để phát triển du lịch.

Thứ sáu, phối hợp chặt chẽ với các trường trung cấp nghiệp vụ, các trung tâm dạy nghề tổ chức các khóa đào tạo nâng cao các kỹ năng cho người dân nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Khuyến khích các hộ trong thôn, hay ở các xã khác nhau có các buổi gặp mặt tự học tập, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau về phục vụ khách du lịch, bổ sung nghiệp vụ mới trong cách làm du lịch cộng đồng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty cổ phần DLCĐ Đà Bắc, Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
2. Võ Quế (2006), Du lịch cộng đồng lý thuyết và vận dụng, Tập 1, Nxb Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
3. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2002), Du lịch bền vững, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Thị Mai (2006), Giáo trình Tổng quan du lịch, NXB Lao động - xã hội, Hà Nội.
5. UBND huyện Đà Bắc, Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Đà Bắc năm 2019, 2020, 2021.
6. UBND huyện Đà Bắc, Đề án phát triển du lịch huyện Đà Bắc giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

An Giang giảm diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân

Vụ Đông Xuân (2022-2023), toàn tỉnh An Giang đã kết thúc gieo trồng được hơn 246,2 ngàn ha lúa và hoa màu, đạt 100,38% so kế hoạch (KH) và bằng 99,67% so vụ Đông Xuân năm trước. Diện tích gieo trồng (DTGT) giảm so cùng kỳ chủ yếu do một số địa phương chuyển sang trồng cây ăn quả lâu năm từ các vụ trước, chuyển sang nuôi trồng thủy sản và một phần do thực hiện xây dựng các công trình phúc lợi xã hội (chủ yếu xây dựng tuyến đường tránh thành phố Long Xuyên). Tính đến tháng 4/2023, cây lúa chiếm ưu thế, với hơn 227,7 ngàn ha, đạt 99,65% KH và bằng 99,11%, so vụ Đông Xuân năm trước; Hoa màu các loại thực hiện gieo trồng được hơn 18,5 ngàn ha, đạt 110,36% KH và bằng 107,22% so cùng kỳ.

Tình hình thời tiết trong vụ Đông Xuân năm nay diễn biến tương đối thuận lợi (ít mưa trái mùa, thời tiết lạnh và kéo dài ở giai đoạn lúa làm đồng), tình trạng khô hạn và xâm ngập mặn diễn biến không phức tạp. Đồng thời, được các ngành chức năng tỉnh An Giang thường xuyên thăm đồng để có những dự báo sâu bệnh chính xác và kịp thời, tăng cường khuyến cáo nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tích cực chăm sóc nên cả lúa và hoa màu phát triển tốt./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh An Giang

Bạc Liêu tăng cường quản lý lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được ngành chức năng tỉnh Bạc Liêu tập trung thực hiện ngay từ những ngày đầu năm 2023. Hiện có 400 tổ chức, cá nhân tiếp tục quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển diện tích rừng hiện có; chăm sóc diện tích rừng trồng; bảo vệ rừng phòng hộ 2.523 ha. Trong tháng 4/2023, Chi cục Kiểm lâm tổ chức tuyên truyền phổ biến Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp 58 đợt cho 263 lượt người dân sinh sống ở vùng đệm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và các hộ dân nhận khoán đất rừng, đồng thời kết hợp với Công an, Bộ đội Biên phòng, chính quyền địa phương và chủ rừng thực hiện tuần tra quản lý bảo vệ rừng 115 lượt, phát hiện 01 vụ vi phạm; đồng thời tiếp tục theo dõi diễn biến tài nguyên rừng tại Vườn chim Bạc Liêu và rừng phòng hộ ven biển. Ngoài ra, còn thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô 2022 - 2023 tại khu rừng đặc dụng Vườn chim Bạc Liêu. Về công tác quản lý động vật hoang dã:

Xác nhận nguồn gốc 4.006 con cá sấu; 97 con cây vôi hương; 140 con cua đĩnh; 513 con trăn.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Trong tháng (tính từ ngày 21/3/2023 - 18/4/2023), toàn tỉnh có 70 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tổng số vốn đăng ký là 196,50 tỷ đồng (so với cùng kỳ giảm 4,1% về số doanh nghiệp và giảm 70,46% về số vốn điều lệ doanh nghiệp); có 8 hồ sơ doanh nghiệp đăng ký giải thể, tổng vốn là 20,80 tỷ đồng; có 08 hồ sơ đăng ký tạm ngừng hoạt động.

Lũy kế từ đầu năm đến nay có 264 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tổng vốn là 907,88 tỷ đồng (so cùng kỳ giảm 21% về số doanh nghiệp và giảm 55,77% về số vốn doanh nghiệp); có 21 doanh nghiệp đăng ký giải thể, tổng vốn là 28,80 tỷ đồng (so cùng kỳ giảm 67% về số doanh nghiệp, giảm 73,44% về vốn); có 106 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tổng vốn là 122,80 tỷ đồng./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang

Cà Mau kiểm soát mạnh mẽ công tác phòng chống thiên tai, cháy nổ

Công tác phòng chống lụt bão - khắc phục thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tiếp tục được Cà Mau kiểm tra thường xuyên và luôn duy trì. Trong tháng 4/2023, trên địa bàn tỉnh Cà Mau xảy ra 01 cơn dông lốc làm thiệt hại 05 căn nhà; 04 vụ sạt lở đất ven sông với tổng chiều dài 155m, làm thiệt hại 02 căn nhà. Tổng thiệt hại do thiên tai trong tháng khoảng 466 triệu đồng.

Bên cạnh đó, công tác phòng, chống cháy nổ luôn được các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm và chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra thường xuyên, đồng thời ý thức phòng chống cháy nổ của người dân ngày càng được nâng lên. Trong tháng trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy, nổ.

Sau khi xảy ra sự việc thiên tai, các ngành chức năng, cùng chính quyền địa phương đã đến động viên, thăm hỏi các gia đình bị thiệt hại khắc phục khó khăn, ổn định lại cuộc sống. Bên cạnh đó, các ngành chức năng vẫn tiếp tục tuyên truyền người dân thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy nổ, thiên tai và luôn cảnh báo người dân sống gần khu vực bờ sông, ven biển để phòng nguy cơ sạt lở, gió lốc nhằm tránh thiệt hại về người và tài sản./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Cà Mau

THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIỮA CÁC VÙNG

TS. Nguyễn Huy Lương

Nguyên Cục trưởng Cục Thống kê, Chủ tịch Hội Thống kê tỉnh Phú Thọ

Vùng có vai trò, vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh đối với cả nước. Để thực hiện hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, thì sự nghiệp xây dựng từng vùng cũng đều phải hướng tới mục tiêu trở thành vùng phát triển, thu nhập cao. Tuy nhiên, tương quan trình độ phát triển giữa các vùng đến nay vẫn còn chênh lệch khá lớn. Dưới đây là kết quả thực hiện các chỉ chí thành phần và xếp hạng các vùng theo chỉ số phát triển kinh tế - xã hội (S^n) và theo các chỉ số thành phần đến năm 2020 và đến năm 2021⁽¹⁾.

Bảng 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thành phần đến năm 2020 của các vùng⁽²⁾

	Thu nhập BQ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	Tỷ lệ xã nông thôn mới (%)	Tỷ lệ lao động phi NN (%)	Tỷ lệ lao động qua ĐT (%)	Tuổi thọ trung bình (Năm)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hệ số GINI	Tỷ lệ rừng hiện có (%)	Tỷ lệ hộ s/d nước HVS (%)
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CẢ NƯỚC	51,0	36,82	65,23	71,46	24,1	73,7	4,8	0,373	95,3	97,4
Đồng bằng sông Hồng	61,0	37,14	96,98	85,71	32,6	74,8	1,3	0,317	94,5	99,9
Trung du và miền núi phía Bắc	32,9	20,11	38,82	56,93	20,5	71,4	14,4	0,420	93,7	89,9
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	40,9	31,47	65,28	66,81	22,7	73,2	6,5	0,354	93,2	96,7
Tây Nguyên	33,8	28,78	51,33	32,74	16,9	71,0	11,0	0,406	105,2	96,7
Đông Nam Bộ	72,3	66,91	85,03	91,13	29,5	76,2	0,3	0,291	97,4	99,9
Đồng bằng sông Cửu Long	46,5	25,86	64,37	62,24	14,9	74,9	4,2	0,372	84,9	97,5
<i>Chuẩn cần đạt</i>	<i>185,3</i>	<i>80,0</i>	<i>100,0</i>	<i>90,0</i>	<i>50,0</i>	<i>80,0</i>	<i>2,5</i>	<i>0,3</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>

Căn cứ kết quả đạt được tại Bảng 1 và Bảng 2 trên đây, áp dụng phương pháp biên soạn chỉ số (S^n) của Tổng cục Thống kê xếp hạng được các vùng theo chỉ số phát triển chung (Bảng 3), theo các chỉ số thành phần đến năm 2020 (Bảng 4), và theo các chỉ số thành phần đến năm 2021 (Bảng 5) như sau:

1. Xem tóm tắt phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê tại Tạp chí Kinh tế Việt Nam số 14-2023, phát hành ngày 03/4/2023, trang 6.

2, 3. Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2021 của Tổng cục Thống kê; Dữ liệu thống kê đất đai năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Dữ liệu xã nông thôn mới của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Trung ương và tính toán của tác giả.

Bảng 2. Sơ bộ kết quả thực hiện các chỉ tiêu thành phần đến năm 2021 của các vùng⁽³⁾

	Thu nhập BQ (Triệu VNĐ)	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	Tỷ lệ xã nông thôn mới (%)	Tỷ lệ lao động phi NN (%)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Tuổi thọ trung bình (Năm)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hệ số GINI	Tỷ lệ rừng hiện có (%)	Tỷ lệ hộ s/d nước HVS (%)
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CẢ NƯỚC	50,5	37,12	70,66	71,02	26,1	73,6	4,4	0,374	95,7	98,1
Đồng bằng sông Hồng	60,3	37,59	99,83	86,25	37	75,2	1,2	0,327	94,5	99,9
Trung du và miền núi phía Bắc	34,0	20,48	44,26	57,80	25,9	71,2	13,4	0,428	94,5	92,1
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	41,9	32,46	69,60	67,89	25,8	73,4	5,7	0,347	93,4	97,5
Tây Nguyên	34,3	28,92	57,63	30,33	17	71,1	10,1	0,418	105,6	97,5
Đông Nam Bộ	69,5	66,42	91,29	89,76	28,3	76,1	0,2	0,322	97,3	99,9
Đồng bằng sông Cửu Long	44,6	26,38	73,87	59,69	14,6	75,0	3,8	0,352	84,0	98,4
<i>Chuẩn cần đạt</i>	<i>177,6</i>	<i>80,0</i>	<i>100,0</i>	<i>90,0</i>	<i>50,0</i>	<i>80,0</i>	<i>2,5</i>	<i>0,3</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>

Bảng 3. Xếp hạng trình độ phát triển KT-XH của các vùng năm 2020 và năm 2021

	Chỉ số phát triển KT-XH 2020		Chỉ số phát triển KT-XH 2021	
	S ²⁰ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ (Điểm)	Xếp hạng
A	1	2	3	4
CẢ NƯỚC	61,78	x	63,25	x
Đồng bằng sông Hồng	72,10	2	74,00	2
Trung du và miền núi phía Bắc	48,88	6	51,59	5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	58,75	3	60,99	3
Tây Nguyên	49,04	5	49,71	6
Đông Nam Bộ	77,79	1	77,96	1
Đồng bằng sông Cửu Long	54,98	4	56,17	4
<i>Điểm chuẩn</i>	<i>100,00</i>	x	<i>100,00</i>	x

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 4. Xếp hạng các vùng theo các chỉ số thành phần năm 2020

	Chỉ số thu nhập bình quân		Chỉ số đô thị hóa		Chỉ số xã nông thôn mới		Chỉ số lao động phi NLTS		Chỉ số lao động qua đào tạo	
	S ²⁰ ₁ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₂ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₃ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₄ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₅ (Điểm)	Xếp hạng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CẢ NƯỚC	5,00	x	7,53	x	8,30	x	8,66	x	7,01	x
Đồng bằng sông Hồng	5,99	2	7,60	2	12,34	1	10,39	2	9,48	1
Trung du và MNPB	3,23	6	4,11	6	4,94	6	6,90	5	5,96	4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	4,01	4	6,44	3	8,31	3	8,10	3	6,60	3
Tây Nguyên	3,32	5	5,89	4	6,53	5	3,97	6	4,92	5
Đông Nam Bộ	7,09	1	13,69	1	10,82	2	10,91	1	8,58	2
Đồng bằng sông Cửu Long	4,56	3	5,29	5	8,19	4	7,54	4	4,33	6
<i>Điểm chuẩn</i>	<i>18,18</i>	x	<i>16,36</i>	x	<i>12,73</i>	x	<i>10,91</i>	x	<i>14,55</i>	x

Tiếp theo Bảng 4:

	Chỉ số tuổi thọ trung bình		Chỉ số hộ nghèo		Chỉ số GINI		Chỉ số diện tích rừng hiện có		Chỉ số hộ sử dụng nước HVS	
	S ²⁰ ₆ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₇ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₈ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₉ (Điểm)	Xếp hạng	S ²⁰ ₁₀ (Điểm)	Xếp hạng
A	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
CẢ NƯỚC	6,70	x	5,19	x	8,16	x	3,44	x	1,77	x
Đồng bằng sông Hồng	6,80	3	5,38	2	8,87	2	3,44	3	1,82	1
Trung du và MNPB	6,49	6	4,67	6	7,53	5	3,41	4	1,63	4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	6,65	4	5,10	4	8,39	2	3,39	5	1,76	3
Tây Nguyên	4,65	5	4,85	5	7,71	4	3,64	1	1,76	3
Đông Nam Bộ	6,93	1	5,44	1	8,97	1	3,54	2	1,82	1
Đồng bằng sông Cửu Long	6,81	2	5,23	3	8,16	3	3,09	6	1,77	2
<i>Điểm chuẩn</i>	7,27	x	4,55	x	9,09	x	3,64	x	1,82	x

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 5. Xếp hạng các vùng theo các chỉ số thành phần năm 2021

	Chỉ số thu nhập bình quân		Chỉ số đô thị hóa		Chỉ số xã nông thôn mới		Chỉ số lao động phi NLTS		Chỉ số lao động qua đào tạo	
	S ²¹ ₁ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₂ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₃ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₄ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₅ (Điểm)	Xếp hạng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CẢ NƯỚC	5,17	x	7,59	x	8,99	x	8,61	x	7,59	x
Đồng bằng sông Hồng	6,17	2	7,69	2	12,71	1	10,45	2	10,76	1
Trung du và MNPB	3,49	6	4,19	6	5,63	6	7,01	5	7,53	3
Bắc Trung Bộ và DHMT	4,29	4	6,64	3	8,86	4	8,23	3	7,51	4
Tây Nguyên	3,51	5	5,92	4	7,33	5	3,68	6	4,95	5
Đông Nam Bộ	7,12	1	13,59	1	11,62	2	10,88	1	8,23	2
Đồng bằng sông Cửu Long	4,56	3	5,39	5	9,40	3	7,24	4	4,25	6
<i>Điểm chuẩn</i>	18,18	x	16,36	x	12,73	x	10,91	x	14,55	x

Tiếp theo Bảng 5:

	Chỉ số Tuổi thọ trung bình		Chỉ số hộ nghèo		Chỉ số GINI		Chỉ số diện tích rừng hiện có		Chỉ số hộ sử dụng nước HVS	
	S ²¹ ₆ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₇ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₈ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₉ (Điểm)	Xếp hạng	S ²¹ ₁₀ (Điểm)	Xếp hạng
A	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
CẢ NƯỚC	6,69	x	5,21	x	8,13	x	3,48	x	1,78	x
Đồng bằng sông Hồng	6,84	2	5,39	2	8,74	2	3,44	3	1,82	1
Trung du và MNPB	6,47	5	4,72	6	7,43	6	3,44	3	1,67	6
Bắc Trung Bộ và DHMT	6,67	4	5,14	4	8,48	3	3,40	5	1,77	5
Tây Nguyên	6,46	6	4,90	5	7,56	5	3,64	1	1,77	5
Đông Nam Bộ	6,92	1	5,44	1	8,81	1	3,54	2	1,82	1
Đồng bằng sông Cửu Long	6,82	3	5,25	3	8,42	4	3,06	6	1,79	3
<i>Điểm chuẩn</i>	7,27	x	5,45	x	9,09	x	3,64	x	1,82	x

Nguồn: Tính toán của tác giả

Theo Bảng 3, đến năm 2021 có hai vùng đạt trình độ phát triển khá, đứng đầu là vùng Đông Nam bộ (đạt 77,96/100 điểm), đứng thứ hai là vùng Đồng bằng sông Hồng (đạt 74,0/100 điểm); bốn vùng còn lại

đạt trình độ trung bình gồm: Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung đứng thứ ba (đạt 60,99/100 điểm), vùng Đồng bằng sông Cửu Long đứng thứ tư (đạt 56,17/100 điểm), vùng Trung du và miền núi phía Bắc đứng thứ năm (đạt 51,59/100 điểm), và vùng Tây Nguyên đứng vị trí thứ sáu (đạt 49,71/100 điểm). Theo đó, tương quan trình độ phát triển giữa các vùng đến năm 2021 có sự chênh lệch khá xa, so với trình độ phát triển của vùng Đông Nam bộ là vùng đứng đầu, trình độ phát triển của vùng Tây Nguyên thấp hơn 28,25 điểm, vùng Trung du và miền núi phía Bắc thấp hơn 26,37 điểm, vùng Đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn 21,79 điểm, Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung thấp hơn 16,97 điểm.

Theo Bảng 5, để thu hẹp mức độ chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, trong những năm tới, Đảng, Nhà nước và các bộ ngành Trung ương cần quan tâm chỉ đạo, bố trí các nguồn lực đầu tư cho bốn vùng chậm phát triển, trong đó chú ý ưu tiên cho vùng Tây Nguyên và vùng Trung du và miền núi phía Bắc, trước hết tập trung đầu tư nâng cao kết quả thực hiện các tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người, Tỷ lệ đô thị hóa, Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh là các tiêu chí hai vùng này còn đạt rất thấp so với vùng có trình độ phát triển hàng đầu, và so với mức chuẩn (ngưỡng) cần đạt để trở thành vùng phát triển, thu nhập cao./.

PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH HỢP TÁC GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Vũ Nhật Anh
Trường Đại học Trưng Vương

Ở Việt Nam, mô hình hợp tác giữa trường đại học (TĐH) và doanh nghiệp (DN) được Đảng và Nhà nước quan tâm từ hai thập niên trở lại đây. Theo đó, trong nhiều chính sách của nhà nước khẳng định: Các TĐH phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống; thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các DN, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội; coi DN là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn nhu cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học - công nghệ... Tuy nhiên, trong những năm qua, sự phát triển các mô hình hợp tác giữa các TĐH và DN còn hạn chế. Bài viết này sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh và phát huy hiệu quả mối liên kết giữa TĐH và DN.

Chính sách thúc đẩy hợp tác TĐH và DN

Chủ trương phát triển mô hình ba nhà (Nhà nước - TĐH - DN) đã có từ cuối những năm 1990 thông qua chủ trương xây dựng Khu công nghệ cao Hòa Lạc, đến nay dự án vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định.

Đến năm 2005, Dự án Phát triển Giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp - ứng dụng (Profession Oriented Higher Education - POHE) đã được triển khai dưới sự quản lý và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Song song với đó, cơ sở pháp lý cho hoạt động này đã được xây dựng và ngày càng hoàn thiện. Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung

có đề cập đến việc “đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp”. Bên cạnh đó, khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Trung ương Đảng khóa XI, có nêu “các TĐH phải thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội (chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn năm 2011 - 2020)”. Bên cạnh đó, thông qua việc ban hành một số các nghị định, công văn đặc thù, cụ thể: Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Công văn số 5444/BGDĐT-GDĐH ngày 16/11/2017 về việc áp dụng cơ chế

đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học; Công văn số 4929/BGDĐT-GDĐH ngày 20/10/2017 về việc áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành về du lịch; Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Điều này cho thấy, các ban, ngành đặc biệt quan tâm đến việc hợp tác giữa các TĐH và doanh nghiệp.

Thực trạng các mô hình hợp tác giữa TĐH và doanh nghiệp

Theo báo cáo của Vụ Giáo dục đại học, Bộ GDĐT, trong số 135 cơ sở giáo dục đại học có báo cáo khảo sát năm 2021, thì có 40,7% cơ sở đào tạo có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp cả trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác; 44,4% có hợp tác trong các lĩnh vực khác; 8,1% có hợp tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin và 6,7% không có hoạt động hợp tác nào với doanh nghiệp, tập trung chủ yếu vào các cơ sở đào tạo các khối ngành đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật.

Tổng số doanh nghiệp có hợp tác với 135 cơ sở giáo dục đại học được khảo sát là 6.126 doanh nghiệp, đạt tỉ lệ trung bình là 60 doanh nghiệp/cơ sở đào tạo. Gắn kết với doanh nghiệp, không chỉ dừng lại ở vấn đề tìm chỗ thực hành cho sinh viên hay xin học bổng,

đa số các trường hiện nay đang hướng tới việc giúp sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Kết quả khảo sát của Vụ Giáo dục đại học năm 2021 cũng cho thấy, hoạt động hợp tác nổi bật nhất giữa TĐH - doanh nghiệp trong đào tạo là hoạt động tiếp nhận sinh viên đến kiến tập/thực tập (gần 90%). Hoạt động hợp tác chiếm vị trí thứ 2 là tài trợ cho các hoạt động liên quan đến đào tạo và ngoại khóa bao gồm: Trao học bổng sinh viên, tổ chức ngày hội việc làm và tuyển dụng sinh viên mới tốt nghiệp (gần 70%). Việc các doanh nghiệp tham gia góp ý cho chương trình đào tạo, tham gia giảng dạy dừng lại ở mức độ 30%.

Trên thực tế, nhiều mô hình hợp tác đã được triển khai hiệu quả trong thời gian qua, như:

(i) Mô hình của TĐH Bách khoa Hà Nội. Hiện nay, Trường đang hợp tác với DN về tuyển dụng, nghiên cứu. Trong đó, các khóa học đào tạo dựa trên công nghệ của DN được đưa vào các học phần nhà trường và các khóa học đào tạo chuyên sâu đặc thù hướng tới môi trường làm việc cho sinh viên. Để làm được điều này, TĐH Bách khoa Hà Nội đã xây dựng mối quan hệ với các DN để đảm bảo thành công của các khóa học tương ứng. Trong năm 2017, Trường đang có 10 chương trình liên kết đào tạo với các DN. Điển hình Nhà trường có 4 học phần liên kết đào tạo với Công ty Samsung. Sau khi sinh viên học những học phần đó sẽ được nhà trường cấp cho chứng chỉ tương ứng để có thể đi thực tập. Hàng năm, Nhà trường có khoảng từ 120-180 sinh viên thực tập tại Công ty Samsung và những sinh viên này cũng là nguồn tuyển dụng của DN (Đỗ Hòa, 2018).

Ngoài ra, TĐH Bách khoa Hà Nội còn tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tìm hiểu với văn hóa

làm việc của mỗi DN nhằm giúp sinh viên làm quen với văn hóa của các nước để làm việc tốt hơn tại các DN.

(ii) Mô hình của TĐH Công nghiệp Hà Nội. Năm 2014, TĐH Công nghiệp Hà Nội đã thành lập Trung tâm Hợp tác với DN. Theo báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 của Trung tâm Hợp tác với DN, năm 2016, Nhà trường đã tiếp nhận 28 yêu cầu tham gia thăm quan, thực tập tại DN trong khuôn khổ hợp tác đào tạo của các DN, như: Nissan Techno, Samsung Việt Nam, Canon Việt Nam, Foxconn, Vinatop, COMA 18... với 3.150 sinh viên. Hoạt động trao đổi cán bộ giảng viên cũng được đẩy mạnh hơn so với năm 2016, cụ thể có 30 cán bộ giảng viên tới DN đào tạo tại các DN, như: Denso Việt Nam, Canon Việt Nam, Pepsico Việt Nam, Phân lân Văn Điển, Hanacans; có 36 cán bộ của DN tham gia giảng dạy tại Nhà trường đến từ: Foxconn, Pepsico Việt Nam, Samsung Việt Nam, Canon Việt Nam.

Năm 2017, số lượng các khóa học ngắn hạn do DN gửi tới trường đào tạo là 148 khóa học với số lượng học viên lên tới 1795 người, tăng 174,78% so với năm trước. Số lượng chương trình thực tập trải nghiệm tại DN là 26 chương trình với khoảng 1.938 sinh viên tham gia tại các DN, như: Samsung Việt Nam, Canon Việt Nam, Foxconn, UMC, Toyo Denso, TNHH Gia Minh. Có 45 giảng viên từng tham gia giảng dạy tại các DN, như: Pepsico Việt Nam, Nestle Việt Nam, Hanwha, Denso Việt Nam, Panasonic Việt Nam, Habeco. Số cán bộ DN tham gia giảng dạy tại nhà trường tăng lên 40 người đến từ các DN, như: Foxconn, Hanwa, Denso Việt Nam, Bóng đèn dạng đồng, Minami Fuji.

Theo thống kê, tỷ lệ sinh viên của Nhà trường sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay,

chiếm khoảng từ 58,6% - 65%, số lượng sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp chiếm khoảng 86,9%. Căn cứ vào số lượng sinh viên có việc làm cao mà số lượng tuyển sinh của nhà trường hàng năm đều đạt mức 100% chỉ tiêu các hệ đào tạo, mang lại nguồn tài chính ổn định quan trọng đối với cơ chế tự chủ của nhà trường.

(iii) Mô hình của TĐH Nông Lâm - Đại học Huế: Là một trong những TĐH đầu tiên được chọn thí điểm mô hình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) từ năm 2005. Trường đã nỗ lực hợp tác với DN để đổi mới chương trình đào tạo, giúp sinh viên tiếp cận nhiều hơn với thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Sinh viên được đào tạo theo mô hình POHE có nhiều cơ hội trực tiếp tham gia các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, DN trong và ngoài nước, như: Lào, Campuchia, Thái Lan... Đến nay, Trường đã có quan hệ hợp tác với gần 500 DN, mang lại cơ hội rất lớn cho người học. Chính điều này giúp sinh viên tự tin, năng động và tìm kiếm được việc làm đúng với sở trường và ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp. Theo số liệu khảo sát năm 2013 của TĐH Nông Lâm - Đại học Huế, có 100% sinh viên được đào tạo theo mô hình POHE khi ra trường tìm được việc làm đúng với nghề nghiệp, được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao về năng lực nghề nghiệp.

(iv) Trong những năm qua, TĐH Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội luôn thúc đẩy đào tạo để có nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng được thị trường lao động Việt Nam và các DN FDI. Nhà trường đã và đang phối hợp với DN Samsung, LG, Vinmart... là những DN có nhu cầu cao

về nguồn lao động chất lượng. Cuối năm 2017, TĐH Công nghệ đã phối hợp với Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) tổ chức Lễ ra mắt Viện Công nghệ Hàng không Vũ trụ (SAE). SAE thực hiện đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về công nghệ hàng không vũ trụ ở các bậc đại học, sau đại học; nghiên cứu, phát triển các công nghệ và sản phẩm khoa học trong lĩnh vực hàng không vũ trụ đáp ứng yêu cầu dân sự và an ninh, quốc phòng của đất nước; cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ - tri thức trong lĩnh vực công nghệ hàng không vũ trụ trong và ngoài nước.

Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, song xét về tổng thể đến nay việc hợp tác giữa các TĐH&DN ở Việt Nam còn hạn chế, cụ thể như sau:

Trước hết, hoạt động hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp chưa thực sự phổ biến; nhận thức về lợi ích của các bên liên quan còn mơ hồ.

Thứ hai, quan hệ hợp tác còn mang tính một chiều, ngắn hạn, tình thế; chủ yếu xuất phát từ nhu cầu của cơ sở giáo dục đại học.

Thứ ba, mục đích hợp tác tập trung chủ yếu vào hoạt động đào tạo, cung ứng lao động cho doanh nghiệp, nâng cao khả năng có việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

Thứ tư, hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu còn hạn chế.

Thứ năm, về cơ bản vẫn chưa hình thành một mô hình hợp tác bền vững, mang tính tự giác, dựa trên niềm tin và đôi bên cùng có lợi.

Một số giải pháp phát triển mô hình hợp tác giữa trường đại học và Doanh nghiệp

Một là, để thúc đẩy mô hình liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp phát triển

và phát huy hiệu quả cần tăng cường nhận thức cho đối tượng thực hiện trực tiếp.

Hai là, cần hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật để thúc đẩy hợp tác đối tác công tư (PPP) trong giáo dục đại học. Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp hợp tác, tài trợ cho lĩnh vực giáo dục đại học, như chính sách miễn trừ thuế cho các doanh nghiệp đầu tư tài trợ cho giáo dục.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần có chính sách, cơ chế phối hợp chặt chẽ về nguồn nhân lực giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tăng quyền tự chủ cho nhà trường. Nhà trường cần được tự chủ và chủ động về quy mô đào tạo, hình thức tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo, thu chi nguồn tài chính. Đặc biệt, bên cạnh các chính sách khích lệ, động viên, kết nối, thúc đẩy, cần một số yêu cầu mang tính bắt buộc. Ví dụ như với nhà trường, hoạt động hợp tác với doanh nghiệp phải là một tiêu chí trong kiểm định.

Khi xây dựng chính sách phải vừa chú ý đến cái chung, vừa chú ý đến các trường theo từng nhóm lĩnh vực để phù hợp, hài hòa, trong đó đặt trọng tâm đến hệ thống các trường có liên quan nhiều đến doanh nghiệp.

Để cập tới từng phương diện cụ thể trong hợp tác giữa TĐH và doanh nghiệp như hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; hoạt động đào tạo; việc sử dụng nguồn lực...

Ba là, mở rộng quyền tự chủ đại học về chuyên môn, tổ chức, nhân sự, tài chính, hợp tác trong nước và quốc tế với các cơ sở giáo dục đại học sáng nghiệp. Đây là yêu cầu cần thiết nhằm tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục đại học sáng nghiệp có thể hoạt động như một doanh nghiệp,

phát huy vai trò dẫn dắt trong hệ sinh thái ba nhà.

Ban hành các chính sách hỗ trợ tài chính và phi tài chính trong việc triển khai xây dựng các vườn ươm doanh nghiệp thông qua nhiều dự án khác nhau, bao gồm dự án đấu thầu, dự án ODA, dự án PPP. Về phương diện này, cần có nhiều quan tâm hơn đến các dự án PPP vì đó là sự mở đầu cho hợp tác đại học - doanh nghiệp một cách bền vững, trong đó đóng góp về phía nhà trường là cơ sở hạ tầng, vườn ươm doanh nghiệp, tư duy sáng tạo và đổi mới, kết quả nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên; đóng góp về phía doanh nghiệp là tài chính, đặt hàng nghiên cứu, công nghệ, bí quyết kinh doanh, nơi thực tập cho sinh viên, cố vấn cho vườn ươm.

Kết quả đầu ra của các dự án PPP này là doanh nghiệp được ươm tạo thành công, sản phẩm công nghệ được thương mại hóa, nhà trường có doanh thu và nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, và chất lượng đào tạo./.

Tài liệu tham khảo

1. Vụ Giáo dục đại học, Bộ GDĐT (2022), Báo cáo tại phiên họp thứ nhất của Ủy ban về Giáo dục và Phát triển nhân lực (thuộc Hội đồng Quốc gia về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh), ngày 18/8/2022.
2. Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp*, số 74/2014/QH13, ngày 27/11/2014.
3. Trung tâm Hợp tác với DN (TĐH Công nghiệp Hà Nội) (2017). *Báo cáo tổng kết năm học 2016-2017*.
4. Đoàn Văn Tinh (2015). Liên kết TĐH với doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và liên hệ với Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 13, tháng 7.
5. Đỗ Hòa (2018). *Hợp tác đào tạo Nhà trường - DN: Hướng đi cần đẩy mạnh cùng cách mạng 4.0*, truy cập từ <http://www.baohaiquan.vn/Pages/Hop-tac-dao-tao-Nha-truong-Doanh-nghiep-Huong-di-can-day-manh-cung-cach-mang-4-0.aspx>

CUỘC CHIẾN CHỐNG LẠM PHÁT TOÀN CẦU

ThS. Kiều Thị Tuấn
Học viện Ngân hàng

Lạm phát dai dẳng, chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt

Theo các chuyên gia, lạm phát toàn cầu đã có xu hướng giảm xuống kể từ giữa năm 2022 khi các ngân hàng trung ương trên thế giới tăng lãi suất với tốc độ nhanh, mạnh, đồng bộ chưa từng có tiền lệ. Mặc dù vậy, tỷ lệ lạm phát, đặc biệt là lạm phát lõi (không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng), vẫn cao gấp đôi so với mức trung bình trước năm 2021 và vượt xa so với mục tiêu của hầu hết các quốc gia.

Cụ thể, tại Khu vực các nước sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone), lạm phát toàn phần đang ở mức khoảng 7% với một số quốc gia thành viên là lên đến trên 15%, và lạm phát lõi toàn Eurozone ở mức cao kỷ lục 5,7%. Tại Hoa Kỳ, lạm phát toàn phần tăng 5% nhưng lạm phát lõi tăng tới 5,6%. Mức lạm phát mục tiêu trong trung hạn của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đều là 2%.

Quý đầu năm 2023 đã đi qua và trận chiến với lạm phát bằng cách nâng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Thậm chí, ngay cả khi cuộc khủng hoảng hệ thống ngân hàng diễn ra, cả Fed, Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) và ECB vẫn tiếp tục nâng lãi suất.

Theo đó, tại phiên họp gần nhất vào tháng 3/2023, Fed đã đưa lãi suất lên mức 4,75 - 5%. Chưa hết, cơ quan điều hành chính sách tiền tệ này đưa ra tín hiệu sẽ còn thêm các đợt nâng lãi suất, ngay cả khi

Thời gian qua, lạm phát ở mức cao đã khiến các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới phải mạnh tay triển khai các chiến dịch thắt chặt tiền tệ chưa từng có, trong đó dẫn đầu là Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed). Đến nay, áp lực lạm phát đã phần nào dịu bớt, song tỷ lệ vẫn còn cao, buộc các nước phải có chiến lược ứng phó trước nguy cơ giá cả leo thang, đe dọa đà phục hồi còn mong manh của kinh tế thế giới.

nhận thức rõ lãi suất cao là yếu tố khiến cuộc khủng hoảng hệ thống ngân hàng thêm sâu sắc. Chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết sẽ ổn định lại giá cả. Áp lực lạm phát đang tiếp tục leo dốc và giới chức quản lý cần chuẩn bị cho việc lãi suất ở mức cao hơn nữa nếu cần thiết.

ECB cũng tiếp tục nâng lãi suất từ 2,5% lên 3% trong cuộc họp gần nhất, với dự báo lạm phát sẽ duy trì ở mức cao trong thời gian dài hơn.

Tính tới tháng 3/2023, BOE đã nâng lãi suất 11 lần liên tiếp, đưa lãi suất lên mức 4,25%. Thống đốc BOE Andrew Bailey nhấn mạnh, lãi suất phải ở mức cao hơn sau cú sốc lạm phát vào tháng 2/2023, khi giá tiêu dùng tăng 10,4% từ mức 10,1% tháng trước đó.

Mỹ và châu Âu không phải khu vực duy nhất chứng kiến lạm phát tăng mạnh. Mới đây nhất, Nam Phi gây bất ngờ với thị trường khi nâng lãi suất thêm 50 điểm

cơ bản, đưa lãi suất đạt 7,75% vào tháng 3/2023, đánh dấu lần tăng lãi suất thứ 9 kể từ tháng 11/2021.

Quý Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận định, ảnh hưởng của các cú sốc giá cả trước đây và tình trạng nguồn cung lao động phục hồi chậm sau đại dịch đang dần chuyển thành các nhân tố khiến lạm phát trở nên dai dẳng hơn. Cơ quan này dự báo tình trạng lạm phát cao có thể kéo dài đến cuối năm 2024, thậm chí sang năm 2025. Đáng chú ý, lạm phát kỳ vọng của thị trường cho đến nay vẫn tiếp tục neo ở mức cao.

Lạm phát lõi cao dai dẳng có thể buộc các ngân hàng trung ương duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ trong thời gian dài hơn. Fed và ECB nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong tháng 5/2023 và mức lãi suất cao sẽ được neo đủ lâu để xử lý triệt để vấn đề lạm phát.

Hệ quả của điều này là đồng USD sẽ ở mức cao trong khoảng thời gian dài hơn, làm trầm trọng thêm thách thức mà nhiều nền kinh tế đang phải đối mặt: Chi phí nhập khẩu tăng cao giữa lúc gánh nặng nợ phình to. Khoảng 44% giao dịch thương mại quốc tế được thực hiện bằng đồng USD và phần lớn nợ nước ngoài của các quốc gia được định giá bằng đồng USD nên có độ nhạy cảm lớn với các động thái chính sách tiền tệ của Fed.

Lãi suất tăng làm trở dậy cuộc khủng hoảng ngân hàng đã khiến 3 ngân hàng của Hoa Kỳ liên tiếp phá sản trong tháng Ba, bao gồm: Silicon Valley Bank (SVB) - định chế

tài chính lớn thứ 17 tại Hoa Kỳ, kéo theo đó là cuộc khủng hoảng của ngân hàng thương mại lớn thứ hai Thụy Sĩ - Credit Suisse. Đồng thời, lãi suất cao sẽ gia tăng rủi ro đối với các doanh nghiệp đã vay nợ nhiều trong thời gian lãi suất thấp trước đây trong bối cảnh môi trường kinh doanh kém thuận lợi.

Theo nhận định của IMF, thị trường đang ngày càng trở nên nhạy cảm hơn, những rối loạn của thị trường tài chính có thể dễ dàng lan rộng ra toàn bộ nền kinh tế và “nguy cơ hạ cánh cứng, đặc biệt là đối với các nền kinh tế phát triển đã tăng cao hơn rất nhiều”.

Mặc dù vậy, Tổng Giám đốc IMF Kristalina Georgieva khuyến nghị, các ngân hàng trung ương phải tiếp tục ưu tiên mục tiêu chống lạm phát rồi mới đến việc hỗ trợ ổn định các điều kiện tài chính.

Ưu tiên chống lạm phát

Từ năm 2022, các ngân hàng trung ương đã tăng lãi suất chuẩn để đối phó với lạm phát vốn tăng lên mức chưa từng có trong nhiều thập kỷ ở nhiều nước, trong đó có Mỹ. Tuy nhiên, cuộc chiến này đang trở nên phức tạp do vụ phá sản gần đây của Silicon Valley Bank (SVB) sau khi gặp rủi ro do lãi suất quá cao, làm xáo trộn hệ thống ngân hàng ở hai bờ Đại Tây Dương.

Tuy nhiên, theo Tổng Giám đốc IMF K.Georgieva, các ngân hàng trung ương nên tiếp tục ngăn chặn lạm phát thông qua việc tăng lãi suất, bất chấp những lo ngại điều này có thể gây thêm căng thẳng cho lĩnh vực ngân hàng. IMF kêu gọi các nước thành viên tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ để ứng phó với lạm phát cao kéo dài.

Bà K.Georgieva cho rằng, các ngân hàng trung ương phải tiếp tục chống lạm phát trong một môi trường khó khăn và phức tạp hơn nhiều, trong đó ưu tiên

chống lạm phát rồi mới hỗ trợ ổn định tài chính thông qua các công cụ khác nhau.

Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng, lạm phát vẫn giữ ở mức cao, kinh tế thế giới khó có thể phục hồi mạnh mẽ. Điều này sẽ tác động xấu đến triển vọng kinh tế của mọi quốc gia, đặc biệt là những quốc gia và những đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Tăng trưởng GDP toàn cầu giảm gần 50% năm 2022 xuống 3,4% do tác động của xung đột tại Ukraine, làm gián đoạn sự phục hồi sau đại dịch Covid-19.

IMF dự báo, kinh tế toàn cầu tăng trưởng 2,8% trong năm 2023 và 3% vào năm 2024, đều giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo được đưa ra vào tháng Một vừa qua. Việc giảm dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới phản ánh tình trạng yếu đi của một số nền kinh tế lớn cũng như khả năng các ngân hàng trung ương tiếp tục chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm chế lạm phát gia tăng.

IMF cảnh báo, những điểm yếu ẩn náu trên các thị trường tài chính có thể bùng phát thành một cuộc khủng hoảng mới và ảnh hưởng đến tăng trưởng toàn cầu trong năm nay. Những điểm yếu đó có thể là thiếu sự chuẩn bị để ứng phó với tác động của việc tăng lãi suất.

Theo các quan chức IMF, những yếu tố rủi ro như vậy đã gia tăng nhanh sau các vụ sụp đổ ngân hàng, theo đó một số nhà đầu tư đang tìm kiếm các liên kết yếu ớt có thể khiến tình trạng sụp đổ của các ngân hàng lây lan. Mặc dù có những cảnh báo nêu trên, nhà kinh tế trưởng của IMF, Pierre-Olivier Gourinchas cho rằng, lạm phát vẫn là vấn đề đáng lo ngại hơn và việc ổn định giá cần được ưu tiên giải quyết hơn những rủi ro

ổn định tài chính đối với chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương. Ông nhấn mạnh, chỉ khi xảy ra một cuộc khủng hoảng tài chính rất nghiêm trọng thì mới nên đảo ngược ưu tiên này.

Cuộc chiến chống lạm phát đặt ra các thách thức từ việc thắt chặt chính sách tiền tệ đối với kinh tế toàn cầu. Các bộ trưởng tài chính và thống đốc các ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã nhóm họp tại thủ đô Washington (Mỹ) nhằm thảo luận về vấn đề này, trong bối cảnh có nhiều quan ngại tăng trưởng kinh tế chậm lại sau các đợt tăng lãi suất mạnh tại các nền kinh tế lớn.

Theo IMF, hầu hết các nền kinh tế phát triển trên thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại dự kiến sẽ kéo mức tăng trưởng toàn cầu xuống dưới 3% trong năm nay. Các thị trường mới nổi ở châu Á dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng đáng kể, với Ấn Độ và Trung Quốc được dự báo sẽ chiếm 50% tổng mức tăng trưởng năm nay, trong khi có tới 90% các nền kinh tế phát triển trên thế giới tăng trưởng chậm lại. Chính vì vậy, theo IMF, trước mắt và trong trung hạn, tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo vẫn yếu.

GDP toàn cầu có thể chỉ xấp xỉ 3% trong 5 năm tới, mức dự báo trung hạn thấp nhất kể từ những năm 1990. Các nước thu nhập thấp có thể sẽ chịu cú sốc kép từ chi phí đi vay cao và sự sụt giảm nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu của họ, điều này có thể làm gia tăng tình trạng nghèo đói.

Trong khi đó, WB dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay sẽ chỉ đạt 1,7%, so với mức dự báo 3% đưa ra hồi tháng 6/2022. Đối với nhóm các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, WB dự báo tăng trưởng

đạt 3,4%, giảm 0,8 điểm phần trăm so với dự báo hồi giữa năm ngoái.

Đáng chú ý, cơ quan này cảnh báo nền kinh tế toàn cầu đang đối mặt với “thập kỷ mất mát” khi gần như tất cả nguồn lực kinh tế thúc đẩy thịnh vượng và tiến bộ trong ba thập kỷ qua đang dần suy yếu. WB dự báo tốc độ tăng trưởng GDP tiềm năng của nền kinh tế toàn cầu giai đoạn 2022 - 2030 sẽ chỉ đạt trung bình 2,2%/năm khi các động lực tăng trưởng suy yếu dần. Con số này giảm đáng kể so với mức trung bình 2,6%/năm của thập kỷ gần nhất và kém xa mức 3,5%/năm của những năm đầu 2000.

Tuy nhiên, WB cũng nhấn mạnh tăng trưởng GDP tiềm năng của nền kinh tế toàn cầu giai đoạn 2022 - 2030 có thể được nâng lên mức 2,9% nếu các quốc gia tập trung chính sách vào việc tăng nguồn cung lao động, tăng năng suất và khuyến khích đầu tư.

Những dự báo về tăng trưởng kinh tế chậm lại cũng như thách thức đặt ra đối với hệ thống tài chính toàn cầu cho thấy nền kinh tế thế giới vẫn bị bao phủ bởi “bóng đen” lạm phát. Để cải thiện triển vọng tăng trưởng, IMF và WB kêu gọi các nhà hoạch định chính sách nên ưu tiên kiểm soát lạm phát, đảm bảo sự ổn định của khu vực tài chính và giảm nợ. Kiểm chế lạm phát và ổn định giá cả vẫn là vấn đề được ưu tiên hiện nay và cuộc chiến chống lạm phát tiếp tục đối mặt không ít thách thức./

Châu Âu thiếu nhân lực trầm trọng

Thị trường lao động khu vực Liên minh châu Âu đang khá nóng với tỷ lệ thất nghiệp áp sát mức thấp kỷ lục và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tìm kiếm nhân công. Số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu công bố trong tháng 3/2023 cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp tính chung 28 quốc gia thành viên Liên minh châu Âu là 6,1%, mức thấp chưa từng thấy kể từ khi châu Âu bắt đầu thống kê một cách có hệ thống vào năm 1998. Tỷ lệ thất nghiệp đặc biệt thấp tại Đức, Hà Lan, Czech và Ba Lan, chưa tới 3%.

Các chuyên gia tính toán, cứ mỗi 100 công việc có sẵn trên thị trường lao động thì có 3 công việc không thể tuyển được người làm, tỷ lệ cao nhất từ trước tới nay. Tại một loạt các quốc gia từ Tây Âu (như Pháp, Đức, Italy) tới Đông Âu (là Ba Lan, Romania, Cộng hòa Czech...), số lượng chỗ làm trống cần tuyển người cứ năm sau lại cao hơn năm trước. Câu chuyện thiếu nhân lực diễn ra trong hầu hết mọi vị trí việc làm, từ những ngành yêu cầu trình độ đào tạo như dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, chăm sóc y tế cho đến những công việc phổ thông như phụ bếp quán ăn, nhân viên chạy bàn, hay công nhân xây dựng, bốc xếp ...

Tình trạng khan hiếm nhân lực đã và đang tác động tiêu cực tới hoạt động kinh tế tại các nước khu vực Liên minh châu Âu. Nhiều cửa hàng phải đóng cửa do thiếu nhân viên, nhiều nhà máy phải thu hẹp quy mô sản xuất, thậm chí gây ra xáo trộn trong đời sống xã hội.

Chỗ làm trống ngày càng nhiều, nhân lực ngày càng hiếm đã khiến cho mối tương quan giữa doanh nghiệp và người lao động đảo chiều, thay đổi theo hướng có lợi cho người lao động. Ngoài việc chuyển hướng đẩy mạnh tự động hóa kết hợp với trí tuệ nhân tạo trong các công đoạn sản xuất kinh doanh nhằm giảm lệ thuộc

vào nhân công, thì nhiều doanh nghiệp ở châu Âu phải tìm mọi cách cạnh tranh với nhau để giữ chân người lao động đang có và tuyển dụng thêm người mới bằng việc tăng cường các chính sách phúc lợi, điều kiện làm việc, giảm số ngày đi làm, cho phép làm việc tại nhà hay tăng lương - một giải pháp đang “tiếp tay” cho lạm phát ở nhiều quốc gia trong khu vực. Tốc độ tăng lương của các doanh nghiệp đã cao và nhanh tới mức Ngân hàng trung ương châu Âu phải cảnh báo, lương cao càng làm cho lạm phát trầm trọng thêm.

Phân tích nguyên nhân của tình trạng trên, các chuyên gia cho rằng, lý do căn bản là tỷ lệ sinh đẻ tại châu Âu quá thấp. Thêm vào đó, thế hệ của thời kỳ bùng nổ sinh đẻ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai đã tới tuổi nghỉ hưu trong khi những lực lượng thế hệ kế cận không đủ bù đắp nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

Cố gắng lấp đầy khoảng trống trên thị trường lao động, Liên minh châu Âu đã lập một quỹ hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng nhân công, với tổng cộng 700.000 việc làm. Đối với những nghề yêu cầu chuyên môn, Ủy ban châu Âu đang nghiên cứu nới lỏng công nhận văn bằng chứng chỉ của các nước khác. Dự kiến quy định sẽ được sửa đổi ngay trong năm nay nhằm bổ sung nguồn lực cho thị trường lao động.

Bên cạnh đó, một số nước châu Âu cũng thực hiện giải pháp tăng tuổi nghỉ hưu và có những chính sách thông thoáng hơn nhằm thu hút lao động nhập cư vào làm việc. Ví dụ như cuối năm ngoái, Chính phủ Đức thông qua Luật Nhập cư mới, cho phép người nước ngoài được định cư tại quốc gia này nếu có hơn 2 năm kinh nghiệm nghề nghiệp, kỹ sư tin học, thậm chí không cần phải biết tiếng Đức. Ngoài ra, Chính phủ Đức cũng có chính sách tạo điều kiện cho người nước ngoài tới học nghề,

Năm 2023

NHIỀU QUỐC GIA LAO ĐỘNG VỚI CƠ KHÁT NHÂN LỰC

ThS. Đặng Thị Loan

Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, thành phố Hà Nội

Nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đóng vai trò then chốt trong tiến trình phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19 ở mỗi quốc gia. Tuy nhiên, nhiều nước trên thế giới lại đang loay hoay giải bài toán nhân lực để lấp đầy những khoảng trống thị trường lao động.

sau ở lại làm việc. Trong khi đó, ngày 9/3 vừa qua tại Thượng viện Pháp hôm 9-3 đã thông qua đề xuất của Chính phủ tăng tuổi nghỉ hưu thêm 2 năm, từ 62 lên 64 bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của các liên đoàn lao động.

Mặc dù vậy, lo ngại về vấn đề sức khỏe hậu Covid-19, không ít người dù trong độ tuổi lao động vẫn từ chối làm việc. Như vậy, số lượng người nước ngoài gia nhập thị trường lao động châu Âu sẽ ngày càng tăng, một dấu hiệu bất đầu thời kỳ nền kinh tế EU lệ thuộc vào nhân lực nhập cư. Tuy nhiên, giới phân tích cho rằng, ngay cả khi có thêm lao động nhập cư thì tình trạng khan hiếm nhân lực cũng được dự báo vẫn sẽ là bài toán khó của châu Âu những năm tới đây. Thị trường lao động châu Âu được dự báo, từ nay tới 20 năm nữa tình trạng thiếu hụt sẽ chỉ tồi tệ thêm.

Bóng đen bao phủ thị trường lao động Mỹ

Trong năm 2022, thị trường lao động Mỹ bị bao phủ bóng đen khi các công ty nước này phải đối diện với tình cảnh khan hiếm nhân lực.

Theo số liệu Bộ Lao động Mỹ, tính tới tháng 12/2022, ngay cả khi các công ty tăng tốc tìm kiếm nhân lực thì trên toàn nước Mỹ vẫn còn tới 11 triệu việc làm đang chờ đợi người lao động. Đây là con số cao kỷ lục và vượt quá hơn 2 lần con số 5,7 triệu người đang đi tìm việc làm trong cùng thời điểm đó, tức là mỗi người lao động có sẵn gần 2 việc làm đang chờ. Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ thời điểm cuối năm 2022 cũng giảm sâu xuống 3,5%, mức thấp nhất trong 53 năm qua.

Tình trạng trên được cho là hệ lụy của xu hướng già hóa dân số ở Mỹ. Bên cạnh đó, kể từ khi nền kinh tế bị làn sóng Covid-19 đầu tiên tàn phá, nhiều lao động quyết định rời khỏi thị trường lao động, quyết định nghỉ hưu sớm do những lo lắng về sức khỏe. Trong khi đó, những biện pháp siết chặt kiểm soát biên giới dưới thời cựu Tổng thống Donald Trump để khống chế dịch Covid-19 đã làm giảm đáng kể lượng người nước ngoài nhập cư vào quốc gia này. Các chuyên gia còn cho rằng, các chính sách hỗ trợ hào phóng trong thời kỳ đại dịch,

giúp "củng cố ổn định kinh tế của người dân" cũng là một nguyên nhân khiến cho người lao động tự mình cho phép đứng ngoài thị trường lao động.

Trước bài toán khan hiếm nguồn nhân lực, nhiều chủ doanh nghiệp sẵn đón lao động nhập cư và trả mức lương khá hậu hĩnh. Trong nhiều trường hợp, lao động nhập cư được trả lương ngang bằng với công dân Mỹ.

Ở tầm vĩ mô, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đưa ra quyết tâm hạ nhiệt thị trường lao động trong năm mới bằng việc tiếp tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát và chính phủ chấm dứt các chương trình trợ cấp hào phóng, buộc nhiều người Mỹ quay trở lại tìm việc làm. Tuy nhiên, bước sang năm 2023, câu chuyện thiếu hụt nhân sự được đề cập suốt năm 2022 vẫn chưa biến mất. Báo cáo mới nhất của Bộ Lao động Mỹ cho thấy, có một khoảng cách rất lớn giữa số lượng việc cần người làm với số người đi tìm việc. Tỷ lệ thất nghiệp Mỹ tháng 3/2023 vẫn duy trì con số 3,4%, thấp hơn so với mức kỳ vọng 3,6%.

Nhiều doanh nghiệp ở xứ sở "cờ hoa" vẫn đang gặp khó khăn trong việc tuyển dụng nhân viên phù hợp, thậm chí những doanh nghiệp nhỏ không thể thuê đủ lao động, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hàn Quốc sụt giảm mạnh lao động

Sau đại dịch Covid-19, trong khi cỗ máy kinh tế cần được khởi động lại nhanh chóng và mạnh mẽ thì thị trường lao động tại Hàn Quốc đang phải chịu áp lực sụt giảm mạnh mẽ lao động, gây ảnh hưởng lớn tới nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hàn Quốc. Riêng trong ngành đóng tàu tại Hàn Quốc, Hiệp hội đóng tàu và hàng hải nước này nhận định, trong 8 năm qua, số lượng công nhân làm việc trong lĩnh vực này đã giảm hơn một nửa, từ 203.000 người năm 2014 xuống còn 95.000 người năm 2012. Dự kiến đến cuối năm 2023, ngành đóng tàu của Hàn Quốc sẽ thiếu hụt khoảng 14.000 lao động.

Với đà sụt giảm lao động như hiện tại, dự báo ước tính tới năm 2030, lĩnh vực sản xuất của Hàn Quốc sẽ thiếu 300.000 nhân công, trong đó ngành công nghiệp bán dẫn đối mặt với tình trạng thiếu lao động trầm trọng, sẽ thiếu 54.000 lao động vào năm 2031, tức là thiếu 1/6 số nhân lực cần thiết.

Để bù đắp sự thiếu hụt này và nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế, trong tháng 1/2023, Thủ tướng Han Duck-soo đã hối thúc thành lập cơ quan chính phủ mới để tập trung vào hợp tác với các quốc gia khác nhằm thu hút người nước ngoài đến làm việc tại Hàn Quốc. Bộ Lao động và Việc làm Hàn Quốc cũng nhanh chóng thông báo kế hoạch thuê khoảng 110.000 lao động nhập cư để làm việc trong các cơ sở sản xuất công nghiệp

và nông nghiệp trong năm nay, số lượng này cao gấp hơn 2 lần so với năm 2022 là 41.000 người.

Nhằm thu hút lao động nước ngoài, Chính phủ Hàn Quốc đang có kế hoạch nới lỏng các hạn chế về thị thực, giảm bớt quy định đối với lao động nước ngoài, rút ngắn thời gian tiến hành thủ tục hành chính. Mới đây, Ủy ban Chính sách nhân lực nước ngoài của Hàn Quốc đã công bố cải tiến chế độ cấp phép tuyển dụng lao động nước ngoài (Chương trình EPS). Theo đó, chính phủ nước này sẽ tích cực sửa đổi các quy định nhằm thúc đẩy hình thành nhân lực nước ngoài lành nghề phục vụ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; vận dụng đa dạng phương thức sử dụng nhân lực nước ngoài nhằm giải quyết nạn thiếu nhân lực tại các vùng sâu, vùng xa và tăng cường hỗ trợ cư trú nhằm đẩy nhanh thích ứng xã hội cho nhân lực nước ngoài. Bộ Tư pháp Hàn Quốc đồng thời đặt mục tiêu thành lập văn phòng mới vào nửa đầu năm 2023, để củng cố các chức năng hành chính liên quan đến nhập cư.

Hiện Hàn Quốc có số người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên chiếm 17,5% trong tổng số 52 triệu dân số cả nước. Với tỷ lệ sinh ở mức thấp nhất thế giới, chỉ 0,79 vào năm 2022, Hàn Quốc có nguy cơ trở thành quốc gia già nhất thế giới với tỷ lệ người cao tuổi chiếm trên 40% vào năm 2050. Nếu con số này không đổi, Hàn Quốc sẽ sớm cạn kiệt lao động trẻ và Chính phủ Hàn Quốc sẽ còn nhiều việc phải làm hơn nữa để đảm bảo lực lượng lao động cho nền kinh tế trong nước.

Hơn 50% doanh nghiệp Nhật Bản đang thiếu hụt lao động

Thị trường lao động Nhật Bản cũng đang gặp phải vấn đề tương tự khi áp dụng các biện pháp

kiểm soát dịch Covid-19 nghiêm ngặt. Kết quả một cuộc khảo sát do công ty nghiên cứu uy tín Nhật Bản là Teikoku Databank thực hiện cuối năm 2022 với sự tham gia của hơn 11.000 doanh nghiệp cho thấy, tình trạng thiếu hụt lao động tại các doanh nghiệp đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Cụ thể, có đến hơn 50% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết, họ đang rơi vào tình trạng thiếu hụt lao động toàn thời gian, chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ thông tin, tuyển dụng, bảo trì và an ninh. Thị trường nước này thậm chí thiếu hụt cả lao động thời vụ trong các lĩnh vực nhà hàng và khách sạn, với tỷ lệ thiếu hụt lần lượt là 77,3% và 62,3%.

Các chuyên gia kinh tế cảnh báo, tình trạng thiếu hụt lao động của các doanh nghiệp Nhật Bản sẽ còn kéo dài và rõ rệt hơn khi nền kinh tế Nhật Bản tiếp tục tiến trình phục hồi sau đại dịch Covid-19. Sự thiếu hụt sẽ nghiêm trọng hơn trong các lĩnh vực vốn sử dụng nhiều lao động ở Nhật Bản, như xây dựng và hoạt động chăm sóc sức khỏe do nhu cầu ngày càng tăng của dân số đang lão hóa. Ước tính đến năm 2030, Nhật Bản sẽ thiếu hụt hơn 10 triệu lao động.

Trước lo ngại việc thiếu hụt lao động cả về ngắn và dài hạn có thể kìm hãm đà phục hồi kinh tế quốc gia, Chính phủ Nhật Bản đang xem xét nới lỏng quy định để tuyển dụng lao động nước ngoài bù đắp sự thiếu hụt lao động trong nước. Trong khi nhiều doanh nghiệp tuyển dụng nhiều hơn người cao tuổi vào làm việc và chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh để thích nghi hơn với tình trạng này. Ngoài ra, Thủ tướng Nhật Bản cam kết chi khoảng 1.000 tỉ Yen (7,6 tỉ USD) để đào tạo thêm người lao động tay nghề cao trong 5 năm tới./.



LÀO CAI: TẠO ĐỘNG LỰC THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Xác định tăng trưởng kinh tế là chìa khoá để góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của Nhân dân, năm 2023, chính quyền tỉnh Lào Cai quyết tâm tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó tập trung làm tốt công tác quy hoạch và kích thích, phục hồi sản xuất là những giải pháp quan trọng nhất.

Năm 2022, bối cảnh trong nước áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng, dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh đã đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh Lào Cai.

Trong bối cảnh đó, với quan điểm "lấy khó khăn, thách thức làm động lực phấn đấu, vươn lên", UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, tình hình kinh tế-xã hội Lào Cai cơ bản ổn định và có bước phát triển tốt. Cụ thể, trong 24 nhóm chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, với 42 chỉ tiêu cụ thể thì có 39 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Trong đó nhiều chỉ tiêu quan trọng, như tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,02%, cao hơn 3,57 điểm % so với năm 2021, xếp thứ 4/14 tỉnh vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ và xếp thứ 26/63 tỉnh, tăng 3 bậc so với năm 2021. Quy mô kinh tế được cải thiện, đạt gần 68 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 42/63 tỉnh, thành phố, tăng 1 bậc trong bảng xếp hạng quy mô kinh tế các địa phương. Thu ngân sách nhà nước đạt hơn 10 nghìn tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh đều phục hồi và phát triển tốt: Sản xuất công nghiệp khởi sắc, tăng 11,69% so cùng kỳ, thương mại dịch vụ trên đà phục hồi tích cực, lượng khách du lịch đến Lào Cai đạt 4,477 triệu lượt, tăng gấp 4 lần cùng kỳ năm 2021.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và các đại biểu chứng kiến trao Biên bản ghi nhớ, Biên bản hợp tác và Thư bày tỏ quan tâm tài trợ các dự án vùng Trung du và miền núi phía Bắc với tổng giá trị 1,55 tỷ USD

Hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh, công tác thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả ấn tượng. Nổi bật, năm 2022, Lào Cai đã tổ chức thành công Hội nghị triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và xúc tiến đầu tư vào vùng với chủ đề "Tiềm năng - Cơ hội - Hợp tác phát triển" dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính. Hội nghị góp phần nâng cao uy tín, vị thế của tỉnh Lào Cai, đồng thời quảng bá tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Tính đến thời điểm cuối năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 27 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 685,818 triệu USD. Riêng đối với du lịch Lào Cai đã thu hút trên 40 dự án đầu tư quy mô lớn với tổng mức đầu tư đạt khoảng 50.000 tỷ đồng vào hệ thống khách sạn, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi, giải trí cao cấp, trung tâm thương mại của các tập đoàn. Quan điểm xuyên suốt của tỉnh là thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả và có tính lan tỏa là tiêu chí đánh giá chính.

Trong năm 2023, Lào Cai xác định thực hiện tốt 11 nhiệm vụ, giải pháp; trong đó, tập trung

phục hồi sản xuất, thực hiện đồng bộ, linh hoạt chính sách, giải pháp để kích thích sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế là một trong những giải pháp quan trọng. Theo đó, UBND tỉnh yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tiếp tục tham mưu bố trí nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành một số dự án trọng điểm như: Cảng Hàng không Sa Pa, cầu biên giới tại Bản Vược và hạ tầng kết nối, cầu Phú Thịnh, hạ tầng giao thông kết nối du lịch Sa Pa, Y Tý (Bát Xát)... Lào Cai coi đây là cơ sở để thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh đó, để môi trường kinh doanh thuận lợi, Lào Cai tiếp tục duy trì các giải pháp quan trọng, đó là: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng và công khai quy trình xử lý công việc ở tất cả các cơ quan, đơn vị để người dân, doanh nghiệp dễ kiểm soát tiến độ thực hiện các thủ tục; Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng trên địa bàn, ban hành khung giá đất sát với thực tế thị trường, công khai các nội dung của đồ án quy hoạch

đô thị, thiết kế đô thị; Thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số trong quản lý nhà nước lĩnh vực đầu tư, tạo minh bạch trong triển khai các dự án; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nghề và phát triển kỹ năng cho người lao động, có cơ chế chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi về làm việc tại tỉnh; Hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh sau dịch bệnh Covid-19...

Để chuẩn bị cho những bước phát triển mạnh mẽ trong tương lai, Lào Cai đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch và xác định đó là động lực cho tăng trưởng. Tháng 4/2023, Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy hoạch đã định hình không gian phát triển cho 10 năm tới, gồm “1 trục động lực, 2 cực phát triển, 3 vùng kinh tế, 4 trụ cột phát triển kinh tế và 5 nhiệm vụ trọng tâm”. Quy hoạch của tỉnh hướng tới khai thác tối đa bản sắc văn hóa trục dọc sông Hồng và thương hiệu du lịch Sa Pa, từ đây lan tỏa, kết nối dọc, ngang với các tỉnh trong vùng và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Nổi bật, dọc theo sông Hồng sẽ phát triển mạnh các đô thị vệ tinh, đô thị sân bay, các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch và trung tâm logistics gắn với kinh tế cửa khẩu. Ngoài ra, Tỉnh sẽ tập trung nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục, y tế, huy động các nguồn lực đầu tư xã hội để xây dựng một số trường học, bệnh viện tầm cỡ quốc tế; tăng cường các hoạt động khẳng định vị thế là trung tâm văn hóa, du lịch và thể thao của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Mục tiêu càng lớn, khó khăn, thách thức càng nhiều, nhưng với tinh thần sáng tạo, đổi mới và trách nhiệm cao, lấy khó khăn làm động lực, các cấp lãnh đạo và nhân dân tỉnh Lào Cai sẽ tạo ra bứt phá, hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 và cả giai đoạn 2021 - 2025, để Tỉnh sớm trở thành một cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc./

Đình Long

Thành phố Lào Cai - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh - đang phát triển ngày càng văn minh hiện đại



Tập trung cho khu vực có tỷ lệ nghèo cao

Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, tính đến cuối năm 2020, số hộ nghèo của Lào Cai chỉ còn 14.322 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 8,2% (giảm gần 20% số với đầu giai đoạn, bình quân giảm gần 4%/năm). Với kết quả này, Lào Cai xếp thứ 5 trong top 10 tỉnh, thành có tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhất cả nước giai đoạn 2006-2021. Đặc biệt, tỷ lệ giảm nghèo các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a của Chính phủ bình quân 8,6%/năm (vượt xa mục tiêu của Chính phủ là giảm 4%/năm).

Huyện Mường Khương cùng với Bắc Hà và Si Ma Cai được coi là vùng “lõi nghèo” của tỉnh. Đây đều là các địa phương nằm ở khu vực vùng cao, có địa hình tự nhiên không thuận lợi, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đại đa số. Do đó, để giúp đồng bào sống ở khu vực này có điều kiện vươn lên thoát nghèo, các đề án phát triển kinh tế - xã hội của Mường Khương hướng mục tiêu phát triển nông nghiệp hàng hóa để giảm nghèo bền vững. Mường Khương đã tập trung khai thác thế mạnh tài nguyên đất đai, phát triển trồng rừng và nông nghiệp hàng hóa được ưu tiên, nhất là cây ăn quả, từng bước hình thành vùng sản phẩm cây ăn quả với các cây đặc sản như dứa, quýt, chè, sa nhân, hồi... Huyện cũng tranh thủ các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Cùng với sự đồng thuận của người dân, việc xóa đói giảm nghèo trên địa huyện đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, mức giảm bình quân đạt 10%/năm và được đánh giá là địa phương có tỷ lệ giảm nghèo ấn tượng nhất tỉnh Lào Cai.

Nhờ xác định được những khu vực “lõi nghèo” và có những cách làm sáng tạo, chủ động “tấn công” vào đói nghèo đã đem lại cho Lào Cai nhiều kinh nghiệm. Đó là, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, vai trò chủ đạo của Nhà nước, đây là yếu tố quyết định đối với mục tiêu giảm nghèo bền vững; Nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là người nghèo, cùng với sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư nhằm tạo thêm nguồn lực hỗ trợ cho người nghèo cải thiện cuộc sống; đổi mới công tác quản lý nhà nước trong việc điều hành và phân công trách nhiệm...

Xây dựng chính sách, cơ chế đặc thù cho giai đoạn 2021 - 2025

Từ những thành công trong giai đoạn trước, khi triển khai chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (với tiêu chí được nâng lên), Lào Cai tiếp tục đặt mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân,



LÀO CAI: CHỦ ĐỘNG “TẤN CÔNG” CHỐNG ĐÓI NGHÈO

Bằng tinh thần chủ động “đi cùng và đi trước”, những năm gần đây tỉnh Lào Cai đã điều hành và triển khai hiệu quả các chính sách liên quan đến giảm nghèo. Đồng thời, tỉnh cũng tăng cường lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình Mục tiêu quốc gia để tạo bước đột phá trong thực hiện giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân.

tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản.

Với quan điểm “trên phải kịp thời, dưới phải chủ động”, “đi cùng và đi trước”, khi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Lào Cai đã yêu cầu các địa phương chủ động chuẩn bị và khẩn trương triển khai thực hiện Chương trình.

Cùng với việc chủ động thực hiện các dự án thành phần của các Chương trình Mục tiêu Quốc gia, Lào Cai còn xây dựng một số chính sách, cơ chế nhằm hỗ trợ người dân vươn lên thoát nghèo theo hướng chuyển từ “cho không” sang hỗ trợ và “hỗ trợ có điều kiện”. Từ quan điểm xây dựng chính sách đó, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về sử dụng ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay phát triển kinh tế xã hội tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% trở lên trong giai đoạn 2019-2025 với mức bình quân 1 tỷ đồng/xã/năm, với lãi suất ưu đãi để cho vay các hộ trên địa bàn các xã phát triển kinh tế.

Với đặc thù hộ nghèo ở Lào Cai chủ yếu sinh sống ở khu vực nông thôn, sinh kế dựa vào nông, lâm nghiệp, Lào Cai dành 70% nguồn lực cho nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đến hết năm 2022, số thôn, bản có đường trục giao thông cứng hóa đạt hơn 90%; tỷ lệ thôn, bản có điện lưới đạt 95%; 100% số xã xóa phòng học tạm... Song song với kết cấu hạ tầng, Tỉnh ủy Lào Cai cũng đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về Chiến lược



Trông chè Shan tuyết theo quy trình sản xuất an toàn VietGap giúp nhiều hộ dân có nguồn thu ổn định góp phần giảm nghèo bền vững. Ảnh Quốc Hồng

phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tỉnh sẽ tập trung phát triển các ngành, hàng chủ lực như: Cây chè, cây dứa, cây chuối, cây quế, cây dược liệu, chăn nuôi lợn và phát triển sản xuất lâm nghiệp, kinh tế đồi rừng theo hướng bền vững.

Tỉnh đã tập trung đẩy mạnh xây dựng và phát triển sản xuất theo mô hình hợp tác xã, nhóm liên kết cùng sở thích, coi hợp tác xã là lực đẩy để nâng cao chất lượng và giảm nghèo bền vững. Các hợp tác xã, tổ hợp tác chính là “bước trung gian”, để liên kết doanh nghiệp với người nông dân, tạo thành chuỗi giá trị, góp phần nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và tạo nguồn thu nhập ổn định cho người nông dân.

Để nâng cao chất lượng giảm nghèo, Lào Cai đặc biệt quan tâm công tác đào tạo nghề. Hiện nay, Tỉnh có 14 cơ sở giáo dục nghề nghiệp với năng lực đào tạo khoảng 9.500 lao động/năm. Các đơn vị khác ngoài tỉnh

cũng tham gia đào tạo cho hơn 1.000 lao động/năm. Bên cạnh những nghề truyền thống phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, tỉnh chỉ đạo các trường, trung tâm tăng cường đào tạo chuyển đổi nghề, nhất các nghề dịch vụ, du lịch như: Kỹ thuật chế biến món ăn, nghiệp vụ khách sạn, làm đẹp thẩm mỹ... Quá trình đào tạo luôn đi đôi với giải quyết việc làm giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định.

Nhờ các chính sách, cơ chế và các dự án được triển khai đồng bộ và kịp thời, kết thúc năm 2022, Lào Cai đã giảm được gần 9.800 hộ gia đình nghèo. Như vậy, sau 2 năm triển khai, Lào Cai đã đạt 43,5% kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025. Tuy nhiên, để 34.600 hộ còn lại thoát nghèo là nhiệm vụ không hề đơn giản. Song tin rằng, với bản lĩnh vượt khó, kinh nghiệm, sáng tạo và đột phá trong tư duy xây dựng chính sách giảm nghèo, cùng sự vào cuộc của các cấp, ngành, địa phương sẽ đưa Lào Cai đạt được mục tiêu giảm nghèo bền vững./.

Trịnh Long

HUYỆN BẮC HÀ: TRANH THỦ CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ, KHAİ THÁC TIỀM NĂNG LỢI THẾ VÀO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Những năm qua, huyện Bắc Hà (Lào Cai) đã thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả để tranh thủ các nguồn lực đầu tư, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, kết cấu hạ tầng của Huyện được tăng cường đầu tư, kinh tế phát triển, lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống của người dân ngày một nâng lên.

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Để tranh thủ các nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, huyện Bắc Hà đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, nghiêm túc triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở quy hoạch, Huyện chủ động xây dựng các dự án và công bố công khai rộng rãi để thu hút các doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, huyện Bắc Hà sử dụng hiệu quả các nguồn vốn nhà nước đã huy động được; lồng ghép linh hoạt các nguồn vốn để thực hiện dự án đúng quy định và hiệu quả. Huyện luôn chủ động và tích cực vận động vốn ODA để xây dựng hạ tầng đô thị, giảm nghèo, nông thôn mới và xử lý môi trường...

Cùng với đó, Huyện khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, phát triển các ngành hàng, sản phẩm lợi thế của địa phương. Đặc biệt, Huyện luôn tích cực tạo quỹ đất sạch phục vụ phát triển các dự án hạ tầng đô thị, giao thông, đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại, du lịch...

Xác định vốn đầu tư công là nguồn lực quan trọng để Huyện

xây dựng kết cấu hạ tầng. Ngay từ đầu các năm, Huyện đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương gấp rút triển khai kế hoạch đầu tư công hàng năm; đẩy nhanh việc phân bổ và thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. Huyện cũng ban hành nhiều văn bản và tổ chức họp định kỳ để kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình giải ngân vốn đầu tư, đồng thời chủ động hoặc đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn từ dự án chậm tiến độ sang những dự án có tiến độ giải ngân tốt nhưng thiếu vốn.

Nhờ đó, kết cấu hạ tầng của huyện Bắc Hà đã thay đổi nhanh chóng, ngày càng khang trang, đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. Đến nay, Huyện đã hoàn thành mục tiêu cứng hóa 100% đường giao thông đến các thôn, bản; 100% thôn, bản đều được cấp điện lưới quốc gia; tất cả các thôn, bản và các xã trong Huyện đều có nhà văn hóa; trên địa bàn Huyện không còn phòng học tạm, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm 71%, tỷ lệ kênh mương thủy lợi được kiên cố hóa đạt 76,8%. Đặc biệt, một số công trình quan trọng như: Chợ văn hóa Bắc Hà; hạ tầng kỹ thuật cây xăng Tả Hồ; Bệnh viện Đa khoa

và Trung tâm Y tế, Trung tâm hành chính huyện... được đưa vào khai thác sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa

Bắc Hà là huyện có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa do có diện tích đất nông nghiệp lớn, chiếm 79,6% diện tích tự nhiên, khí hậu đa dạng. Vùng cao Bắc Hà có khí hậu ôn đới thuận lợi phát triển cây ăn quả, rau, hoa cao cấp, cây dược liệu quý hiếm, thủy sản nước lạnh, phát triển chăn nuôi đại gia súc, vùng hạ huyện phù hợp canh tác các loại cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao, do đó, phát triển nông nghiệp, đặc biệt là phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa là giải pháp phù hợp để nâng cao thu nhập cho người dân.

Theo đó, Huyện đã ban hành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp, như: Đề án 01- ĐA/HU ngày 31/12/2020 về cơ cấu lại kinh tế nông lâm nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch 03 - KH/HU ngày 23/2/2021 về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp...



Công trường xây dựng Bệnh viện Đa khoa Bắc Hà



Đặc biệt, từ chủ trương hướng mạnh vào phát triển nông nghiệp hàng hóa huyện Bắc Hà đã đưa ra nhóm 06 cây, con chủ lực để tập trung phát triển hàng hóa, bao gồm: Chè Shan tuyết; quế; dược liệu; quả ôn đới; rau trái vụ; rau an toàn; chăn nuôi gà, lợn bản địa.

Với sự đồng lòng của cả hệ thống chính trị và người dân, đến năm 2022, huyện Bắc Hà đã đạt được những kết quả quan trọng đối với ngành hàng chủ lực của Huyện, Cụ thể: Cây chè đạt diện tích 960 ha, trong đó có 696,94 ha chè Shan được chứng nhận hữu cơ, tổng sản lượng chè của huyện là trên 3,7 nghìn tấn, giá trị đạt 63,5 tỷ đồng; cây dược liệu diện tích 163 ha, sản lượng 1,386 tấn, giá trị trên 27,7 tỷ đồng; cây quế diện tích trên 10 nghìn ha, sản lượng trên 15,5 nghìn tấn, giá trị trên 263,7 tỷ đồng, trong đó diện tích quế hữu cơ là 2247 ha; cây ăn quả ôn đới diện tích trên 01 nghìn ha, sản lượng quả tươi thu hoạch trên 3,7 nghìn tấn, giá trị 93 tỷ đồng; cây rau trái vụ rau an toàn diện tích 259 ha, sản lượng trên 03 nghìn tấn, giá trị trên 40 tỷ đồng; tổng đàn lợn đen bản địa khoảng 43,1 nghìn con, sản lượng thịt hơi 2821 tấn, giá trị gần 175 tỷ đồng; đàn gà địa phương gần 202,3 nghìn con, sản lượng 255 tấn, giá trị trên 31,8 tỷ đồng. Điều này đã làm thay đổi mạnh mẽ khu vực nông nghiệp, nông thôn của Huyện.

Khai thác tiềm năng phát triển du lịch

Là địa phương có nhiều chất liệu để phát triển du lịch mà không phải nơi nào cũng có, huyện Bắc Hà đặt mục tiêu đưa du lịch thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Trên tinh thần đó, huyện Bắc Hà đã ban hành Đề án 05 - ĐA/HU ngày 31/12/2020 về phát triển Văn hóa, Du lịch Bắc Hà giai đoạn 2021-2025, tiếp đó là Chương trình hành động số 63 - Ctr/HU ngày 14/10/2021, Kế hoạch 09- KH/UBND ngày 13/01/2023 về thực hiện Nghị quyết 11- NQ/TU ngày 27/8/2021 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển du lịch Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Năm 2022, Huyện đã tổ chức 04 lễ hội theo mùa nhằm tạo điểm nhấn cho du khách đến tham quan, tạo ấn tượng, đồng thời đẩy mạnh quảng bá thương hiệu về Cao nguyên trắng Bắc Hà tới du khách. Mục tiêu hiện nay của huyện Bắc Hà là xây dựng một sản phẩm du lịch đặc sắc để đưa Bắc Hà thành khu du lịch đặc sắc của tỉnh và khu vực với nét đặc trưng là chợ văn hóa Bắc Hà, Lễ hội đua ngựa và Du lịch cộng đồng.

Bên cạnh đó, huyện Bắc Hà cũng chú trọng phát triển hạ tầng du lịch, tăng cường quảng bá du lịch, đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ đào tạo nghề, phát triển mô hình du lịch cộng đồng./.

Minh Hùng

LÀO CAI: ĐẨY MẠNH HỢP TÁC, TẬN DỤNG MỌI NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN Y TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Những năm qua, cùng với những chính sách hỗ trợ của trung ương, tỉnh Lào Cai đã dành nhiều nguồn lực đầu tư đổi mới và phát triển ngành Y tế tỉnh để người dân được thụ hưởng những dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân, giúp tỉnh hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho y tế

Hiện nay, mạng lưới y tế tỉnh Lào Cai có 30 đầu mối cơ quan, đơn vị, gồm: 03 cơ quan quản lý Nhà nước tuyến tỉnh, 27 đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Những năm qua, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành liên quan và cấp ủy chính quyền các huyện/thị xã/TP. Cơ sở vật chất các đơn vị được quan tâm đầu tư mạnh mẽ. Giai đoạn 2016-2020 đã có 04 bệnh viện tuyến tỉnh, 01 bệnh viện tuyến huyện và 01 trung tâm y tế huyện được đầu tư xây mới. Giai đoạn 2020-2025 đã và đang triển khai một loạt các dự án đầu tư xây dựng mới các bệnh viện, như: Xây dựng giai đoạn 2 Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) tỉnh, BVĐK huyện Bảo Thắng; xây mới các BVĐK huyện Mường Khương, Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát, Bắc Hà; sửa chữa nâng cấp Phòng khám Đa khoa Tầng Lông, Lũng Phình các TTYT tuyến huyện; đồng thời một số phòng khám Đa khoa xuống cấp đều đã được phê duyệt, giao danh mục, đang chuẩn bị đầu tư.

Bên cạnh đầu tư cải tạo và xây mới cơ sở hạ tầng các đơn vị y tế, tỉnh Lào Cai cũng ưu tiên nguồn lực để đầu tư mua sắm bổ sung các trang thiết bị khám, chữa bệnh hiện đại. Được biết, trong giai đoạn 2022-2025, tỉnh Lào Cai dự kiến sẽ dành trên 856 tỷ đồng để mua sắm tài sản và trang thiết bị y tế. Tỉnh Lào Cai đã thành lập riêng Tổ mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách Nhà nước đối với lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo và dạy nghề năm 2023. Việc thành lập Tổ công tác nhằm tháo gỡ khó khăn trong đấu thầu, mua sắm thuốc men, trang thiết bị y tế nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.



Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác y tế giữa UBND tỉnh Lào Cai và Bệnh viện Nhi Trung ương

Đào tạo và thu hút cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao

Để tháo gỡ khó khăn về nguồn nhân lực, thu hút cán bộ và sinh viên y tế về công tác lâu dài tại địa phương, Lào Cai đã ban hành nhiều chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực y tế. Từ năm 2017 đến tháng 6/2022, Lào Cai đã thực hiện chính sách thu hút cho 97 cán bộ y tế; đãi ngộ cho 1.225 cán bộ y tế; hỗ trợ đào tạo cho 63 cán bộ y tế. Ngoài ra, tỉnh đã hỗ trợ 28 sinh viên y khoa hệ chính quy tại các trường Đại học Y trong nước cam kết về Lào Cai công tác. Đến nay, tỉnh Lào Cai có 975 bác sĩ, đạt 13,5 bác sĩ/một vạn dân, trong đó bác sĩ chuyên khoa I chiếm 30%.

Để phấn đấu đến năm 2025 đạt 50% (528/1.218) bác sĩ có trình độ sau đại học, tại các bệnh viện tuyến huyện có 2 bác sĩ chuyên khoa I/Khoa lâm sàng, tỉnh Lào Cai đã và đang thực hiện tốt "Dự án thí điểm bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn" theo quyết định số 585/QĐ-BYT ngày 20/2/2013 của Bộ Y tế.

Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nâng cao chất lượng

khám, chữa bệnh phục vụ nhân dân, tỉnh đã ban hành và triển khai Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 4/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025. Theo đó, Tỉnh đang thực hiện cơ chế đãi ngộ ưu việt với nhiều mức cho các giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa nhằm tạo đột phá trong thu hút nhân lực chất lượng cao, cụ thể như: Người có học hàm Giáo sư là 1,5 tỷ đồng; học hàm Phó Giáo sư là 1 tỷ đồng; học vị Tiến sĩ 360 triệu đồng. Các bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ nội trú 180 triệu đồng; bác sĩ chuyên khoa I, Thạc sĩ y khoa 120 triệu đồng. Bác sĩ đa khoa đào tạo hệ chính quy về công tác tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh tốt nghiệp loại giỏi 120 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá 70 triệu đồng. Bác sĩ đa khoa đào tạo hệ chính quy về công tác tại các cơ sở y tế tuyến huyện tốt nghiệp loại giỏi 140 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá 90 triệu đồng. Bác sĩ đa khoa đào tạo hệ chính quy về công tác tại các cơ sở y tế tuyến xã tốt nghiệp loại giỏi 160 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá 120 triệu đồng...

Đẩy mạnh hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương

Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết về nâng cao chất lượng chuẩn đoán,

điều trị bệnh tại các bệnh viện trong tỉnh, tỉnh Lào Cai đã đẩy mạnh ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương. Đến nay, Lào Cai đã hợp tác với nhiều bệnh viện lớn như: Bệnh viện Việt Đức, Bạch Mai, Đại học Y Hà Nội, Nhi Trung ương, Nội tiết và Học viện Y Dược học cổ truyền. Theo đó, các bệnh viện tuyến Trung ương sẽ giúp đỡ các bệnh viện của tỉnh Lào Cai trong việc đào tạo và chuyển giao kỹ thuật; hỗ trợ, tư vấn dịch vụ y tế kỹ thuật cao; hợp tác nghiên cứu khoa học; hợp tác về công tác xã hội;...

Riêng với Bệnh viện Bạch Mai, trong giai đoạn 2021-2022, đã tổ chức 9 khóa đào tạo cho 371 nhân viên y tế thuộc tỉnh Lào Cai và 110 cán bộ y tế của Lào Cai đã về tham gia các khóa đào tạo kỹ thuật từ cơ bản đến chuyên sâu tại Bệnh viện Bạch Mai. Tính cả số lượng đào tạo trực tiếp tại địa phương và đào tạo tại Bệnh viện Bạch Mai, trong hai năm 2021-2022, đã có gần 600 cán bộ của tỉnh Lào Cai được đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn y tế.

Trong năm 2022, Sở Y tế đã tham mưu cho tỉnh Lào Cai khởi động chương trình hợp tác giúp đỡ toàn diện của Học viện Y học cổ truyền Trung với Bệnh viện YHCT tỉnh; Bệnh viện Đại học Y Hà Nội với BVĐK Bảo Yên, Bắc Hà.

Thông qua các chương trình hợp tác, các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Lào Cai có điều kiện tiếp thu các kỹ thuật cao, hiện đại từ bệnh viện tuyến trên, qua đó nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giúp người bệnh được tiếp cận những dịch vụ kỹ thuật cao ngay tại địa phương, giảm chuyển tuyến, tiết kiệm chi phí điều trị, góp phần giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống./.

Thành Nam



BỆNH VIỆN ĐA KHOA BÁT XÁT: TÍCH CỰC ĐỔI MỚI VÌ MỤC TIÊU BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Đổi mới phong cách thái độ phục vụ

BVĐK Bát Xát đã thành lập ban Đổi mới phong cách phục vụ người bệnh; Tổ thường trực đường dây nóng; Tổ kiểm tra, giám sát bệnh viện; Phòng công tác xã hội, mỗi đơn vị sẽ có nhiệm vụ cụ thể và cùng phối hợp với nhau để thực hiện tốt nhất mục tiêu đổi mới phong cách, thái độ phục vụ người bệnh.

Định kỳ hàng năm, Bệnh viện tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, nhân viên về kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh. Ngoài tự tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, những năm gần đây, Bệnh viện còn mời các chuyên gia từ Trung ương về truyền đạt kỹ năng giao tiếp cho cán bộ, nhân viên.

Là đơn vị y tế đóng trên địa bàn huyện miền núi nên đa số bệnh nhân của Bệnh viện là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí không đồng đều,

việc được hướng dẫn, tư vấn về các thủ tục hành chính, chế độ là rất cần thiết đối với người dân. Theo đó, Phòng công tác xã hội của Bệnh viện ngoài nắm bắt kịp thời những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ, thăm hỏi động viên còn thực hiện tốt nhiệm vụ tiếp đón, hướng dẫn, hỗ trợ người dân khi đến khám, chữa bệnh tại Bệnh viện.

Bên cạnh đó, xác định xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp là một trong những giải pháp quan trọng để phục vụ người bệnh được tốt hơn, Bệnh viện đã thực hiện, xây dựng, cải tạo lại khuôn viên; xây dựng các vườn hoa, bổ sung chậu hoa, cây cảnh tại các hành lang, sảnh chờ; đặt thêm các ghế đá trong khuôn viên bệnh viện. Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn được thực hiện thường xuyên tại các khoa phòng của Bệnh viện.

Đặc biệt, Bệnh viện thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn, cũng như tinh thần,

thái độ phục vụ của nhân viên y tế. Bên cạnh đó, hoạt động tiếp nhận ý kiến phản hồi của người bệnh qua đường dây nóng, qua hòm thư góp ý và phiếu khảo sát đã giúp Bệnh viện nắm bắt được những tồn tại, vướng mắc trong hoạt động chuyên môn, cũng như tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên y tế để kịp thời khắc phục.

Hàng năm, BVĐK Bát Xát còn cử nhiều lượt cán bộ đi tham các lớp tập huấn do tuyến trên tổ chức về công tác chuyên môn; hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao năng lực, tay nghề của nhân viên y tế. Từ đó đẩy mạnh chất lượng dịch vụ, từng bước đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân.

Tích cực áp dụng các kỹ thuật mới trong chuẩn đoán và điều trị

BVĐK Bát Xát xác định phát triển các dịch vụ kỹ thuật là một trọng trong những giải pháp quan trọng trong thực hiện lộ trình tự chủ, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phục vụ người dân tốt hơn. Để phát triển các kỹ thuật mới, Bệnh viện đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sỹ. Nhiều hình thức đào tạo đã được Bệnh viện áp dụng, từ cầm tay chỉ việc, truyền đạt kinh nghiệm, đến liên kết với bác sỹ tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến Trung ương... Hiện tại, Bệnh viện đã có 11 bác sỹ trình độ sau đại học về chuyên khoa sâu như: Ngoại khoa, sản, hồi sức cấp cứu và một số chuyên khoa khác.



Trao quà cho các bệnh nhi tại Bệnh viện Đa khoa Bát Xát

Sau khi được đào tạo, các y, bác sĩ đã phát huy tốt năng lực, ứng dụng kỹ thuật mới vào khám và điều trị, giúp Bệnh viện phát triển thêm được nhiều dịch vụ kỹ thuật mới.



Bác sĩ của Bệnh viện Đa khoa Bát Xát thực hiện các chỉ định cận lâm sàng cho bệnh nhân khám hậu Covid-19

Theo số liệu báo cáo, hiện nay Bệnh viện đã được phê duyệt 7420 dịch vụ kỹ thuật, trong đó có 6957 kỹ thuật đúng tuyến và 443 kỹ thuật vượt tuyến, có 20 kỹ thuật nhận chuyển giao từ bệnh viện tuyến trên. Đáng chú ý, chỉ trong năm 2020 và 03 tháng đầu năm của năm 2023, Bệnh viện đã được phê duyệt bổ sung 3876 kỹ thuật theo phân tuyến.

Đặc biệt, Bệnh viện đã làm chủ nhiều kỹ thuật mới như: Nội soi gấp sỏi bàng quang; nội soi ống mềm đường tiêu hóa bằng phương pháp vô cảm; phẫu thuật nội soi; phẫu thuật trĩ IV; phẫu thuật nội soi ổ bụng chuẩn đoán; định lượng T3, T4, TSH; chụp XQKTS; siêu âm doppler mạch máu ... Với việc triển khai được nhiều kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh, Bệnh viện đã giúp người dân được thụ hưởng những dịch vụ kỹ thuật y tế chất lượng, hạn chế chuyển tuyến, tiết kiệm thời gian và chi phí điều trị.

Được biết, trong thời gian tới, bên cạnh việc tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tăng cường đào tạo, phát triển kỹ thuật, nâng cao kỹ năng ứng xử của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh, BVĐK Bát Xát sẽ tập trung phát triển các phần mềm bảo hiểm điện tử, quản lý bệnh viện ... để cùng ngành Y tế Lào Cai thực hiện thành công quá trình chuyển đổi số. Đây cũng là hoạt động góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng phục vụ người dân được tốt hơn./.

Hùng Minh

Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng là bệnh viện hạng II, quy mô 16 khoa, phòng, 340 giường bệnh, có nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong huyện và một số xã của các huyện giáp ranh. Những năm trước đây, Bệnh viện hoạt động trong điều kiện cơ sở hạ tầng được đầu tư và đưa vào sử dụng từ năm 2000, nên sau thời gian dài đã xuống cấp, hư hỏng nặng. Các vật tư, thiết bị y tế của Bệnh viện được tài trợ từ dự án 7 tỉnh miền núi phía bắc, xã hội hóa... cũng đã xuống cấp hoặc hư hỏng, không đủ đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Kể từ khi được thụ hưởng các nguồn đầu tư theo Đề án 07, cơ sở hạ tầng của Bệnh viện đã được cải tạo, đầu tư xây mới ngày càng khang trang. Bệnh viện đã được đầu tư và đưa vào khai thác khu nhà 7 tầng với nhiều trang thiết bị hiện đại, giúp giải quyết được tình trạng quá tải, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hiện nay, Bệnh viện cũng đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng mở rộng khuôn viên và xây mới khối nhà điều trị 8 tầng với tổng dự toán đầu tư xây dựng 75 tỷ đồng; tiếp tục sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho Phòng khám ĐKKV Tầng Loỏng giai đoạn 2022 - 2023 với tổng kinh phí là 9,8 tỷ đồng; xây dựng kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho Phòng khám ĐKKV Phong Hải.



Bác sĩ Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng khám bệnh cho người dân

Ngoài cơ sở hạ tầng, Bệnh viện cũng được đầu tư mua sắm nhiều thiết bị hiện đại, giúp chẩn đoán chính xác mức độ bệnh như: Máy chụp cắt lớp vi tính, Máy chụp CT scan, máy siêu âm màu 4D, 5D, máy nội soi tiêu hóa, nội soi tai mũi họng, hệ thống máy xét nghiệm, hệ thống phẫu thuật nội soi, máy thở hiện đại, máy điện tim, monitor, máy truyền dịch, bơm tiêm điện... đặc biệt là máy chụp cắt lớp 18 dây, có giá lên đến gần 12 tỷ đồng. Dự kiến trong năm 2023, từ nguồn kinh phí của tỉnh và huyện, Bệnh viện

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẢO THẮNG: PHÁT HUY HIỆU QUẢ TỪ ĐỀ ÁN SỐ 07

Đề án số 07 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển y tế, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân và Công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020 - 2025 khi được triển khai tại Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng đã mang lại hiệu quả toàn diện, làm thay đổi tích cực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ của Bệnh viện, qua đó góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

tiếp tục được trang bị nhiều thiết bị y tế mới, với tổng kinh phí mua sắm gần chục tỷ đồng.

Về nhân lực y tế, chỉ tính riêng trong năm 2022, Bệnh viện đã có hàng chục cán bộ, bác sỹ được cử đi đào tạo CKI và chuyên khoa sau đại học. Trong 3 tháng đầu năm 2023, Bệnh viện đã ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực nhằm phát triển nguồn nhân lực y tế, đủ mọi loại hình đào tạo và đa dạng về đối tượng. Bệnh viện thực hiện đào tạo nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu theo tuyến chuyên môn, theo chức năng nhiệm vụ được giao, trong đó tập trung vào các chuyên khoa như: Nội khoa, Nhi khoa, Sản khoa, Liên chuyên khoa, Gây mê hồi sức...

Bên cạnh đó, Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng cũng là một trong những đơn vị y tế của tỉnh Lào Cai rất tích cực mở rộng hợp tác về đào tạo, chuyển giao các kỹ thuật, hỗ trợ toàn diện về chuyên môn với bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến trung ương.

Hiện nay, Bệnh viện đã ký hợp đồng khám chữa bệnh từ xa với Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chuyên gia cho Nhân dân.

Song song với đó, Bệnh viện luôn chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các hoạt động, triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân, hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), bệnh án điện tử (EMR), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS), trên phần mềm Viettel His phiên bản 6.0. triển khai chữ ký số trong bệnh án điện tử.

Bệnh viện luôn đảm bảo chế độ thường trực cấp cứu, sẵn sàng tiếp nhận, điều trị bệnh nhân và thực hiện nghiêm các quy định về tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân, chất lượng công tác khám bệnh, chữa bệnh được nâng cao, mức độ hưởng thụ các dịch vụ y tế của người dân được tăng lên.

Theo báo cáo của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, trong năm 2022, Bệnh viện đã được phê duyệt mới được gần 276 danh mục kỹ thuật, nâng tổng số danh mục kỹ thuật được phê duyệt tại Bệnh viện là 5.755 kỹ thuật, đạt 36,47% tổng số danh mục kỹ thuật theo TT 43/2013/TT-BYT và TT 21/2017/TT-BYT. Năm 2023, Bệnh viện dự kiến sẽ có 700 danh mục kỹ thuật đề nghị Sở Y tế phê duyệt, khi đó sẽ nâng tổng số 6.455 kỹ thuật đạt 40,9% tổng số danh mục kỹ thuật theo TT 43/2013/TT-BYT và TT 21/2017/TT-BYT.

Đây là cơ sở giúp công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng được duy trì thường xuyên, tổng số lượt khám chữa bệnh năm 2022 là 121.268 lượt người, đạt 122,3% so với kế hoạch.

Có thể nói, Đề án 07 khi được triển khai đã tác động toàn diện đến hoạt động khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng. Từ việc cơ sở hạ tầng được nâng cấp và đầu tư mới phù hợp với công năng và quy mô giường bệnh; các trang thiết bị y tế được mua sắm và đưa vào sử dụng hiệu quả; trình độ chuyên môn của cán bộ y tế được nâng cao thông qua việc đẩy mạnh đào tạo và hợp tác về chuyên môn, giúp cho năng lực khám chữa bệnh của Bệnh viện ngày một cải thiện, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao./.



Khu nhà 07 tầng mới được đưa vào sử dụng của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng

Minh Châu

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẢO THẮNG: PHÁT HUY HIỆU QUẢ TỪ ĐỀ ÁN SỐ 07

Đề án số 07 của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển y tế, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân và Công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020 - 2025 khi được triển khai tại Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng đã mang lại hiệu quả toàn diện, làm thay đổi tích cực về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ của Bệnh viện, qua đó góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

tiếp tục được trang bị nhiều thiết bị y tế mới, với tổng kinh phí mua sắm gần chục tỷ đồng.

Về nhân lực y tế, chỉ tính riêng trong năm 2022, Bệnh viện đã có hàng chục cán bộ, bác sỹ được cử đi đào tạo CKI và chuyên khoa sau đại học. Trong 3 tháng đầu năm 2023, Bệnh viện đã ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực nhằm phát triển nguồn nhân lực y tế, đủ mọi loại hình đào tạo và đa dạng về đối tượng. Bệnh viện thực hiện đào tạo nhân lực y tế đáp ứng nhu cầu theo tuyến chuyên môn, theo chức năng nhiệm vụ được giao, trong đó tập trung vào các chuyên khoa như: Nội khoa, Nhi khoa, Sản khoa, Liên chuyên khoa, Gây mê hồi sức...

Bên cạnh đó, Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng cũng là một trong những đơn vị y tế của tỉnh Lào Cai rất tích cực mở rộng hợp tác về đào tạo, chuyển giao các kỹ thuật, hỗ trợ toàn diện về chuyên môn với bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến trung ương.

Hiện nay, Bệnh viện đã ký hợp đồng khám chữa bệnh từ xa với Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chuyên gia cho Nhân dân.

Song song với đó, Bệnh viện luôn chú trọng đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các hoạt động, triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các phần mềm hồ sơ sức khỏe cá nhân, hệ thống thông tin bệnh viện (HIS), bệnh án điện tử (EMR), hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS), trên phần mềm Vietel His phiên bản 6.0. triển khai chữ ký số trong bệnh án điện tử.

Bệnh viện luôn đảm bảo chế độ thường trực cấp cứu, sẵn sàng tiếp nhận, điều trị bệnh nhân và thực hiện nghiêm các quy định về tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân, chất lượng công tác khám bệnh, chữa bệnh được nâng cao, mức độ hưởng thụ các dịch vụ y tế của người dân được tăng lên.

Theo báo cáo của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, trong năm 2022, Bệnh viện đã được phê duyệt mới được gần 276 danh mục kỹ thuật, nâng tổng số danh mục kỹ thuật được phê duyệt tại Bệnh viện là 5.755 kỹ thuật, đạt 36,47% tổng số danh mục kỹ thuật theo TT 43/2013/TT-BYT và TT 21/2017/TT-BYT. Năm 2023, Bệnh viện dự kiến sẽ có 700 danh mục kỹ thuật đề nghị Sở Y tế phê duyệt, khi đó sẽ nâng tổng số 6.455 kỹ thuật đạt 40,9% tổng số danh mục kỹ thuật theo TT 43/2013/TT-BYT và TT 21/2017/TT-BYT.

Đây là cơ sở giúp công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng được duy trì thường xuyên, tổng số lượt khám chữa bệnh năm 2022 là 121.268 lượt người, đạt 122,3% so với kế hoạch.

Có thể nói, Đề án 07 khi được triển khai đã tác động toàn diện đến hoạt động khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng. Từ việc cơ sở hạ tầng được nâng cấp và đầu tư mới phù hợp với công năng và quy mô giường bệnh; các trang thiết bị y tế được mua sắm và đưa vào sử dụng hiệu quả; trình độ chuyên môn của cán bộ y tế được nâng cao thông qua việc đẩy mạnh đào tạo và hợp tác về chuyên môn, giúp cho năng lực khám chữa bệnh của Bệnh viện ngày một cải thiện, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cao./.



Khu nhà 07 tầng mới được đưa vào sử dụng của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng

Minh Châu

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ NAM: KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU



Phẫu thuật nội soi là một trong những kỹ thuật chuyên môn sâu sẽ tiếp tục được đẩy mạnh ở BVĐK Hà Nam.

Là bệnh viện tuyến cuối và có chuyên môn kỹ thuật cao nhất tại tỉnh Hà Nam, những năm qua, Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh Hà Nam luôn dành sự quan tâm hàng đầu tới việc triển khai các kỹ thuật cao, chuyên sâu. Trong 3 năm vừa qua, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, đội ngũ bác sĩ, nhân viên y tế của BVĐK tỉnh Hà Nam đã cùng ngành y tế cả nước tham gia tích cực vào điều trị và chăm sóc cho bệnh nhân nhiễm Covid-19, góp phần bảo vệ tính mạng và sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh cũng như tại khu vực phía Nam (tại Bệnh viện dã chiến số 13).

Khi tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát, BVĐK tỉnh Hà Nam đã nhanh chóng triển khai các giải pháp đảm bảo điều kiện khám, chữa bệnh an toàn (tăng cường kiểm soát lây nhiễm), đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng bệnh viện. Cụ thể, Bệnh viện đã triển khai kế hoạch chăm sóc toàn diện tại một số khoa, phòng; khử khuẩn dụng cụ, thu gom cung cấp đồ vải tại giường, suất ăn bệnh lý cho người bệnh; tổ chức 06 khóa đào tạo, bồi dưỡng gồm: 02 khóa cho cán bộ quản lý cấp khoa, phòng và 04 khóa đào tạo nhân viên y tế về tư vấn dịch vụ khám chữa bệnh

Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam được thành lập năm 1954, trải qua gần 70 năm xây dựng và trưởng thành, vượt qua rất nhiều khó khăn, thử thách, đơn vị không ngừng lớn mạnh, từng bước mở rộng quy mô và nâng cao năng lực khám chữa bệnh phục vụ sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

nhằm tiếp tục nâng cao tinh thần thái độ vì sự hài lòng của người bệnh; tiến hành thay đổi cảnh quan khoa, phòng bệnh viện, cây xanh hành lang,... tạo môi trường sạch đẹp, giúp người bệnh có cảm giác thư thái đỡ căng thẳng, áp lực trong điều trị.

Song song với đó, BVĐK tỉnh Hà Nam đẩy mạnh phát triển các kỹ thuật chuyên môn sâu. Đây là nhiệm vụ quan trọng để bệnh viện xứng đáng là bệnh viện hạng I, bệnh viện tuyến cuối có chuyên môn y tế cao nhất tại tỉnh. Xuất phát từ mục tiêu xuyên suốt này, các thể hệ lãnh đạo Bệnh viện đã tranh thủ mọi nguồn lực, mọi sự quan tâm để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Bệnh viện thường xuyên cử viên chức luân phiên đi đào tạo về chuyên môn sâu ở một số chuyên ngành. Nhờ quá trình đào tạo liên tục, Bệnh viện có đội ngũ y bác sĩ giỏi chuyên môn, giàu trách nhiệm, gồm hơn 232 bác sĩ, trong đó có trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ, BSCKI, BSCKII) trở lên là 120 người, chiếm 51,7%.

Đặc biệt, trong 2 năm gần đây, BVĐK tỉnh Hà Nam đã triển khai mới hơn 40 kỹ thuật chuyên sâu trong các lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh (chụp cộng hưởng từ, chụp cắt lớp vi tính 128 dãy dựng hình 3D, siêu âm tim, siêu âm tuyến giáp, xương khớp...), hồi sức cấp cứu (lọc máu liên tục, thay huyết tương, theo dõi huyết động liên tục), hỗ trợ sinh sản, phẫu thuật nội soi trong sản phụ khoa, nội soi can thiệp, điện quang can thiệp...

Nhiều kỹ thuật mới được đưa vào ứng dụng thường quy đã nâng cao hiệu quả điều trị thực tế cho người bệnh, góp phần cứu sống bệnh nhân, nhất là những bệnh nhân nặng, rất nặng, trước đây phải chuyển tuyến Trung ương.



Các bác sĩ của Bệnh viện ân cần thăm khám cho người bệnh

Thời gian tới, BVĐK tỉnh Hà Nam tiếp tục đặt trọng tâm vào nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nhiễm khuẩn (áp dụng triệt để khử khuẩn tập trung); tăng cường công tác đào tạo; rà soát các danh mục, dịch vụ kỹ thuật để triển khai các kỹ thuật chuyên sâu, nhất là trong lĩnh vực hồi sức cấp cứu, nội khoa, tim mạch can thiệp, chẩn đoán hình ảnh; nghiên cứu thành lập mới khoa lão, phục vụ chăm sóc, điều trị cho đối tượng người cao tuổi (ngày càng tăng). Cùng với đó, Bệnh viện đang nghiên cứu hợp tác với đối tác quốc tế (Hàn Quốc) nhằm phát huy lợi thế đội ngũ bác sĩ ngoại khoa hùng hậu triển khai các dịch vụ trong lĩnh vực thẩm mỹ, phục vụ nhu cầu làm đẹp ngày càng lớn của nhân dân trong tỉnh và lân cận./.

Trịnh Long